

# TRUYỆN SỬ

## Vũ Thanh Thư

### Mục Lục

Lời Nói Đầu

- \* Lời Mở Đầu Về Thời Đại Tự Chủ
- \* Nhà Ngô
- \* Nhà Đinh
- \* Nhà Tiền Lê
- \* Nhà Hậu Lý
- \* Lý Thái Tổ
- \* Lý Thái Tông
- \* Lý Thánh Tông
- \* Lý Nhân Tông
- \* Lý Thần Tông
- \* Lý Anh Tông
- \* Lý Cao Tông
- \* Lý Huệ Tông
- \* Lý Chiêu Hoàng
- \* Nhà Trần
- \* Trần Thái Tông
- \* Giặc Nguyên
- \* Kháng Nguyên Lần I
- \* Trần Thánh Tông
- \* Trần Nhân Tông
- \* Kháng Nguyên Lần II
- \* Kháng Nguyên Lần III
- \* Trần Anh Tông
- \* Trần Minh Tông
- \* Trần Hiến Tông
- \* Trần Dụ Tông
- \* Trần Nghệ Tông
- \* Trần Duệ Tông
- \* Trần Phế Đế
- \* Trần Thuận Tông
- \* Chú Thích

## LỜI NÓI ĐẦU

Trước đây thân phụ tôi là cụ Vũ Huy Chân có xuất bản cuốn Việt Sử Thông Lãm, là cuốn sử liệu viết bằng văn vần, kể từ thời lập quốc cho đến hết thời Bắc thuộc. Sách dường như đã được viết từ lâu lắm, nhưng trải qua nhiều năm di tản vì chiến tranh, bản thảo nhiều phần bị thất lạc, cho nên mãi đến năm 1973 mới được xuất bản ở Sài-gòn. Rồi vì những biến cố chính trị tiếp theo đó, việc phát hành đã lại bị chậm trễ và việc soạn thảo phần nối tiếp cũng đành phải bỏ dở dang. Cụ mất ở Sài-gòn vào năm 1988, vài tháng sau khi được trả về từ trại tù Cải tạo.

Vì mong ước hoàn thành phần nào tâm nguyện của người trước tôi đã nảy ra ý định tiếp tục viết phần sách chưa hoàn tất. Cuốn Truyện Sử này đã được khởi sự như thế.

Về sử liệu, phần biên soạn của tôi phần lớn dựa trên hai tài liệu giáo khoa chính được sử dụng trước đây, là cuốn Việt-Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim và cuốn Việt Sử Toàn Thư của Phạm Văn Sơn. Mặc dầu việc trình bày sử kiện được viết bằng ngôn ngữ của tâm cảm và viết theo lối kể chuyện, tôi cũng đã cố gắng tìm những chú thích cần thiết ở nhiều nguồn sử liệu khác để cho việc tham khảo được tạm đầy đủ.

Về phần sử quan, hai chữ "Văn-hiến" mà tôi cảm nhận được như toàn bộ nội dung của một bản "Hiến chương lập quốc" từ ngàn xưa của nước ta đã là ngọn đuốc soi đường hướng dẫn việc biên soạn. Với ánh sáng ngàn đời ấy, nguồn tâm cảm không bị ngưng trệ ở những đặc thất hơn thua; những bài học quý giá của lịch sử được tìm ở cả những lúc vận nước thịnh cường cũng như những hồi suy vi, sa sút.

Về quan điểm dân sinh, cuộc sinh tồn vừa bất khuất vừa bao dung của dân tộc đã cho tôi nhìn thấy ở đây một nguồn đạo-sống dung dị nhưng tiềm tàng mãnh liệt, tạo nên nét tinh anh, khí phách của nòi giống Việt. Trong buổi ban đầu của thời đại tự chủ, vào các thời Lý- Trần, tinh thần "Tam giáo đồng lưu" đã chan hoà với nguồn đạo sống ấy. Thế hệ sau cho rằng chỉ khi nào đạo giáo "nhẹ thấm vào lòng người như sương như mưa" mới làm lợi lớn cho dân tộc; còn khi "đã thành đê thành đập" thì có khi lại gây nên những đổ vỡ khó khăn. Nước ta trọng Nho giáo vì triết lý đạo Nho tuy bao la mà lại gần gũi với nếp sống tự nhiên của con người, nhưng cũng phải nhận rằng bởi có sự đồng hành của Phật giáo và Lão giáo, sự thành tựu của Nho giáo mới vẹn tròn thiết thực.

Trở lại việc biên soạn, thân phụ tôi đã viết cuốn Việt Sử Thông Lãm, nội dung hầu hết nói về thời Bắc thuộc, để ghi chép lại những trang Vong Quốc Sử. Nay viết tiếp về thời đại tự chủ của dân tộc ta, tôi đã có cơ may được chép lại những dòng Văn Hiến Sử rõ nét nhất. Ước mong bạn đọc sẽ tìm thấy ở đây ít nhiều niềm vui thú khi đọc Quốc sử bằng văn vần.

Sau hết việc biên soạn không tránh khỏi những điều thiếu sót, thành thật xin được quý vị chỉ giáo.

**Trần Trọng**

**Vũ Thanh Thư**

## LỜI MỞ ĐẦU VỀ THỜI ĐẠI TỰ CHỦ

... Nay giờ lại mấy trang quốc sử

Ngẫm những điều áp ứ cao xa

Ngàn xưa lưu thế hệ ta

4. Láy câu "Văn hiến" mở ra vui bàn...

Đất Giao Châu hơn ngàn năm cũ

Từ Khúc (1), Dương (2) đuổi lũ sài lang  
Dựng cờ tự chủ vẻ vang

8. Nước non riêng cõi, Nam bang một nhà.  
Nào ngờ họa can qua chưa dứt  
Nam Hán quân (3) dốc lực kéo sang  
Tiến vào cửa Bạch Đằng Giang (4)
12. Chiến thuyền chạt nước kỳ quang rợp trời.  
Hồi trống đồng nung sôi lòng Việt  
Tiếng thét quân oanh liệt khí Hùng  
Ầm ầm một trận thủy công
16. Sạch cơn sóng dữ cạn dòng kinh ngư.  
Bạc danh tướng (5) thiên tư un đúc  
Xếp nhung y hiển đức quân vương  
Dựng nền tự chủ Nam phương
20. Khơi dòng khí phách, mở đường tinh anh.  
Kể từ thuở Ngô, Đinh dựng nước,  
Kể Tiền Lê chặn bước Tống quân,  
Trải qua triều đại Lý, Trần,
24. Hồ, Lê nối nghiệp đến phần Tây-Sơn,

Vận nước trái bao cơn nguy biến,  
Nổi dân từng chinh chiến thảm thương  
Vẫn nuôi dòng máu quật cường,  
28. Xây nền văn hiến, khơi nguồn văn minh.

- Đất ngàn năm đã thành sự nghiệp,  
Nền kỷ cương phải tiếp đắp bồi;  
Làm người đạ đất đội trời  
32. Há mang quốc phả ngàn đời bỏ đi.

- Chữ Văn Hiến khắc ghi gìn giữ  
Cho ngàn sau tự chủ lưu phương  
Ấy là Lập quốc Hiến chương (6)  
36. Làm nên nền móng tự cường quốc gia.

#### NHÀ NGÔ

\*Ngô Quyền với bước đầu dựng nền tự chủ.

- Năm Tân-Hợi (dl.939) nước nhà độc lập  
Đức Ngô Quyền xướng bậc quân vương  
Cổ-Loa mưu việc tự cường (7)  
40. Lập triều nghi dựng kỷ cương lâu bền.

Xây xā tắc mở nền tự chủ,  
Vượng dân sinh mưu sự thái hoà,  
Khởi công tạo dựng quốc gia

44. Làm cho tỏ mặt con nhà Rồng Tiên.

Tiết thay mới sáu niên ngắn ngủi  
Tiền Ngô Vương đã vội về trời  
Đem lời ký thác con cô

48. Là Ngô Xương-Ngập cho người Dương gia (8).

Nào ngờ Dương Tam-Kha cải chiếu  
Tự lên ngôi xưng hiệu Bình-Vương  
Ngô Xương-Ngập đã cùng đường

52. Mới tìm chạy đến Hải-Dương lánh mình (9).

Ngô Xương-Văn cũng tình cốt nhục (10)  
Lại được Kha rất mực tin dùng  
Cho cùng tham dự quân trung

56. Sai đi đánh dẹp ở vùng Sơn-Tây.

Cơ tao loạn ai gây nên nỗi ?  
Buổi nhiều nhưng giặc nổi như ong.  
Nhân khi tiểu giặc vừa xong

60. Ba quân trở ngọn cờ hồng về Kinh.

Đỗ Cảnh-Thạc hùng binh sẵn khởi  
Mưu cùng Dương Cát-Lợi tướng quân  
Giáo gươm thẳng Cổ-Loa thành

64. Dựng cờ phò tá Xương-Văn trở về.

Tung mề lưới kinh nghệ khôn lọt  
Bủa rừng gươm beo cọp phải tan  
Ngô triều thu lại giang san

68. Anh em đoàn tụ nước non một nhà (11)

Ngô Xương-Ngập xưng là Thiên-Sách  
Năm quyền binh đảm trách chính triều  
Bốn năm sống chẳng bao nhiêu

72. Càng lo gỡ rối càng nhiều khó khăn.

Nam-Tấn-Vương, Xương-Văn xưng hiệu,  
Lúc lên ngôi dâng biểu cầu phong

Đang khi Nam-Hán thịnh hưng

76. Phong Tiết-độ-sứ liệt trong chư hầu.

Việc đánh dẹp trước sau trăm trận

Gánh sơn hà lặn độn ngược xuôi

Hoa-Lư chưa kịp chiến hồi

80. Thái-Bình kia đã sục sôi chiến trường (12).

Vương cậy có binh cường tướng mạnh

Tự đem quân tiến đánh Sơn-Tây

Cũng vì khinh địch hại thay

84. Trúng tên gục ngã ở ngay trận tiền.

Ngô vương mất quân quyền sụp đổ,

Sứ quân chia lãnh thổ xưng hùng,

Cổ-Loa tàn cuộc phế hưng

88. Cờ lau kia đã hện cùng nước non.

#### THẬP NHỊ SỨ QUÂN (945 - 967)

Ngô Xương-Xí là con Xương-Ngập

Bỏ Cổ-Loa giữ đất Bình-Kiều

Từ nay sự nghiệp Ngô triều

92. Chỉ còn một đám bọt bèo Sứ quân.

Họa xâu xé tam phân ngũ liệt

Mười hai phương hào kiệt chia phần

Gọi là Thập Nhị Sứ Quân

96. Hai mươi năm lẻ nước dân tiêu điều.

Ngô Xương-Xí Bình-kiều phiêu bạt (13)

Đỗ Động giang, Cảnh-Thạc xưng hùng (14)

Bố Hải Khẩu : Trần Minh-Công (15)

100. Kiêu Công-Hãn đóng ở vùng Phong Châu (16)

Nguyễn Khoan giữ địa đầu Tam Đái (17)

Ngô Lãm-Công đóng tại Đường Lâm (18)

Lý Khuê Siêu-loại đồn quân (19)

104. Nguyễn Thủ-Tiếp chiếm đóng phần Tiên Du (20)

Tế-giang huyện là khu Lữ Tá (21)

**Phù-Liệt thành cát cứ Nguyễn Siêu (22)**

**Hồi-hồ, sứ Thuận họ Kiều (23)**

**108. Phạm Bạch-Hổ chiếm Đẳng-Châu quê nhà (24).**

**Cơn thắng bại rượu hoà nước mắt  
Cuộc hơn thua ruột thắt nguồn đau  
Cuồng say giấc mộng công hầu**

**112. Hăm hai năm ấy (25) ngàn sau biếm truyền.**

**Thời đại loạn bạo quyền thao túng  
Buổi nhiều nhường dân chúng lầm than  
Xót thay cốt nhục tương tàn**

**116. Thảm thay giấc mộng kê vàng phù du!**

**NHÀ ĐÌNH (968 - 980)**

**\* Đình Bộ Lĩnh dẹp loạn Sứ Quân**

**Thời ấy ở Hoa-Lư sơn động (26)**

**Có một người vũ dũng hiên ngang  
Họ Đình quê ở châu Hoan**

**120. Tên là Bộ-Lĩnh con quan cự triều (27).**

**Cha mất sớm về theo quê mẹ,  
Lúc thiếu thời cùng trẻ chăn trâu  
Dàn quân tập trận cờ lau**

**124. Xẻ cơm khao tốt, mổ trâu đãi hiền!**

**Đường sự nghiệp càng nên chí lớn  
Dời quê hương tìm chốn tiến thân  
Theo Bố-Hải-khẩu Sứ-quân (28)**

**128. Được cùng dưới trướng dự phần binh cơ.**

**Khi Lãm mất cơ đồ trao lại,  
Ông chuyển quân về trại Hoa -Lư  
Đồn lương, đãi mộ sĩ phu**

**132. Thao binh luyện tướng chờ cơ vẫy vùng.**

**Thời thế tạo anh hùng mới biết  
Địa linh sinh nhân kiệt ngờ đâu  
Non xanh nước biếc một màu**

**136. Hoa-Lư tụ cả Giao-Châu thất hùng (29).**

Hậu Ngô Vương đã từng chinh phạt  
Vào Hoa-Lư lại rút quân về (30)  
Đến khi Ngô đại suy vi

140. Hoa-Lư quật khởi dựng cờ dấy binh.

Cờ Vạn-Thắng (31) đông chinh tây phạt  
Cối sa trường gió cát ngùi bay  
Ầm ầm trống giục chiêng lay

144. Lửa thiêu chất ngất khói vây chập chùng.

Quân Đẳng-Châu (32) tuyệt đường tan vỡ  
Đổ-động giang (33) huyện đổ thành nghiêng...  
Hùng binh theo ngọn lửa thiêng

148. Một năm ròng rã dẹp yên cõi bờ.

Xuân Vạn Thắng cơ đồ một mối  
Nước thanh bình vậ hội canh tân  
Trải qua một cuộc phong trần

152. Trăm hoa nay lại muôn phần đẹp tươi.

\* Đinh Tiên-Hoàng dựng đế nghiệp

Đinh Bộ-Lĩnh lên ngôi hoàng đế (34)  
Lập triều nghi định kế an bang  
Ngài xưng đế hiệu Tiên-Hoàng

156. Nước: Đại Cồ Việt, Kinh: thành Hoa-Lư.

Thuở ấy Tống cũng vừa khởi nghiệp (35)  
Họa Bắc phương chưa biết xa gần  
Lại vừa dứt loạn Sứ-quân

160. Bởi nên việc võ dự phần quan ưu.

Các chức phẩm đại triều khanh tướng,  
Các tước hàm ân thưởng công hầu  
Đều ban thứ tự trước sau

164. Cho hàng vũ dũng bấy lâu một lòng.

Đầu triều Định Quốc Công Nguyễn Bặc  
Bặc trung lương đệ nhất công thần,  
Lê Hoàn : Thập Đạo Tướng Quân

168. Hùng binh trăm vạn xa gần dưới tay (36).

Tuy quân thế ngày rầy đã mạnh  
So hùng cường khó sánh Bắc phương;  
Hai lần sứ bộ lên đường

172. Mang đồ phương vật tiến dâng Tống triều (37).

Việc thông hiếu đã nhiều thuận lợi,  
Thuật chặn dân càng giỏi liệu bề  
Đặt ra luật lệ khắt khe

176. Dùng hình phạt dữ răn đe ác hành (38).

Tiên-Hoàng lại lập ngành tăng thống  
Phong Quốc sư, trọng dụng nhân tài (39)  
Cho nên nước dưới triều ngài

180. Dân sinh an lạc mười hai năm ròng.

Mới biết bậc anh hùng chí cả  
Dù trên lưng chiến mã lập công  
Nào riêng đánh Bắc dẹp Đông

184. Đã ngoài mềm mỏng lại trong cương cường.

\* Nhà Đinh suy tàn

Tiết thay đã trăm đường liệu định  
Cũng chỉ trong vụng tính phút giây  
Chọn người con nhỏ thơ ngây

188. Phong làm Thái-tử mà gây tương tàn (40).

Trong cốt nhục gia cang đã mất  
Ngoài triều cương vị tất vẹn toàn  
Người theo Đinh-Liên trưởng nam

192. Kẻ hờn ấu chúa Hạng-Lang bỏ mình.

Phúc chẳng nối, họa sinh thêm họa,  
Trong thịnh cường sẵn đã suy vi;  
Anh hùng trăm trận lừng uy

196. Hại thay chung vận chết vì tiểu nhân.

Kể Đỗ-Thích cận thần ti tiện  
Năm ngủ mê tính chuyện chiêm bao (41)  
Đêm khuya cung cấm lén vào

200. Giết luôn một lượt châu Giao nhị hùng.



Tiên-Hoàng đế chết cùng Đinh Liễn  
Chuyện tày đình suy biện dễ thay:  
Gian thần Đỗ Thích đầu bay

204. Vệ Vương Đinh Tuệ định ngày lên ngôi (42).

Đinh Thiếu-đế đang hồi thơ ấu,  
Mẹ là Dương Thái-hậu lâm triều  
Xuân xanh đang thưở nhụy kiều

208. Chẳng ba đào cũng đắm xiêu anh hùng.

Người ấy ngôi bình trung tột đỉnh,  
Lại đương triều Nhiếp chính đại thần  
Chính là Thập-đạo Tướng-quân (43)

212. Vào ra thao túng mười phần tự chuyên.

Bọn Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Phạm Hạp  
Về Ái-Châu khẩn cấp khởi binh;  
Lê Hoàn sẵn kế Nam chinh

216. Lưới dày hồ dễ dung tình hùm beo.

Quân nghĩa dững Ái-Châu tan vỡ (44)  
Nghiệp Đinh triều cột trụ còn đâu  
Nước non man mác một màu

220. Hoa-Lư gió phất ngàn lau xanh rì!

**NHÀ TIỀN LÊ (980 -1009)**

\*Lê Hoàn phá quân Tống

Buổi triều chính suy vi chìm nổi  
Cõi biên thuỳ quen thói phong ba  
Nhìn vào cơ sự nước ta

224. Bọn biên quan Tống dễ tha được nào.

Truyền văn võ, Tống trào nghị sự,  
Kén tướng tài gấp cử đại binh  
Ầm ầm cờ kéo Nam chinh

228. Đạo xuôi xứ Lạng, đạo vòng biển khơi (45).

Tin chiến sự dập dờn quan ải  
Hồi trống khuya khắc khoải canh đầu  
Lòng riêng gác lại bấy lâu

232. Ba quân thề thốt trước sau một lòng.

Phạm Cự-Lượng nay phong đại tướng  
Lãnh cảm nang chấp chưởng binh phù;  
Trước giờ ban lệnh xuất sư

236. Họp cùng tướng sĩ phân bua ngọn ngành:

Kẻ chinh chiến vào sanh ra tử  
Vua còn thơ, ai xử cho đồng,  
Hoặc khi tiến thoái đột xông,

240. Hoặc là tướng thường chiến công chu toàn.

Chi bằng trước tôn Hoàn lên chúa,  
Sau chiến bào yên ngựa xuất chinh.  
Ba quân vang dậy đồng thanh,

244. Hoàng bào phút đã trong mình trao tay (46).

Lê-Hoàn bước lên ngai quốc tế  
Xưng Lê triều Hoàng-đế Đại-Hành (47)  
Sai người kíp ruổi Tống kinh

248. Dâng thư, dối của họ Đinh phong cầu.

Mời rước mắt để đầu buông thả  
Lời sách yêu nghiệt ngã chẳng vừa  
Đòi Lê Hoàn đích thân đưa

252. Mẹ con Đinh Tuệ thẳng qua Tống triều (48).

Biết giặc Tống đặt điều cự tuyệt,  
Chí Nam quân đã quyết đá vàng;  
Mật mờ khói toả Nam hoang

256. Nhấp nhô thuyền chiến rộn ràng vó câu.

Quân lên Bắc chống Hậu-Nhân-Bảo,  
Thuyền sang Đông ngăn nẻo Lưu-Trùng,  
Đại-Hành Hoàng-đế ung dung

260. Đem binh thuyền xuống đóng vùng Đàng-giang.

Thủy quân giặc đánh sang dữ dội,  
Chiến thuyền Nam toàn đội phải lui.  
Đàng-giang sóng bạc sáng ngời

264. Quân Nam liều chết đền bồi núi sông.

Mặt trận Bắc giặc công càng mạnh,  
Ải Chi-Lăng cờ lệnh ngả nghiêng;

Viện quân chưa kịp kéo lên,  
268. Đại quân Tống đã ngang nhiên tiến vào.

Quân Lê vẫn lùi sâu tuyệt địa,  
Bước đường cùng người ngựa thảm sao!  
Tướng quân cỡi lớt chiến bào,  
272. Dâng hàng thư tỵ nạn vào Tống doanh.

Hầu-Nhân-Bảo hùng oanh lẫm liệt  
Kéo quân vào sào huyết Ôn-khâu;  
Ầm ầm thác đổ bỗng đâu  
276. Nam quân khắp ngả xuất đầu bổ vây.

Cờ Lê chúa tung bay phấp phới,  
Trận trống đồng vang dội sơn Khê,  
Giáo gươm sáng quắc chính tề  
280. Nam quân xung trận muôn bề hùng uy.

Quân nhà Tống hồn phi phách tán,  
Chết thảm thương mấy vạn hùng binh,  
Đại quân phút đã tan thành,  
284. Sa cơ chủ tướng cũng đành đầu rơi! (49)

Thủy quân giặc rụng rời tháo chạy,  
Sóng Bạch-Đằng nay lại bình yên.  
Non xanh nước bạc ngoan hiền,  
288. Ngàn năm công nghiệp còn truyền sử xanh.

**\*Chính sách đối ngoại: Đánh Chiêm, hoà Tống.**

Năm Thiên-Phúc thắng bình mở hội (50)  
Vàng đầu tinh chói lợi trời Giao.  
Vừa yên ổn với Bắc trào  
292. Đại-Hành thân dẫn quân vào Nam chinh.

Nguyên năm trước Chiêm-Thành đoạn nghĩa,  
Lại giam cầm sứ giả Giao-Châu (51);  
Lòng riêng dẫu chẳng thù sâu,  
296. Quốc hờn giục giã vó câu gập ghềnh.

Gươm xẻ núi bạt thành chém tướng,

Giáo chuyển rừng phá chướng khai thông,  
Đánh vào cho tới Chiêm cung,

300. Đánh cho tỏ mặt anh hùng Giao-Châu (52).

Nam Chiêm đã cúi đầu thần phục,  
Bắc Tống còn e lúc đa đoan;  
Âu là cứ kể vẹn toàn,

304. Ngoài hoà cường Tống trong an cõi bờ.

Sứ Nam đến kinh đô nhà Tống,  
Xin giữ phần tiến cống như xưa,  
Lại đem Quách, Triệu (53) trả qua,

308. Trước là thông hiếu, sau là thị oai.

Tống đế đã gờm tài Lê chúa,  
Lại đang hồi khói lửa Bắc biên (54),  
Cho nên dưới giải Nam thiên

312. Mặc giao Lê chúa trọn quyền an dân (55).

Năm Ưng-Thiên Nam quân khởi hấn,  
Mang chiến thuyền cướp trấn Như-Hồng (56),  
Lại khi quấy nhiễu châu Ung,

316. Khi truy nội tặc đến vùng Khâm-Châu.

Triều đình Tống trước sau chẳng hỏi,  
Lại ân ban ngọc đới, chiếu thư.  
Đại-Hành tạ sứ, phân bua

320. Rằng: là giặc bể, năm xưa Như-Hồng;

Nếu Giao quân, Phiên-Ngung thẳng tiến,  
Rồi đại quân, Mân-Việt tràn lên,  
Há chi một mảnh trấn biên

324. Chẳng hay văn võ Ngự tiền biết chưa? (57)

Nền Bách-Bảo nắng mưa dầu dãi (58),  
Ngọn Đại-Văn vạn đại trợ trợ;  
Nhân dân một thuở ơn nhờ

328. Công, thương, nông nghiệp bấy giờ mở mang.

Dân nô nước khai hoang lập ấp,  
Quân mở đường ngăn giặc lập công (59),  
Hai mươi năm lẻ mận nồng,

332. Thịnh suy rồi cũng nổi vòng tử sinh (60).

\* Nhà Tiền Lê suy: Lê Trung Tông và Lê Ngoạ Triều.

Khi Hoàng đế Đại-Hành mệnh tuyệt,  
Con thứ là Long-Việt nổi ngôi;  
Nhà Lê đến vận suy đồi

336. Loạn cung em mượn tay người giết anh (61).

Trong gia đạo đoạn tình cốt nhục,  
Chốn cung đình nát mục ươn hèn,  
Triều thần văn võ bon chen,

340. Khóc vua riêng có Điện-tiền Tướng-quân (62).

Long-Đĩnh triệu quần thần xưng đế,  
Học đòi theo nghi vệ Tống liêu.  
Người đầu dâm bạo đủ điều,

344. Liệt giường nên phải ngoạ triều trị dân! (63)

Ngoài trăm họ oán than bất phục,  
Trong anh em quay mặt chống nhau,  
Phù-Lan vừa mới vớ câu

348. Giặc Cử-Long đã vào sâu chiến tràng (64).

Tiếc cho kẻ trụ vàng giáp ngọc,  
Thương cho người bổng lộc ngựa xe;  
Triều cung bày một trò hề

352. Đắm chìm bể khổ sông mê mặc lòng.

Thế mà cũng viễn vong kinh kệ,  
Cũng ra tài tế thế kinh bang (65)  
Canh trâu kinh khuyết mơ màng

356. Nào ngờ bụng kẻ sói lang biên đình.

Sứ Tống rõ nội tình Nam thổ,  
Xin cất quân thủy bộ Nam chinh.  
May thay Tống đế thể tình

360. Lê triều một dạ chẳng đành binh đao (66).

Sai sứ xuống đất Giao phủ dụ,  
Khuyên anh em khá giữ luân thường,  
Lại phong Giao-Chỉ Quận-vương,

364. Ban cho ấn tín liệu phương trị bình.

Lê Long-Đĩnh bình sinh tàn bạo,  
Bốn năm trời nắm đạo trị dân  
Chưa hề bố đức thi ân

368. Nên khi nằm xuống Lê phần đồ theo (67).

Mới biết lưới trời treo lồng lộng,  
Càng ác tai càng chóng suy tàn,  
Mất lòng dân mất giang san,

372. Gìn tâm đức mới muôn vàn bền lâu.

**NHÀ HẬU LÝ(1010 - 1225)**

\* Lý Công Uẩn khởi nghiệp:

Chữ Tâm ấy mở đầu nhân quả,  
Nghịệp theo duyên vay trả, trả vay;  
Người trong thiên hạ xưa nay

376. Giữ điều tâm đức mới đầy phúc duyên.

Khi ấy vận Lê tiền đã dứt,  
Có một người đáng bậc mẫu nghi  
Đức tài vẹn đủ ân uy

380. Tính tình trung hậu, dung nghi rỡ ràng.

Người ấy vốn quê làng Cổ-Pháp (68)  
Nhỏ theo hầu sư bác Khánh-Vân (69)  
Được làm nghĩa tử, tình thâm

384. Mới theo họ Lý nổi phần tục gia (70).

Lý Công Uẩn nay đà thanh thế  
Cầm Tả quân, Thân-vệ Điện-tiền (71)  
Xem ra quả bậc nhân hiền

388. Quần thần mới quyết phò lên ngai vàng.

Ấy cũng kể Đào lang (72) khuynh chánh,  
Ấy cũng mưu Vạn-Hạnh thiên sư (73);  
Tuy nhiên trong cõi phù du

392. Dân là quý trọng, quân cư xá gì (74).

Nợ xã tắc thôi thì gánh vác,  
Nỗi trăm dân phó mặc lẽ nao;

Cửa công đã bước chân vào,  
396. Càng đầy phúc phận càng cao nhọc nhằn.

Triều Hậu Lý hai trăm năm lẻ (75)  
Đại-Việt ta trăm vẻ hùng anh.  
Bông sen trắng giữa trời xanh  
400. Tám mùa xuân sắc một cảnh thiên hương (76).

Lý Thái Tổ (1010 - 1028)  
\* Dời đô ra Thăng-Long.

Tan giá lạnh vàng dương sáng tỏ,  
Dậy xuân thì hoa cỏ đua tươi,  
Mây lành từ độ lên ngôi,  
404. Gió hoà mưa thuận, người người cảm an.

Sớm Thuận-Thiên vua ban chiếu chỉ (77),  
Khấp kinh thành chuẩn bị dời đô;  
Đình triều kinh cũ Hoa-Lư  
408. Lập thành biệt phủ đổi là Trường-Yên.

La-thành xưa dựng nền xã tắc,  
Đất ngàn năm vẫn vật từ đây.  
Xe loan vừa đến thôn Tây  
412. Rồng vàng đã hiện ngàn mây đón mừng (78).

Bèn lấy chữ Thăng-Long khai hiện  
Mở mang nền văn hiến Nam phương,  
Xây Văn miếu, dựng Phật đường (79),  
416. Mở khoa Tam-giáo xiển dương đạo hành (80).

Lại chia nước ra thành lộ, trại  
Thêm cõi nam trại mới Định-Phiên;  
Khuyến nông, khích lệ thợ thuyền,  
420. Đắp đê Cơ-xá, vỗ yên dân tình (81).

Việc binh chế ngày càng tinh thực,  
Kén tướng tài, đôn đốc rèn quân;  
Phàm trong quốc thích, hoàng thân,  
424. Nhà nhà đều phải dự phần quân cơ.

Khi nhà Lý gồm thu xã tắc  
Sai sứ sang triều Bắc cầu phong;

**Bắc triều khó nổi tư dung (82)**

428. **Tổng vương đàn cung thuận đồng biểu chương**

**Phong "Giao-chỉ Quận-vương" ban chiếu**

**Sau gia phong vương hiệu "Nam-Bình"**

**Nhân khi Dực-Thánh xuất chinh**

432. **Phá hai mươi vạn Man binh Dương, Đoàn (83).**

**Miền châu Diễn lại toan gây rối (84)**

**Rợ Cử-Long cũng nổi đao binh (85)**

**Vua bèn ngự giá thân chinh**

436. **Phong ba lại lẳng, bất bình lại yên.**

**Các hoàng tử binh quyền chấp chương,**

**Khi đánh Chiêm chém tướng Bồ-Linh,**

**Khi bình Man ở biên đình,**

440. **Trần qua đất Tống san bằng đụn kho (86).**

**Trái mười chín xuân thu biến đổi**

**Dưới trời Nam một mối sơn hà;**

**Mục đồng vắng khúc âu ca,**

444. **Cỏ cây dầu cũng chan hòa móc mưa.**

**Lý Thái Tông (1028 - 1054)**

**\* Lê Phụng Hiểu dẹp loạn triều đình.**

**Vua Thái Tổ mới vừa tạ thế (87),**

**Trong hoàng triều huynh đệ tranh ngôi.**

**Đông-cung tuy đã định rồi,**

448. **Nọc tham xui khiến lòng người đảo điên.**

**Bởi sẵn nắm binh quyền vây cánh,**

**Võ-Đức vương, Dực-Thánh, Đông-Chinh**

**Mang quân vây kín thành kinh,**

452. **Triều cung rối loạn, dân sinh phiền hà.**

**Đau xót cảnh nòi da xáo thịt,**

**Gánh cương thường dấu biết nặng vai,**

**Trong hàng Võ vệ có người**

456. **Chỉ gươm dõng dạc mấy lời trung ngôn:**

**"Các người trước quên ơn tiên đế,**



Sau sinh lòng khi dễ tự quân;  
Đã không giữ đạo quân thần,  
460. Vậy Lê Phụng-Hiểu xin dâng gươm này!".

Quát một tiếng chém ngay Võ-Đức,  
Vòng tròng vi lập tức vỡ tan,  
Đông-Chinh, Dực-Thánh kinh hoàng,  
464. Buông gươm bỏ giáp dặm ngàn cao bay.

Lý Phật-Mã lên thay ngôi vị (88),  
Vốn am tường chính trị, lược thao,  
Thái Tông cũng bậc anh hào  
468. Đáng cho hậu thế liệt vào minh quân.

Vua vì đạo quân thần, cốt nhục  
Lấy khoan dung mở đức hiếu sinh;  
Một nền Đờng-Cổ u linh  
472. Treo cao Hiếu, Nghĩa, Trung, Trinh sáng ngời (89).

Năm hoạn nạn cứu người nghèo đói,  
Lại thường khi xá tội giải oan,  
Sửa điều luật pháp đa đoan  
476. Đúc tiền Minh-Đạo, sửa sang cầu đường.

\* Giặc Nùng : Nùng Tồn Phúc, Nùng Trí Cao

Mười năm lẻ bốn phương phẳng lặng,  
Giải Trung châu mưa nắng thuận hoà,  
Đất bằng bồng nổi can qua  
480. Một miền sơn cước chàm pha máu đào.

Đất Quảng-Nguyên bấy lâu nội thuộc,  
Nay biến thành cõi nước Tràng-Sinh (90);  
Người Nùng một thuở liệt oanh,  
484. Vạch riêng bờ cõi, đắp thành chiêu quân.

Năm Minh-Đạo Mậu Dần (dl.1038) vừa lúc  
Người Nùng tên Tồn-Phúc quật cường  
Xưng là Chiêu-Thánh Đế-vương  
488. Ngang nhiên chống lại triều đường Thăng-Long (91).

Đầu Kỷ Mão Thái Tông ngự giá,  
Tiến quân vào biên địa Quảng-Nguyên,  
Đạp bằng một giải lâm tuyền,

492. Bắt Nùng Tồn-Phúc dẹp yên cõi bờ (92).

Ngọn sóng gió vẫn chưa chịu lắng,  
Vợ con còn mặt đấng nấu nung;  
Trí-Cao cũng kẻ anh hùng,

496. Quật cường chiếm lại một vùng Đàng-Ro (93).

Đại-Lịch quốc lập cơ nghiệp mới,  
Vạch sơn hà, chí nối cha anh.  
Thái Tông lần nữa thân chinh,

500. Bắt rồi lại thả chẳng đành chu di (94).

Mười năm thoáng qua đi như chớp  
Nùng Trí-Cao lập nước Đại-Nam  
Xưng Nhân-Huệ Đế Thánh -hoàng (95)

504. Lâm tuyền lại đổi sa tràng, thảm chưa!

Quách Thịnh-Dật xuất sư tiểu giặc,  
Hai bên cùng tổn thất bất phân.  
Trí-Cao bèn cử sứ thần

508. Xin quy phục Tống toan phần dựa nương.

Triều đình Tống tìm phương cự tuyệt,  
Nùng Trí-Cao bèn quyết điều quân,  
Tiến sang vây hãm Ung, Tân

512. Trần binh chiếm lấy phủ thành tám châu (96).

Vua Đại Tống toan cầu nhà Lý  
Khởi Nam quân bình trị biên đình.  
Bấy giờ Tống tướng Địch-Thanh

516. Can, xin Lưỡng Quảng cử binh đánh vào.

Quân Lưỡng Quảng binh đao chênh mảng  
Khiến Tống triều hốt hoảng càng thêm;  
Trí-Cao dâng biểu ngang nhiên

520. Đòi phong Tiết-độ hai miền Quý, Ung.

Thế mà Tống toan ưng cho ổn,  
E đánh càng hao tổn thiệt thua.  
Địch-Thanh lần nữa can vua,

524. Xin cầm quân lệnh liệu mà phản công.

Tổng Địch-Thanh vốn dòng danh tướng,  
Cầm đại quân trụ vững như non,  
Đợi khi giặc đã mỏi mòn

528. Mới điều quân, cửa Côn-Lôn đánh vào.

Giặc đang lúc trí kiêu ý mãn,  
Chia tướng tài phân tán đại binh;  
Vừa toan bỏ cứu tình hình,

532. Kỵ binh Tống đã cắt ngang bên sườn.

Hoàng Sư-Mật tử thương trên ngựa,  
Nùng Trí-Cao nổi lửa bỏ thành.  
Vạn quân phút đã tan thành,

536. Ngổn ngang chiến địa một vùng tang thương! (97)

\* Lý Thái Tông đánh Chiêm, vào thành Phật-Thệ.

Lại nhắc chuyện Chiêm vương ngày trước,  
Dưới tiền triều gây cuộc binh đao (98).  
Hai mươi năm lẻ về sau,

540. Chưa nguôi khói lửa siết bao hãi hùng.

Năm Giáp Thân (dl.1044) Thái Tông ngự giá,  
Mang chiến thuyền qua cửa Ngũ-Bồ;  
Tướng thành, ôi vạn cốt khô!

544. Việt quân dẫm nát cơ đồ nước Chiêm (99).

Cánh quốc phá càng thêm tan nát,  
Phản tướng Chiêm hạ sát vua Chiêm (100);  
Bó thân hàng trước trận tiền,

548. Kinh thành Phật-Thệ lại phen điêu tàn (101).

Quân Việt bắt mấy ngàn người ngựa,  
Cùng Chiêm triều nhạc nữ, vương phi (102)  
Ngự thuyền rong ruổi về quê,

552. Rượu vui vua bắt My-Ê sang châu.

Đau nhức nước lòng sâu dạ hận,  
Mảnh chảnh chiên gói phận thuyền quyên,  
Nước sâu rửa sạch ưu phiền,

556. Nêu cao tiết liệt lưu truyền ngàn thu (103).

Lý Thánh Tông (1054 - 1072)

\* Đổi quốc hiệu là Đại-Việt: thời toàn thịnh của nước nhà.

Trái mưa nắng mấy mùa dầu dãi,  
Sen Tây hồ nay lại trở bông,  
Đắm say ngàn biếc chen hồng,

560. Vành khuyên thỏ thẻ, bướm ong tự tình.

Năm Long-Thụy Thái-bình mở hội,  
Lý Thánh Tông lên nối ngôi vua (104),  
Ở trời hòa gió thuận mưa,

564. Vườn xuân Văn-Hiến được mùa trở hoa.

Nước từ nay gọi là Đại-Việt (105),  
Dân bây giờ càng biết văn phong,  
Phạm nhân cũng được khoan hồng,

568. Hình quan cũng được dấy lòng thanh liêm.

Định quan chế, trang nghiêm phẩm phục,  
Soạn binh thư, bổ túc quân cơ (106),  
Nổi danh binh chế bấy giờ

572. Tống triều cũng phải thăm dò học theo.

Cửa từ bi cũng nhiều công đức,  
Chẳng những xây mấy bậc phù đồ,  
Dựng bia Phật ở Tiên-Du,

576. Mà còn thương xót trùng tu lòng người.

Nền Nho học đến thời vinh vượng,  
Thờ thánh hiền, đắp tượng Chu-Công,  
Xây miếu Khổng ở Thăng-Long,

580. Khởi nguồn đạo sống từ trong luân thường (107).

\* Chính sách biên thù: Cứng rắn với phương Bắc, mở rộng bờ cõi về phương Nam.

\* Lý Thường Kiệt bình Chiêm.

Việc giao hiếu Bắc phương cũng khéo,  
Hội Ung-Châu dễ chịu kém ai;

Năm xưa Tống tướng Bảo-Tài

584. Bị quân Việt bắt ở ngoài biên cương...

Nay Tống phái Thị-lang Dư-Tĩnh,  
Đến Ung-châu bàn định thảo thương;  
Việt không trao trả họ Dương

588. Hiễn nhiên đã có chủ trương Bắc thù (108).

Người Chiêm quốc lăm khi quật khởi,  
Vượt biển khơi gây rối ven duyên;  
Tiền triều hai cuộc chinh yên

592. Vẫn chưa nguôi chí cương kiên phục thù.

Từ đạo Tống cho mua lừa ngựa,  
Ban bảo câu, nâng đỡ tinh thần,  
Giúp ngầm lực lượng Chiêm quân,

596. Chiêm vương Chế Củ định phần tuyệt giao.

Thế là cuộc binh đao Chiêm-Việt  
Do Lý triều Thường Kiệt thảo nghiên  
Bệ rồng nay đã dâng lên,

600. Vua cho chuẩn bị chiến thuyền vượt khơi (109).

Năm bữa tới chân trời Nhật-Lê (110)  
Thủy lực Chiêm ra bể cảm nghênh,  
Rồng thiêng một trận tung hoành

604. Ba đào thất đã an bình như không.

Bốn ngày tới Tư-Dung duyên hải,  
Thêm ba ngày Thị-Nại hiện ra,  
Mênh mông một giải cát ngà,

608. Việt quân đổ bộ vượt qua chiến hào.

Tướng Chiêm dựa Tu-Mao dàn trận (111),  
Quân Thăng-Long thừa vận tràn lên,  
Ầm ầm thác đạn mưa tên,

612. Việt quân rầm rộ thẳng miền kinh đô.

Chế Củ thấy cơ đồ đã nát,  
Bỏ kinh thành lưu lạc Nam phương;  
Việt quân đuổi đến cùng đường,

616. Vua Chiêm phải dặt vợ con xin hàng (112).

Thành Phật-Thệ thêm trang quốc phá,  
Hận Đờ-Bàn vay trả rồi đây,  
Vua tôi năm vạn bó tay,

620. Mây thành theo ngọn gió bay thắm sầu!

Đoạn trường có qua cầu mới biết,  
Khí hùng thời oanh liệt còn đâu,  
Mũ gai, áo vải gục đầu,

624. Theo xe vua Lý mà đau nỗi nhà!

Chiêm vương phải dâng ba châu huyện (113)  
Mới được cùng gia quyến hồi hương;  
Từ nay Đại-Việt hùng cường,

628. Tìm đường Nam tiến, mở mang Nam thủy (114).

\* Ý-Lan Thái phi.

Lý Thánh Tông khi về cõi phúc,  
Thái tử là Càn-Đức nối ngôi.  
Nhân Tông đang thuở thiếu thời,

632. Buông rèm giám quốc ấy người Ý-Lan (115).

Thái-sư Lý Đạo-Thành phụ chánh,  
Vốn vẹn toàn đức thịnh tài cao;  
Võ thần thêm bậc lược thao

636. Một tay Thường-Kiệt trào đình vững yên (116).

Nay nhắc chuyện nhân duyên thuở trước,  
Buổi thái hoà, dân nước bình an;  
Thánh Tông phải nỗi muộn màng

640. Mới cầu tự khắp chùa làng, miếu kinh.

Một hôm ngự phương đình Thổ-Lộ (117),  
Cho bàn dân chiêm bái long nhan;  
Thôi thì nô nức hân hoan,

644. Trẻ già, trai gái mấy làng chen nhau.

Hương đồng nội hoa cau thanh thoát,  
Sắc quê mùa xanh ngát vườn ai,  
Có người thôn nữ trâm cài,

648. Thản nhiên dựa bụi lan đài hái dâu.

Cảnh xa mã trước sau chẳng ngó,  
Sắc khuynh thành chưa tỏ dung nhan;  
Vua bèn vờ đến hỏi han,

652. Mới hay ngôn hạnh đoan trang tuyệt vời.

Trúc xanh ngấm càng tươi nét trúc,  
Lan nọ nhìn thêm tạc vẻ lan;  
Tình trong thôi đã chứa chan,

656. Vua cho xa mã vờ nàng về kinh.

Yến nương vốn thông minh ưu tú,  
Chẳng bao lâu kinh sử lâu thông,  
Nào hay người chốn ruộng đồng,

660. Cũng trang liệt nữ đứng trong đất trời.

Khi thuyền ngự vượt khơi Nam tiến,  
Mấy tháng trời chinh chiến cầm quân,  
Ỗ-Lan giờ bậc phu nhân

664. Sau rèm định việc quân thần thay vua (118).

Nay tự quân mới vừa bẩy tuổi  
Nước nhà lâm thời buổi khó khăn,  
Trong thì chính kiến đôi phân (119),

668. Ngoài thì giặc Tống chuyển quân đắp đường.

Thái -phi vẫn cương cường trung chánh  
Vừa dậy con vừa gánh sơn hà (120);  
Mới hay trong đạo đàn bà

672. Tam tông, tứ đức, nước, nhà ... dễ đâu.

Thế mới biết nổi sau Trưng, Triệu  
Khách má hồng nào thiếu tinh hoa;  
Lẽ thường cọp chết để da,

676. Tiếng thơm là cái người ta để đời.

Lý Nhân Tông (1072 - 1127):

\*Triều đại hùng cường, đánh Tống bình Chiêm.

Khi Càn-Đức lên ngôi cửu ngũ,  
Phò Lý triều văn võ trung lương,  
Lập nên triều đại hùng cường,

680. Văn tài hiển đạt, võ công rạng ngời.

Tuy chinh chiến chẳng dời chính trị,  
Ngoài đề điều trị thủy ích dân,  
Vua còn xứng bậc anh quân,

684. Mở khoa chọn kẻ chính nhân hiền tài (121).

Lớp sĩ tử chen vai từ đó,  
Khoá Tam-trường rộng mở Nho tâm;  
Quốc-tử-giám, viện Hàn-lâm

688. Là nơi kiến tạo mống mầm quốc gia.

Kẻ trên ngựa xông pha cũng lắm  
Đem máu đào tô thắm non sông  
Thời nay con cháu Lạc-Hồng

692. Bình Nam đánh Bắc chiến công chưa từng.

\* Lý Thường Kiệt đánh Tống

Nguyên, Tể-tướng Tống Vương An-Thạch  
Nuôi hùng tâm quét sạch biên thù,  
Cử người Thẩm-Khởi chỉ huy,

696. Toàn vùng biên địa tùy nghi tiến hành (122).

Thẩm ban lệnh tuyển binh lập trại,  
Đắp cầu đường, triệt thoái biên dân,  
Sung công thuyền muối tập quân,

700. Xuất tiền mua chuộc thành phần nước đôi (123).

Việc chuẩn bị đang hồi tiến triển  
Bỗng xảy cơn binh biến Hạ, Liêu  
Quảng, Ung ta thán cũng nhiều

704. Cho nên việc đánh Lý triều tạm ngưng.

Lý lên tiếng đòi Nùng Thiện-Mỹ  
Đem về triều xử trị dấy răn;  
Kẻ kia chưa chịu phân trần

708. Còn thêm chiêu dụ thích thân họ Nùng.

Cuộc Bắc phạt đã trong định kế:  
Thủy quân từ cửa bể Đờ-Sơn,  
Chiến thuyền dựa vách núi non

712. Tiến lên đánh úp thủy đồn Khâm-Châu.

Lục quân cũng ba đầu Bắc tiến,



Từ Quảng-Nguyên, Cổ-Vạn, Quảng-Lăng;  
Đại quân thẳng nẻo Tư-Minh,

716. Hợp cùng thủy lực đánh thành Ung-Châu.

Lý Thường-Kiệt cầm đầu hạm đội,  
Tôn Đản thân phân phối lục quân;  
Việt quân mười vạn giáp nhân

720. Tràn lên tựa ngọn sóng thần bủa vây.

Phòng tuyến địch Quảng-Tây tan vỡ  
Mặt Đông-Nam toàn bộ tan tành.  
Lục quân Đại-Việt tung hoành,

724. Bấy ngày đã tới vây thành Ung-Châu.

Quân thủy lực càng mau tốc chiến,  
Đánh tràn vào ven biển Quảng-Đông,  
Khâm, Liêm hai mặt tiến công,

728. Ung-châu thoát đã ở trong tầm nhìn.

Tổng triều mới hay tin hoảng hốt,  
Hạ lệnh cho sĩ, tốt, quân, dân;  
Khắp nơi tử thủ liều thân,

732. Chờ quân tiếp viện Quế, Tân đổ về.

Trời tháng chạp lạnh tê chiến bãi,  
Tuyết pha màu quan tái thê lương,  
Nửa đêm trống giục đoạn trường,

736. Thành Ung thôi đã vô phương sống còn!

Quân tiếp viện mới mòn chẳng thấy,  
Phút tử ly trông đấy mà đau.  
Tô-Giảm mượn ngọn lửa sầu,

740. Đèn xong nợ nước vẹn câu anh hùng (124).

Quân Lý đánh hỏa công tiêu diệt,  
Dân thành Ung một chết không hàng.  
Thương thay mấy vạn hồn oan ,

744. Ghi trong chiến sử một trang nào lòng!

Việc đánh Tống cũng trong chiến sách,  
Cốt phá tan kế hoạch Nam chinh.  
Tháng ba vừa tiết Thanh-Minh,

748. Lý Thường Kiệt kéo đại binh trở về.

**\* Nhà Tống phục thù.**

Việc châu chấu đá xe gây hấn  
Khiến Tống vương nổi trận lôi đình,  
Cấp thời kén tướng điểm binh,

752. Xuất quân tinh nhuệ Nam chinh phục thù.

Quân Đại-Việt còn chưa cởi giáp,  
Lấy binh nhàn cường tập sau lưng,  
Hai bề Nam Bắc giáp công,

756. Ấy là kế sách bàn trong Tống triều.

Cử Triệu Tiết làm Chiêu-thảo-sứ  
Cùng Quách Quỳ chức Phó nguyên nhung  
Cờ bay, tám vạn binh hùng

760. Hội quân Chiêm, Lạp trùng trùng kéo sang.

Thuyền Tống ngược tiểu giang Như-Nguyệt,  
Gặp thủy quân Đại-Việt đón đường,  
Việt quân làm chủ chiến trường

764. Đánh cho giặc Tống tổn thương hơn ngàn.

Đại quân Tống tiến sang sông Nhị  
Cũng bị quân nhà Lý bổ vây;  
Ầm ầm sóng dập, tên bay,

768. Lửa chan mặt sóng, khói dày còn hoang.

Trận mưa đá bắn sang như bắc,  
Chiến thuyền Nam thủng nát tơi bời,  
Mấy ngàn tử sĩ thây phơi,

772. Hồn thiêng thét sóng đáp lời núi sông.

Đêm bãi chiến chập chùng sương cát,  
Nhìn trại thù san sát vây quanh;  
Bỗng nghe vang vọng âm thanh

776. Từ đền Trương-Hát bên ghềnh khói lam:

"Nước Nam Việt vua Nam làm chủ,  
Đã tiệt nhiên định ở Thiên thư;  
Kẻ kia xâm phạm cõi bờ

780. Trước sau cũng bại, chỉ mua nhục nhằn!" (125).

Lời sông núi muôn phần linh ứng,  
Thủy quân ta chặn đứng quân thù;  
Từ miền biên địa hoang vu,

784. Đến vùng châu thổ dựng cờ phản công...

Xuân vừa đầy đã nung lửa hạ,  
Cuộc tranh hùng chưa ngả hơn thua;  
Đầy đồng bao bãi xương khô,

788. Cỏ vàng chen lộn nắm mồ không tên.

Buồn nghe giọng đĩ-quyên thảm thiết  
Nẻo quê nhà biên biệt thêm xa;  
Vì chưng thể diện quốc gia,

792. Được thua cũng hổ tiếng là ngoại xâm.

Triều đình Lý biết tâm dạ giặc,  
Cử sứ thần sang Bắc nghị hoà,  
Cũng là điều Tống thiết tha,

796. Ngày đi tám vạn nay đà nửa vơi.

Đại quân Tống phải dời Nam thổ,  
Song rút về còn giữ mấy châu  
Quảng, Tư, Tô... mạn địa đầu [\(126\)](#)

800. Hẳn mong vớt lại nửa câu anh hùng.

Năm Mậu Ngọ (dl.1078) Nhân Tông cử sứ  
Sang Bắc triều nối sự bang giao;  
Năm voi đổi Quảng-Nguyên Châu,

804. Mấy vùng còn lại cũng sau đòi về [\(127\)](#).

\* Lý Thường Kiệt đánh Chiêm Thành.

Nhắc lại việc trước khi đánh Tống  
Giặc Chiêm-Thành đã động binh đao.  
Dù chưa thoả chí lược thao,

808. Hùng binh Lý đã tiến vào ba châu.

Gần ba chục năm sau Lý Giác  
Lại gây mầm loạn lạc Nam biên;  
Quân triều đánh dẹp đã yên

812. Nào ngờ Giác đã sang miền Chiêm vương.

Chế Ma-Na quật cường nuôi chí,

Nay được lời họ Lý hưng binh  
Mang quân lấy lại ba thành  
816. Âm âm kinh động triều đình Thăng-Long.

Việc chinh phạt nhọc công lão tướng (128)  
Lại đem quân kéo xuống biên thù.  
Chiêm vương bại trận khiếp uy  
820. Ba châu xin lại quy về nước Nam.

Lý Thần Tông (1128 - 1138)  
Giai đoạn thịnh trị.

Cuộc trần thế trăm năm cũng ngắn,  
Cõi con người ba vạn thoáng qua;  
Vua Nhân Tông lúc băng hà,  
824. Không con nối dõi nghiệp nhà lên ngôi.

Triều đình mới lập người dưỡng tử,  
Cũng là con đệ ngự Sùng-Hiền,  
Tên là Dương-Hoán, tôn lên  
828. Mới mười một tuổi, vẹn tuyền nét na.

Thần Tông, niên hiệu là Thiên-Thuận,  
Mở từ tâm khai vận thái hoà,  
Truyền đem tội phạm thả ra,  
832. Ruộng công cũng được trả về cho dân.

Năm đại hạn mấy lần thí xá,  
E có người tội vạ oan khiên;  
Xem ra quả bực vua hiền,  
836. Mới còn nhỏ tuổi tuy nhiên rộng lòng.

Tổng sắc phong Quận-Vương Giao-Chỉ,  
Sau gia phong vương vị Nam-Bình.  
Nước nhà ít việc chiến chinh,  
840. Tướng tài có Lý Công-Bình lược thao.

Chân-Lạp bốn phen vào cướp phá,  
Có lần đem hơn cả vạn quân,  
Chiến thuyền ước bảy tám trăm;  
844. Ta đem quân Nghệ bốn lần đánh lui.

Người Chiêm cũng chưa nguôi hùng khí,

Tiến quân vào biên địa Nghệ-an,  
Vua bèn kén chọn võ quan,  
848. Cử Dương Anh-Nhị xuất quân tiêu trừ.

Từ mấy bận ban sư đắc thắng,  
Cửa Nam thùy gió lặng sóng yên.  
Mới vừa qua một thập niên,  
852. Thần Tông sớm đã quy tiên về trời.

Lý Anh Tông (1138 -1175)

\* Việc Đỗ Anh-Vũ và công nghiệp Tô Hiến-Thành

Thần Tông đã ra người vạn cổ,  
Thái-tử là Thiên-Tộ nối ngôi.  
Anh Tông đang thuở ấu thời,  
856. Bà Lê Thái-hậu ấy người trị dân.

Bấy giờ kẻ cận thần Anh-Vũ,  
Vốn cùng người quả phụ tư thông,  
Lạm quyền tính chuyện cuồng nông,  
860. Triều đình thao túng, cửa công kéo phường.

Bọn Vũ Đại, Nguyễn Dương, Nguyễn Quốc,...  
Đã toan vì đại cuộc trừ gian,  
Chẳng may hành sự đa đoan,  
864. Cơ mưu bại lộ thác oan mấy người.

Ấy có phải lòng trời xui khiến,  
Mới gieo cơn tai biến thử xem,  
Hay là nhân thuật đảo điên,  
868. Mới gây nên nỗi oan khiên lật lừng?

May còn bậc trung lương chính trực,  
Gánh cương thường tận lực phò nguy,  
Mới qua bến mộng bờ mê,  
872. Nước nhà thoát cảnh rẽ chia tương tàn.

Người ấy hiện làm quan Thái-úy,  
Tên Hiến-Thành, nguyên thủy họ Tô (129),  
Chính là một bậc chân Nho,  
876. Thân dân, minh đức chăm lo chuyên cần.

Khi quốc biến cầm quân lên ngựa,

Lúc thái bình khai hoá dân tâm;  
Ngẫm trong sự nghiệp ngàn năm  
880. Cũng là một bậc chính nhân đại hiền.

Nhờ vận nước đã yên chính sự,  
Bởi tôi hiền giặc dữ gồm e;  
Quân Lào, giặc Hống đôi khi  
884. Nhọc công đánh dẹp đuổi về ngoại biên.

Riêng ở mạn Thái-nguyên, Thân-Hợi  
Tự xưng là hậu bối Nhân Tông (130),  
Khởi binh chống lại Thăng-Long,  
888. Triều đình đã phái mấy công tiêu trừ.

Đỗ Anh-Vũ xuất sư đánh giặc,  
Thân-Hợi thua bỏ mặt Phú-lương  
Đưa quân lên đóng Lạng-sơn,  
892. Hiến-Thành đuổi đến cùng đường đánh tan.

Từ đây được bình an trăm họ;  
Năm Mão, Thìn vua ngự long xa,  
Thăm dân, xem cảnh nước nhà,  
896. Sai người lưu họa quốc gia địa đồ (131).

Thời ấy nước gọi là Đại-Việt,  
Từ Hán, Đường vẫn liệt quận châu,  
An-Nam gọi cũng từ lâu,  
900. Tống triều nay đã bắt đầu đổi thay (132).

An-Nam Quốc từ rầy thay Phủ,  
Phong Anh Tông hai chữ "Quốc-Vương"...  
Ở ngôi ba bảy năm trường,  
904. Vua Anh Tông mất, ngôi nhường Cao Tông.

Lý Cao-Tông (1176-1210)  
\* Mầm loạn trong lòng người

Long-Cán được tấn phong Thái-tử,  
Cũng tuổi vừa mới độ lên ba;  
Theo như di chúc vua cha,  
908. Truất ngôi Long-Xưởng cũng là cơ duyên (133).

Tuy Thái-hậu đòi phen phế lập,

Tô Hiến-Thành một mực trung kiên.

Đến khi ông sắp quy tiên,

912. Cử Trần Trung-Tá thay quyền phò vua (134).

Khi ông mất, triều thừa Thái lệnh,

Cử Yên-Di phụ chính tự quân.

Tuy nhiên còn lắm trung thần,

916. Nên điều phé lập mới đành bỏ qua.

Cao-Tông lớn, xa hoa ngang ngạnh,

Thiếu đức tài, tánh hạnh quân vương,

Mua quan, bán tước những nhương;

920. Lý triều nghiêng mạch, đổ tường từ đây.

Người Mường, Mán thường hay nổi loạn;

Quân Chiêm-Thành hung hãn thừa cơ;

Nghệ-An có gã Phạm Du

924. Kéo phường vong mạng mưu đồ dã tâm.

Quan Phụng-ngự điều quân đánh diết,

Phá tan thành sào huyệt nghịch quân.

Phạm Du bỏ chạy thoát thân,

928. Sai người đút lót triều thần, cung vi...

Vu cho Phạm Bình-Gi hung bạo,

Giết lương dân, trái đạo quân thần.

Cao-Tông trong, đục bất phân,

932. Triệu quan Phụng-ngự lao trần tống giam.

Thấy chủ tướng hàm oan mắc nạn,

Quách-Bốc bèn vây hãm kinh sư.

Cao-Tông hạ lệnh giết tù

936. Rồi mang Thái-tử chạy về sông Thao.

Nhà Trần Lý, gọi vào nường nấu,

Ấy lòng Trời đã báo việc sau.

Họ Trần nguyên đã từ lâu

940. Ở làng Tức-Mặc sông sâu lưới chài.

Từ vận nước hoạ tai hỗn độn

Người Trần gia việc lớn sinh tâm;

Lâu nay tính chuyện âm thầm,

944. Tung tiền mộ cả những quân bán trời.

Trần tiêu thư vốn người nhan sắc,  
Mảnh lưới tình ai thắt dây oan.  
Người trong cuộc, kẻ mơ màng,

948. Khiến gây nên cuộc giang san đổi dời.

Thái-tử Sảm lấy người Trần thị (135),  
Cha vợ phong tước vị, binh quyền,  
Lại phong quan chức Điện-tiền

952. Cho người cậu ruột vốn tên Trung-Tử.

Trần dấy nghĩa phò vua dẹp loạn,  
Khởi nghĩa binh cứu nạn kinh sư.  
Một cơn khói lửa mịt mù,

956. Lý triều nay lại trùng tu ngai vàng.

Năm sau cơn kinh hoàng biến động  
Cao-Tông lâm bệnh trọng lia trần.  
Ba mươi năm lẻ phù vân,

960. Sen hồ xưa đã phai tàn từ đây!

Lý Huệ Tông (1211 1225) :

\*Nhà Lý bị họ Trần lấn át.

Thái-tử Sảm lên thay hoàng phụ,  
Trên ngai vàng áo mũ, cân đai;  
Huệ Tông nhu nhược bất tài

964. Chính triều trao cả vào tay họ Trần.

Trần-Lý đã mãn phần tục cảnh (136)  
Con thứ là Tự-Khánh cầm binh  
Anh em chú bác hiển vinh

968. Chẳng công hầu cũng loát khuynh đại thần (137).

Thái-hậu đã đôi phần nghi ngại,  
Thường đầy vò hạch hỏi Nguyên-phi;  
Khánh đem quân rước vua đi,

972. Huệ Tông cũng đã sinh nghi ngắm ngòm...

Giáng Trần thị xuống làm ngự nữ,  
Rời mẹ con lên ở Lạng-Sơn  
Lạ chi cái cảnh giận hờn

976. Mẹ chồng khi cũng nổi cơn tam bành.



Đã trót nỗi sâu tình nặng nghĩa,  
Lòng dạ nào chia rẽ uyên ương;  
Bách nhau đến chỗ cùng đường

980. Dấu tình mẫu tử cũng mang thương lòng (138).

Huệ Tông lên về cung từ đấy,  
Như cá tôm trong đáy thu mình;  
Nguyên-phi nay gọi Thuận-Trinh,

984. Phong làm hoàng-hậu mặc tình báo ân.

Người em họ là Trần Thủ-Độ,  
Điện-tiền quan nắm giữ trọng quyền  
Dụ vua lánh cảnh ưu phiền

988. Vào chùa Chân-Giáo ngẫm nghiên lý Không!

Thế mới biết dù trong quyền quý  
Chẳng ngoài vòng tục lụy tử sinh  
Trót mang hạt giống hữu tình

992. Đố ai thoát khỏi ngục hình tự tâm.

Triều Hậu Lý hai trăm năm lẻ  
Rực rỡ nền văn trị, võ công,  
Khởi từ cửa Phật ruổi rong

996. Ngựa xe rời lại cửa Không mà về.

Lý Chiêu Hoàng (1225)  
Nhường ngôi cho chồng.

Thuận-Trinh ngôi chính thê Hoàng-hậu  
Sanh được hai gái thảo ngoan hiền  
Chị là công chúa Thuận-Thiên

1000. Gả cho Trần Liễu kết duyên họ nhà (139).

Nhị công chúa hiệu là Chiêu-Thánh,  
Tên Phật-Kim, dung hạnh nhu kiêu  
Huệ Tông rất mực quý yêu

1004 .Mới đem ngôi báu Lý triều truyền cho.

Lý Chiêu-Hoàng tuổi vừa lên bảy,  
Dấu ngôi cao cũng gái ngây thơ,  
Cung vi, triều chính bấy giờ

1008. Một tay Thủ-Độ tha hồ tác tung.

Độ lập kế, mưu cùng Trần thị,  
Thay đá vàng, vương vị đổi trao;  
Nội cung Trần Cảnh đưa vào,

1012. Làm quan Chính-thủ cận hầu nữ vương (140).

Rồi bày cảnh yên ương tác hợp  
Khắp hoàng cung hoa đuốc rỡ ràng;  
Nửa sau là lễ đăng quang,

1016. Rành rành chiếu chỉ nữ-hoàng truyền ngôi!

Chuyện vật đổi sao dời riêng để  
Ngàn năm sau miệng thế còn bưng :  
"Trống chùa ai đánh thùng thùng,

1020. Cửa chung ai khéo vẫy vùng nên riêng!" (141).

**NHÀ TRẦN (1225 -1413)**

\* Thái-sư Trần Thủ Độ

Ngắm thế sự năm giềng bảy mối,  
Dấu máy trời tráo đổi vờn xoay,  
So bề bản lĩnh xưa nay,

1024. Vẫn chưa qua nổi bàn tay con người.

Trần Cảnh đã lên ngôi lúc ấy  
Song Thái Tông tuổi hãy còn thơ (142),  
Triều cung trăm việc mưu đồ,

1028. Một tay Thủ-Độ Thái-sư mặc lòng.

Độ vốn kẻ gan đồng dạ sắt,  
Lại là người bản chất thông minh,  
Cơ mưu quỷ khiếp thần kinh,

1032. Xuống tay chưa biết vị tình một ai.

Nay trăm họ còn hoài nhà Lý,  
Bởi lo toan vương vị Trần gia,  
Tiền triều tông thất thối đà

1036. Một cơn huyết lệ chan hòa thảm thương!

Huệ Tông đã tìm đường ẩn dật  
Cũng không còn tắc đất an cư,

Họ hàng tôn thất thân sơ

1040. Chẳng hàm chôn sống cũng lo lưu đầy! (143)

Khấp thiên hạ ai nay họ Lý  
Phải đổi sang Nguyễn thị khác dòng  
Nhân vì tổ phụ Thái Tông

1044. Vốn là Trần Lý, e trùng húy danh.

Trong gia tộc nhân luân xáo trộn (144),  
Kẻ chị dâu gả lộn em chồng,  
Cũng vì Chiêu-Thánh chánh cung

1048. Muộn sanh thái-tử nối dòng Trần gia.

Vì cơ sự mà ra uất ức,  
Trần Liễu đem thủ túc nổi lên;  
Quân thua, lèn đến ngự thuyền,

1052. Anh em khóc kể nỗi niềm trước sau.

Thủ-Độ truyền chém đầu răn chúng,  
Nhờ Thái Tông hết bụng cản ngăn  
Liễu đà mới được toàn thân,

1056. Cấp cho thái ấp an phần tồn sinh.

Buồn sự thế phồn vinh giả ảo,  
Chẳng khác phường mũ áo xướng ca  
Thái Tông thừa lúc canh ba,

1060. Dời thành kinh, bỏ lên chùa Phù-Vân (145).

Thủ-Độ dẫn quan quân lên đón,  
Vua tạ từ: Việc lớn chẳng kham!  
Độ bèn truyền bảo các quan:

1064. Vua đâu triều đấng, cung vàng khởi công!...

Con người ấy đứng trong trời đất,  
Há phải phường tâm thuật sói lang?  
Hay là vận nước đa đoan

1068. Khiến sinh ra kẻ khích ngang cương cường?

Một tấc đất chẳng nhường Mông-Cổ:  
"Đầu tôi còn Bệ-hạ đừng lo !" (146)  
Một lời rửa sạch tiếng ô

1072. Nước Nam mới vững cơ đồ ngàn thu.

Nhà Trần khởi nghiệp từ Thủ-Độ,  
Dấu thịnh suy, mờ tỏ có thời;  
Ngót trăm chín chục năm với,  
1076. Một thiên hùng sử muôn đời ghi công.

Trần Thái Tông (1225 -1258)

Năm Ất Dậu (dl.1225) Thái Tông chấp chánh,  
Cũng chẳng qua thừa lệnh Thái-sư,  
Vua thì tuổi hãy còn thơ,  
1080. Nước non đang thuở giao mùa hỗn mang.

Dòng thanh nghị thêm trang sử mới,  
Bút mạn đàm tiếp nối nguồn cơn...  
Rơm kia vừa bén lửa hờn,  
1084. Cuồng phong đã giục bốn phương tung hoành.

Người trượng nghĩa dương danh phò Lý,  
Kẻ thừa cơ nuôi chí dị thường;  
Quốc-Oai nổi đám giặc Mường,  
1088. Quân triều trái mấy phong sương mới bình.

Đoàn Thượng lại dấy binh khởi nghĩa  
Chiếm Đường-Hào cương địa một phương;  
Bắc-giang, Nguyễn Nộn quật cường,  
1092. Đều vì họ Lý xưng vương dựng cờ.

Bờn lòng dân còn thờ nhà Lý,  
Khiến Trần triều xử trí nan phương,  
Mới quyền biến vạch biên cương  
1096. Chia cùng Đoàn, Nguyễn, liệu đường chống che.

Phò thế cục! năm bè bảy lũ,  
Mưu tại nhân thành sự tại thiên,  
Nguyễn, Đoàn gây cuộc tranh biên,  
1100. Một rừng hai cọp dễ yên được nào!

Nguyễn Nộn chiếm Đường-Hào cương thổ,  
Chẳng bao lâu vẫn số quy tiên.  
Sự thành bất chiến tự nhiên,  
1104. Từ trung châu đến lâm tuyền định xong.

Từ đấy để giữ lòng trung tín,  
Nhà Trần theo viễn kiến triều xưa,  
Lấy ngày mồng bốn tháng tư

1108. Hội thề Đờng-Cổ làm mùa hội chung.

\* Phong tục, tập quán, văn hoá, việc cải cách:

Từ Kinh đến thôn cùng làng mạc,  
Nếp sống còn chất phác yên vui,  
Phật tâm nhuần thấm lòng người,

1112. Nho phong cũng đã khắp nơi chan hòa.

Tục ăn Tết nhà nhà hương khói,  
Pháo nổ rộn mở lối xuân sang;  
Mồng năm Khai-hạ tiệc ban,

1116. Vua, quan, sĩ, thứ cư an lễ chùa.

Sang tháng hai vui mùa đại chúng,  
Khắp nơi nơi cho dựng xuân đài,  
Chọi gà, đánh vật... tranh tài,

1120. Hưởng vui cho hết, đến ngày lập xuân;

Vua cho hội quần thần trong điện,  
Vụt thả ngư ban yến khuyến nông;  
Tháng ba đổ bánh trôi xong,

1124. Ăn tết Hàn-thực giáp vòng tháng tư;

Hội Đờng-Cổ người như nước chảy,  
Đạo hiếu, trung răn dậy lo chăm;  
Tháng năm cũng đến mồng năm,

1128. Ăn tết Đoan-ngộ khắp trong thôn làng.

Làng thôn tựa khoảnh giang sơn nhỏ,  
Một nóc đình mái đỏ uốn cong,  
Cắt người đình trưởng phân công,

1132. Ngăn ngừa trộm cướp đề phòng thiên tai.

Đất nước chia mười hai vùng lộ (147),  
Ngoài ra còn các phủ, trấn, châu;  
Kiểm tra trưởng tịch trước sau,

1136. Quan, dân, lính, tráng, người vào ngụ cư...

Phân giai cấp, gia tư, thân thế,

Định tước hàm, quan chế, võ văn,  
Vua, quan cho đến thứ dân,  
1140. Tì, hoành là hạng gia nhân, tội đồ.

Người quyền quý lệ cho tập ấm,  
Kẻ nợ nần giam cấm, bán mua!  
"Con vua thì lại làm vua,  
1144. Con nhà thầy chùa lại quét lá đa" (148).

Việc xây dựng nước nhà Văn Hiến,  
Ngoài kỳ công kháng chiến chống Nguyên,  
Thuần phong mỹ tục lưu truyền,  
1148. Văn Nôm còn có Hàn-Thuyên lấy lừng.

Đãi kẻ sĩ khuếch trương văn học,  
Mở trường thi chọn lọc nhân tài,  
Khoa Tam giáo, bậc Tam khôi (149),  
1152. Quốc-Tử, Giảng-Vũ là nơi trui rèn.

Văn Nôm đã đắp nền tự chủ,  
Hán học thêm ưu tú kiện cường,  
Biểu văn đanh thép lập trường (150),  
1156. Quán thông cả tiếng Mán, Mường, Thổ, Phiên.

Đạo Bát-chánh độ duyên trăm họ,  
Cửa Thiền-tông chỉ rõ chân như;  
Thái Tông soạn bộ Khoá-Hư  
1160. Bao hàm công hạnh nhân từ độ tha.

"Dân vi quý" Nho gia tư tưởng,  
Lại mặc nhiên khởi xướng tinh thần,  
Gây tình đoàn kết quân dân,  
1164. Lấy lừng trong thuở nhà Trần kháng Nguyên...

### GIẶC NGUYÊN

\* Thành-Cát Tư-Hãn;

\*Nguồn gốc và thành tích chiến đấu của quân Mông Cổ.

Nguyên Trung Quốc, về miền Tây Bắc,  
Phía thượng lưu sông Hắc Long Giang,  
Trên vùng cỏ cháy cát hoang,  
1168. Giống dân du mục an nhàn sinh nhai.

Người Mông-Cổ giỏi tài kỵ mã,  
Lại sở trường thiện xạ cung tên;  
Hung-Nô là giống tổ tiên

1172. Chăn nuôi trên những thảo nguyên xanh rì.

Họ chưa biết sống nghề trồng trọt,  
Chữ nghĩa chưa thông suốt văn thư;  
Tuy nhiên trên giải hoang vu,

1176. Mình đồng da sắt rèn từ chiến chinh.

Khi lâm trận kỵ binh tràn tới  
Như sóng thần vừa mới đầu đây,  
Sau lưng thoát đã hiện ngay,

1180. Địch không tan trận cũng bay tinh thần.

Dưới trướng Thiết Mộc-Chân Đại-Hãn (151)  
Lệnh ban ra muôn vạn phục tùng,  
Tử sinh nhẹ tựa lông hồng,

1184. Cơ nào đội ấy trùng trùng xông pha.

Đầu thế kỷ mười ba, Thành-Cát  
Quân Thổ vừa tan tác dưới tay,  
Ầm ầm vó ngựa chinh Tây,

1188. Quay về Trung thổ bủa vây Trường-thành (152).

Người Kim Quốc hùng anh dũng liệt,  
Thành Bắc-Kinh dù chết không hàng;  
Ngút trời khói lửa tan hoang,

1192. Vỡ thành, đá nát vàng tan thảm sầu.

Thành-Cát lại vó câu Tây tiến,  
Qua Tân-Cương đến vịnh Ba-Tư;  
Nhành cây ngọn cỏ chẳng chừa

1196. Kinh hoàng cho đến thiên thu còn truyền.

Hung-Gia-Lợi vừa yên nội bộ  
Bỗng như cơn cuồng nộ phong ba,  
Đại quân Mông-Cổ tràn qua,

1200. Dân Hung nửa triệu máu hòa đỏ sông.

Cả một giải mệnh mông Hồi Quốc,  
Từ Ấn, Hồi trở ngược cận đông,

Bốn mươi mấy vạn binh hùng

1204. Đã thành tro bụi nát cùng kinh đô.

Miền cực bắc Nga-Tur lãnh thổ,  
Mấy năm trời tử thủ kháng Mông,  
Máu xương trải khắp ruộng đồng,

1208. Tám phần lãnh thổ mất trong kinh hoàng.

Người Tây Âu hoang mang khủng khiếp,  
Tưởng như ngày tận kiếp tới nơi;  
Giáo-hoàng La-Mã tức thời

1212. Cùng vua nước Pháp cử người sang Mông (153).

Lúc ấy đã lấy xong Tây-Hạ,  
Triều đại Mông truyền đã ba đời,  
Hiến Tông vừa lại về trời,

1216. Hốt-Tất-Liệt mới lên ngôi trị vì...

Vương hiệu tự xưng là Thế-Tổ,  
Quốc hiệu xưa Mông-Cổ đổi Nguyên;  
Ngựa chưa kịp cỡi cương yên

1220. Ba quân đã nổi lệnh truyền Nam chinh.

Quân dân Tống tận tình chống giữ,  
Đến hơi tàn thất thủ Tương-Dương;  
Quân Nguyên như ngọn sóng cuồn,

1224. Tràn vào quét sạch chiến trường Hoa-Nam.

Kể từ mấy ngàn năm lịch sử,  
Trên chiến trường kim, cổ, Đông, Tây,  
Bốn mươi quốc thổ dưới tay,

1228. Chưa từng thấy chuyện xưa nay bao giờ.

Hơn nửa mảnh thế đồ dẫm nát,  
Giặc Nguyên chưa thỏa đất tung hoành;  
Nào ngờ giấc mộng Nam chinh

1232. Ba lần tràn xuống tan tành cả ba.

Đánh cho giặc biết ta Văn-Hiến,  
Cho ngàn sau hãnh diện giống dòng,  
Cho cao đại nghĩa Diên-Hồng,

1236. Cho tình thế giới còn trong loài người (154).



\* Trận kháng Nguyên lần thứ nhất (1257)

Mộng-Kha (155), thuở sinh thời oanh liệt  
Sai em mang quân diệt Tống vương;  
Đang khi vây hãm Tương-Dương

1240. Hốt-Tất-Liệt đã liệu đường Nam nhai.

Tướng Ngột-Lương-Hợp-Thai (156) thống lãnh  
Đạo binh hùng tiến đánh Vân-Nam;  
Lấy xong Đại-Lý, lòng tham

1244. Lại nhìn xa đến bờ Nam Thái-Bình.

Năm Đinh Tỵ (dl.1257) triều đình vừa hội,  
Sứ thần Mông đã tới Thăng-Long,  
Khuyên vua một dạ phục tòng,

1248. Nhược bằng chống lại non sông chẳng còn.

Trên đã quyết bảo tồn xã tắc,  
Dưới một lòng đánh giặc cứu dân,  
Ngục sâu giam bọn sứ thần,

1252. Lệnh vua ban xuống ba quân sẵn sàng.

Giặc từ ngả Vân-Nam điều động,  
Theo sông Thao (157) kéo xuống Thăng-Long;  
Hai ngàn tiền đạo xuôi dòng,

1256 Đại quân lũ lượt trùng trùng kéo theo (158).

Đường dịch lộ quân reo ngựa hí,  
Giải Hồng-Hà rền rĩ chiêng trâu.  
Hai quân Hưng-Hoá chạm nhau,

1260. Tiếng đồn bách chiến ban đầu mới hay.

Trần Quốc-Tuấn Sơn-Tây rút xuống.  
Viện quân qua sông Đuống (159) dồn lên;  
Thái Tông ngự giá trận tiền,

1264. Võ bờ thác lũ quân Nguyên tràn vào.

Quân Đại-Việt sông Cầu (160) đóng lại,  
Giặc Nguyên từ sông Cái (161) đuổi theo;  
Vua ta lâm bước hiểm ghè

1268. Đông-Bộ-Đầu (162), mượn thủy triều lưu vong.

Thái Tông về giữ sông Thiên-Mạc (163);  
Thành Thăng-Long quân giặc tràn vào,  
Than ôi một trận máu đào

1272. Sục sôi lòng nước nghẹn ngào ba quân.

Tình thế đã mười phần nguy ngập,  
Vua ngự thuyền triệu tập vương hầu.  
Run tay Nhật-Hiệu cầm sào,

1276. Dâng lời "Nhập Tống" viết vào nước sông (164).

Dòng sông Cái nước ròng chảy siết,  
Tướng lạc quân thảm thiết trăm điều;  
Kỳ dư chức phẩm đại triều,

1280. Kẻ khuyển hàng giặc, người liều thí thân.

Vua mới hỏi đến Trần Thủ-Độ  
"Đầu tôi còn Bệ-hạ đừng lo!"  
Một lời quyết liệt chẳng ngờ

1284. Đã thay đổi cả thời cơ tinh thần (165).

Trời tháng chạp mưa dầm gió bắc  
Quân Bắc phương lạ đất chẳng kham;  
Mịt mù khói tỏa non lam,

1288. Rừng thiêng chặn lối, độc đàm giữ chân.

Thái Tông thúc ba quân tử chiến,  
Đông-Bộ-Đầu toàn diện phản công (166),  
Máu thù nhuộm đỏ dòng sông,

1292. Xác thù phơi đã đầy vùng lau hoang.

Giặc ngược sông trường giang vội vã,  
Lui trở về Qui-Hóa đồn quân;  
Bồng đầu sơn cước thổ dân

1296. Đón đầu chặn đánh muôn phần thảm thương.

Giặc khi ấy cùng đường cạn kế,  
Phía quân Trần khí thế càng hăng;  
Sông Thao nổi sóng bất bằng,

1300. Núi Hùng kia cũng đằng đẵng khí thiêng.

Đường thủy bộ sơn xuyên lũ lượt,

Giặc mong sao chạy được thoát thân,  
Còn đâu cướp bóc lương dân,  
1304. Lời rằng "Giặc Phật" có phần chẳng ngoa.

Trận thử lửa quân ta đại thắng  
Song hãy còn cay đắng nhiều phen,  
Ba lần quét sạch quân Nguyên  
1308. Nước nhà mới được bình yên lâu dài.

Trần Thánh Tông (1258 -1278)

Giặc Nguyên đã đuổi ngoài cương thổ,  
Kịp khi xuân Mậu Ngọ (dl.1258) vừa sang.  
Thái Tông về phủ Thượng-hoàng (167),  
1312. Đông cung Trần Khoán ngai vàng nối ngôi.

Vua Thánh Tông vốn người quảng đại,  
Lại giàu lòng hòa ái tương thân;  
Hai mươi năm lẻ quây quần,  
1316. Nước nhà yên trị nhân dân thái hòa.

Vua cử hoàng đệ là Ích-Tắc,  
Vốn nổi danh trí thức đương thời,  
Mở trường đào luyện nhân tài,  
1320. Lo cho tỏ mặt tương lai nước nhà.

Bộ sử ký quốc gia Đại-Việt,  
Lê Văn Hưu ghi chép đảm đương,  
Viết từ đời Triệu Vũ-Vương  
1324. Đến thời Lý mặt dọn đường hậu lai.

Ngoài việc tuyển nhân tài giúp nước,  
Vua còn lo công cuộc khẩn hoang;  
Từ đây mới có điền trang,  
1328. Dân nghèo nô nức mở mang nông trường.

\* Mặt trận ngoại giao với Mông-Cổ.

Khi ấy họa Bắc phương chưa dứt;  
Vẫn nuôi lòng chinh phục phương Nam,  
Vua Nguyên sai Nột-Loạt-Đan  
1332. Dự truyền đòi Thánh Tông sang Bắc triều.

Giặc Nguyên ý quân kiêu thế mạnh,  
Triều ta nhờ quyết đánh chấp nguy;  
Hai bên chiếu lại biểu đi,

1336. Vua ta lần lửa đợi khi kiện cường.

Nếu chinh chiến trăm đường gian khổ,  
Thì hòa đàm nào có dễ đâu;  
Thánh Tông không chịu sang châu

1340. Lại còn thoái thác trước sau đủ điều.

Tuy nhiên chẳng quên câu già néo,  
Thế mà còn khôn khéo nắn buông;  
Bởi chưa đủ sức tự cường,

1344. Mới đành chịu để Bắc phương sách nài.

Nguyên chủ đòi cống người, gồm đủ  
Nghề nho, y, lý, số bác thông,  
Cùng đồ phương vật, thủ công,

1348. Ba năm lại giáp một vòng tiến dâng.

Lại đòi đặt chức quan Chưởng-ấn (168)  
Để gó dòm châu quận nước ta;  
Trần triều tính kế gần xa,

1352. Trong lo thao luyện ngoài đà phục uy.

Cuộc giao hiếu tùy nghi tiến thủ,  
Nhờ tay Trần Thủ-Độ nhắc cân;  
Người lo rèn tướng luyện quân

1356. Ấy Trần Quốc-Tuấn giỏi phần lược thao.

Mười năm tựa vó câu qua cửa,  
Cuộc hiếu hòa lần lửa thu đông;  
Vua xin bỏ cống người xong,

1360. Đến đồ phương vật cũng không chu toàn.

Đành chỉ nhận chức quan giám thị,  
Để gọi là chung thủy phục thần;  
Thoạt đầu Nguyên đã chuẩn ân,

1364. Năm sau thêm lại trăm phần nặng hơn:

Quân trưởng phải Bắc môn triều bái,  
Đưa con em ở lại làm tin,

Khai dân, nộp thuế phú điền,  
1368. Thực thi quân dịch, giữ nguyên giám thần...

Từng yêu sách bị Trần thoái thác,  
Lấy lễ công bài bác tận tường,  
Biểu văn danh thép lạ thường  
1372. Tuy trong khôn khéo mà dường trêu người.

Đòi cống voi: e voi chậm chạp;  
Hỏi cột đồng: đất lấp đã sâu;  
Hỏi người: chết cũng từ lâu;  
1376. Hỏi vua: vua bệnh, sang châu khó khăn!

Mười năm nữa xoay vần cũng ngán,  
Việc hòa đàm khi nấn lúc buông;  
Thánh Tông về phủ Thiên-Trường,  
1380. Thượng-hoàng giám quốc, ngôi nhường Nhân Tông.

Trần Nhân Tông (1279-1293)  
\* Mặt trận ngoại giao với Mông Cổ tan vỡ

Thái tử Khâm nổi dòng hào kiệt  
Lên ngai vàng Đại-Việt Quốc vương  
Thời nay Nam quốc tự cường  
1384. Gươm đao độ với Bắc phương kiêu hùng.

Nguyên năm trước Sài Thung (169) sang sứ  
Hạch sáu điều sách dụ năm xưa (170)  
Mười năm trải mấy nắng mưa  
1388. Mà cơn cuồng vọng vẫn chưa nguôi lòng.

Sài Thung vốn kiêu căng quen thói,  
Triều đình ta cứng cỏi dễ đâu;  
Nhân Tông nào chịu đi châu  
1392. Sai Trịnh Quốc Toản sang Tàu thảo thương.

Sứ đã bị Bắc phương giữ lại,  
Nguyên triều kia còn phái Thung sang  
Truyền rằng: Ngoài kỹ, nho, lang, ...  
1396. Thay vua phải đúc người vàng tiến dâng.

Vua e việc chiến tranh tàn hại,

Mới cử Trần Di Ái sang thay (171),  
Vốn hàng quốc thích xưa nay,  
1400. Tùy tùng Lê thị hai người Mực, Tuân (172).

Nguyên vốn đã tính phần xâm lược,  
Bèn thừa cơ bày chước gian ly,  
An-Nam quốc đổi thành Ty (173),  
1404. Phong Trần Di Ái chức vì Quốc vương.

Năm Nhâm-Ngọ (dl.1282) Sài Thung điều động  
Hơn ngàn quân hộ tống Ái về;  
Quân hùng theo ngọn tướng kỳ  
1408. Sứ-đô Nguyên-soái họ đề "Sài" lang (174).

Cuộc giao hiếu giữa đàng tan vỡ,  
Trần triều thêm phần nộ căm gan,  
Điều quân chặn nẻo Nam-Quan,  
1412. Quyết đem gươm giáo luận bàn thị phi.

Trúng tên nhọn phách lia chủ soái,  
Vương giáo dài cạm lối gian vương,  
Sài Thung bôn tẩu tìm đường,  
1416. Bọn Trần Di Ái vô phương ra hàng (175).

Chưa quên thói sài lang cậy sức,  
Nguyên chủ sai Bình-Trực giả danh,  
Mượn đường sang đánh Chiêm kinh  
1420. Chẳng qua mượn kế đoạt thành, cướp lương !

Vua cầu phong "Bình-Chương" mượn thế  
Cốt chối từ trá kế mượn lương.  
Thế mà trăm sách nghìn phương  
1424. Vẫn không thoát cuộc chiến trường oan khiên.

\* Cuộc xâm lăng lần thứ hai của giặc Mông Cổ (1284-1285)

Thu Nhâm-Ngọ (dl.1282) từ trên xứ thượng,  
Ngựa biên thù ruổi xuống Thăng-Long;  
Tin xa canh cánh bên lòng  
1428. Còn ngờ sét đánh giữa đồng bồng dưng,

Năm mươi vạn binh hùng Mông-Cổ

Dưới soái kỳ thái-tử Thoát Hoan,  
Trùng trùng tướng hổ quân lang  
1432. Vó câu sầm sập kéo sang biên thùy.

Lấy cơ mượn đường đi quá độ,  
Giặc đem quân thủy bộ tràn qua,  
Toan bề chiếm lấy nước ta  
1436. Biến thành quận huyện xóa nhòa biên cương.

\* Hội nghị Bình Than:  
Triệu tập các Vương hầu, văn võ.

Tình thế đã muôn đường khẩn cấp,  
Vua bèn cho triệu tập tham mưu,  
Triều đình văn võ vương hầu,  
1440. Cuối thu hội tại thủy đầu Bình-Than (176).

Khấp văn võ hoang mang sợ hãi,  
Người bàn nên mở ải nạp lương,  
Kẻ rằng nên biết tư lương,  
1444. Hiến dâng quý vật liệu đường hoãn binh.

Riêng đứng trước tình hình nguy biến  
Có hai người quyết chiến chủ trương:  
Một là Hưng-Đạo Đại Vương,  
1448. Hai là người chốn thảo đường, Khánh Dư (177).

Lúc ấy giận mình chưa đủ tuổi  
Được họp bàn nghị hội kháng Nguyên,  
Có người anh dũng thiếu niên  
1452. Tên Trần Quốc Toản xuất tiền mộ quân ...

Vua đã quyết liều thân cự giặc  
Song còn e xã tắc suy vi,  
Ngài bèn thân đứng chỉ huy  
1456. Truyền cho thủy lục hội về sông Thao.

Hai mươi vạn binh trao Tiết-chế  
Phận nước nhà định vị từ đây,  
Tướng tài mấy bậc xưa nay  
1460. Hùng uy Hưng-Đạo đã đầy sử xanh.

Cuộc tập trận lưu danh thiên cổ,

Đông Bộ Đầu sóng vỗ quân reo,  
Trùng trùng nước bạc buồm kiêu

1464. Giáo gươm sáng quắc, ráng chiều điểm son.

Trời Thăng-Long khói dùn mây thấp,  
Đường Lạng-sơn dồn dập vó câu,  
Nam-Quan từ ải địa đầu

1468. Đến miền Thanh, Nghệ trước sau rộn ràng.

Trần Bình Trọng Bình-Than đóng ải,  
Cửa Vân-Đồn thủy trại Khánh Dư,  
Đại quân đóng ở Trung du,

1472. Xây đồn Vạn-Kiếp tiến thu kíp thời.

\* Hội nghị Diên Hồng:

Triệu tập các bô lão khắp trong nước.

Tết Giáp-Thân (dl.1284) mờ trời gió cát,  
Đại quân Nguyên đồng loạt tiến công,  
Bộ từ Hồ-Quảng đột xông,

1476. Thủy quân xuất phát từ vùng Quảng-Châu.

Trước tình thế hai đầu thọ địch  
Hưng-Đạo Vương thống lĩnh ba quân;  
Riêng còn ngại nổi toàn dân

1480. Đồng tâm hiệp lực chung phần nước non.

Từ sơn cốc, hương thôn, bộ thủy  
Những bạc đầu trực chỉ Thăng-Long,  
Đáp lời dự hội Diên-Hồng,

1484. Trước bàn quốc sự sau chung chuyện nhà.

Ngoài ải Bắc tin về dồn dập,  
Cõi Nam thủy khẩn cấp quân đi;  
"Sơn hà xã tắc lâm nguy,

1488. "Hoà thì nước mất, chiến thì thân vong!"

Khấp bô lão một lòng xin đánh,  
Khấp làng thôn một lệnh kháng Nguyên,  
Vừa khi tin ở Bắc biên

1492. Thoát Hoan quân đã đóng miền Nam-Quan.



Sai A-Lý chiêu an trá thuyết  
Dụ mượn đường sang diệt Chiêm vương,  
Sự thành tất có tuyên dương,

1496. Nhược bằng chống lại miếu đường nát tan!

\* Các mặt trận kháng Nguyên:

Trần Quốc-Tuấn căm gan đuổi sứ,  
Chia quân ra trấn thủ địa đầu,  
Khả-Li cùng ả Lộc-Châu,

1500. Các vùng hiểm địa yết hầu Lạng-Sơn.

Bộ binh giặc hai đường bôn tập,  
Đông đạo vào Khưu-Cấp, Kỳ-Lừa;  
Khưu-Ôn, tây đạo tràn qua;

1504. Đại quân nguyên soái chính là Thoát Hoan.

Lúc ấy đã đánh tan Khả-Lợi,  
Quân Thoát Hoan tràn tới Nữ-Nhi,  
Nội-Bàng thất thủ tức thì,

1508. Quân Trần đại bại rút về Chi-Lãng.

Thủy quân Nguyên tiến sang Chiêm quốc,  
Cốt đánh theo chiến lược gọng kìm,  
Chiến thuyền đan chặt như nêm,

1512. Toa Đô tướng giặc tương truyền lược thao.

Trần Quang Khải kéo vào xứ Nghệ,  
Khơi chiến hào phòng vệ mặt Nam.  
Bấy giờ tình thế bất kham,

1516. Quân Trần đã bỏ cửa thềm Lạng-Sơn.

Bộ quân lui về đồn Vạn-Kiếp,  
Cùng thủy quân đóng miệt Bái-Tân (178).  
Hay tin Hưng-Đạo triệt quân

1520. Nhân Tông thân đến ân cần hỏi han :

"Thế giặc mạnh muôn vàn khó cự,  
Nếu đánh không khỏi sự thiệt thân;  
Hay là cứu lấy muôn dân,

1524. Đầu hàng giặc dữ, đành phần kẻ trên ?"

Hưng Đạo Vương nghe liền khảng khái:

"Bệ hạ vì nhân ái thương dân,  
Dẫu rằng xã tắc thứ phần,  
1528. Ví không đất nước, nhân quần còn chi !"

"Nếu Bệ hạ muốn đi hàng giặc  
Xin đầu tôi hãy chặt trước tiên !"  
Nghe lời trung liệt mới yên,  
1532. Nhân Tông trở xuống khoái thuyền về kinh.

Khấp đất nước triều đình điều động  
Bỏ vườn không nhà trống tàn hoang;  
Truyền từ quân đội, dân gian  
1536. Đánh thua bỏ trốn, không hàng giặc Nguyên.

\* Hội nghị Vạn-Kiếp:  
Hội nghị quân sự, triệu tập võ quan các cấp.

Sau mặt trận Bắc biên thất thủ,  
Bổ sung thêm hàng ngũ ba quân,  
Vẫn hai mươi vạn giáp nhân,  
1540. Lấy từ các lộ xa gần Đông Nam (179).

Hội Vạn-Kiếp luận bàn chiến sách,  
Cốt thấm nhuần kế hoạch dụng binh,  
Lấy đoản trận chống trường chinh,  
1544. Đem sức châu chấu mà rình đá xe.

Hưng-Đạo lại khấp bề tướng sĩ  
Ban hịch truyền lời lẽ thiết tha (180),  
Cùng đem "Yếu Lược Binh Thư" (181)  
1548. Ân cần chỉ dẫn, trao cho ngẫm nghiên.

\* Quân Mông Cổ tổng tấn công:

Ngày Mồng sáu tháng Giêng Ất-Dậu (dl.1285)  
Ô Mã Nhi dẫn đạo tiền quân,  
Đánh vào Vạn-Kiếp bất thần,  
1552. Chiếm núi Phả-Lại đã gần tuyến trong.

Tuyến phòng ngự Bắc-Đông tan vỡ,  
Thế giặc như thác đổ ghềnh cao;  
Mặt từ duyên hải đánh vào,  
1556. Lạng-Sơn kéo xuống ào ào tiến quân.

Vua Nhân-Tông đích thân đốc chiến,  
Giặc tràn vào như kiến càng đông,  
Bên ta mười vạn đột xông

1560. Cảnh không nổi sức tấn công tràn bờ.

Mạn Kinh-Bắc mịt mờ lửa khói,  
Huyện Gia-Lâm gạch ngói tan tành,  
Nhị Hà quân giặc tung hoành,

1564. Đông-Bộ-Đầu mất, kinh thành lâm nguy.

Đại quân ta rút về Nam ngạn,  
Lập tuyến phòng ngự, án Thăng-Long  
Thoát Hoan hạ lệnh tấn công,

1568. Đạn thù dày đặc khói sông Nhị Hà.

Trận đại pháo quân nhà tan vỡ,  
Bắc cầu phao giặc đổ qua sông,  
Phá thuyền, áp đảo Thăng-Long,

1572. Quân Trần thua phải xuôi dòng tháo lui.

Nhân Tông mới chọn người đi sứ,  
Đỗ Khắc Chung được cử sang thù,  
Trước là hoãn chiến tạm tu,

1576. Sau là dò xét thực hư địch tình.

Ô Mã Nhi bất bình vấn nạn  
Chuyện quân ta "Thất Đát" khắc tay;  
Khắc Chung ứng khẩu đáp ngay :

1580. "Phải đâu Hàn-Tín mà bày đánh Yên !

"... Kẻ hiền tướng càng nên chính trực,  
Trước hiếu hoà, binh lực là sau;  
Còn như ý mạnh bức nhau

1584. Dù cho muông thú dễ đâu chịu hèn !"

Nhi lại dụ vua nên hàng giặc,  
Để đại quân phương Bắc tràn qua;  
Khắc Chung cứng cỏi chẳng vừa

1588. Đành thì một trận, hơn thua chắc gì !

Nay tình thế lâm nguy khó liệu,  
Vua lại sai Nguyễn Hiệu trở qua,

Thoát Hoan nào chịu nghị hòa,  
1592. Truyền quân vượt giải Hồng-Hà tiến sang.

Thăng-Long mất kinh hoàng cả nước,  
Ngày mười ba còn thuộc tháng Giêng;  
Tính ra mới tám ngày liền  
1596. Từ khi quân giặc đánh miền Trung-Châu.

\* Mặt trận Đông-Nam :

Càng rõ địch mưu sâu tốc chiến,  
Hưng-Đạo càng cương kiện chủ trương,  
Lui chủ lực xuống Thiên-Trường,  
1600. Phò hai vua tới Hải-Dương tuyển đầu.

Lại bố trí trước sau các ngả,  
Vùng Nghệ-An, Thanh-Hoá biên khu  
Do Trần Quang Khải Thái-sư,  
1604. Hợp cùng Kiện, Tắc (182) ngăn ngừa mặt Nam.

Mặt Nam, Mông chia làm hai cánh,  
Bộ từ Chiêm : BỐ-Chánh chiến trường  
Toa-Đô, Cổ-Đới tiên phương,  
1608. Hậ quân tiếp đến Đại-vương Giảo-Kỳ.

Ngoài biển : Ô Mã Nhi kịp tới,  
Hợp bộ binh, thủy đội tấn công.  
Máu xương rải khắp ruộng đồng;  
1612. Nghệ-An thất thủ, xứ trong còn gì !

Bọn Kiện, Tắc đã thì vô dụng,  
Tướng Đinh Xa, Tất Dũng tử thương;  
Màn trời chiếu đất phơi sương,  
1616. Quân thua tướng bại trăm đường thảm thê !

Đại Hoàng Giang, nói về mặt Bắc,  
Thủy đội Trần vừa giặc đánh tan,  
Vua tôi đang nhật quân tàn,  
1620. Văn hầu Chiêu, Nghĩa (183) đã hàng địch quân.

Trở về bến Phú-Tân Thanh-Hoá,  
Giảo-Kỳ sai Kiện phá quân nhà,  
Vừa khi Quang Khải rút ra

**1624. Quân Trần tan vỡ máu hoà đỏ sông !**

Trước tình thế vô cùng đen tối,  
Vua sai đưa Quốc muội cho Hoan (184).  
Thương thay lá ngọc cành vàng

**1628. Đành đem đổi lấy một trang sử hùng !**

Nghĩa làm dân gánh chung nam nữ,  
Gương anh hùng ví thử mấy ai,  
Kìa như Bình Trọng tướng tài,

**1632. Thà làm trung quỷ hơn loài gian vương (185) .**

Chín tháng Ba bọn Đường Cổ Đới  
Đem chu sứ (186) săn đuổi hai vua.  
Ngự thuyền khôn giấu mẹo lừa,

**1636. Mắt tai ưng khuyến nào chữa áo nhung.**

Nguồn Tam-Trĩ (187) sông cùng bể cạn,  
Thủy-Trú thôn lánh nạn hai vua,  
Theo đường Nam-Triệu (188) bến xưa

**1640. Vượt ra cửa biển chạy đùa xứ Thanh.**

Giữa tháng Ba bọn Trần Ích-Tắc  
Đem toàn gia theo giặc lập công;  
Vốn dòng con thứ Thái-Tông

**1644. Vì chưng vinh hiển tư thông giặc thù (189) .**

Cảnh quốc phá kể từ Thanh, Nghệ  
Đến Trung châu kiệt quệ xác xơ,  
Khắp nơi đồn ải quân thù,

**1648. Cờ bay rợp đất, chu sứ kín dòng.**

Phường cơm áo thay lòng đổi dạ,  
Bạc trung lương vất vả lo toan;  
Vua tôi lòng những ngổn ngang

**1652. Bơ phờ nhìn ngọn chỉ mành treo chuông.**

Riêng Hưng-Đạo Đại-Vương sau trước,  
Trong nguy cơ chẳng bước sờn lòng,  
Vào ra vững tựa như đồng,

**1656. Điều binh khiển tướng phản công chờ giờ ...**

**\* Quân Trần tổng phản công :**

Trời vào tiết tháng Tư sang hạ,  
Ve giục sầu ra rả thê lương,  
Quân Nguyên quen ở Bắc phương,

1660. Bắt đầu chạm với chiến trường nhiệt lưu.

Mưa từng trận tiêu điều ngọn cỏ,  
Nắng từng cơn cháy vỡ thít da,  
Mình đồng dầu cũng người ta,

1664. Ốm đau, dịch tễ chết là biết bao.

Quân dân ta bắt đầu phản kích,  
Đánh vào lòng quân địch ly hương,  
Nơi thì bám chặt chiến trường,

1668. Nơi thì đón giặc, phá lương, đốt thuyền.

\* Trận Hàm Tử:

Trần Nhật Duật thắng Toa Đô.

Mặt trận Nam quân Nguyên bế tắc,  
Toan đánh ra mạn Bắc hợp binh;  
Vượt không nổi tuyến cản nghinh,

1672. Toa-Đô, Ô-Mã giương màn vượt khơi.

Trần Quang Khải tức thời cấp báo  
Giặc Nguyên theo thủy đạo kéo lên.  
Vua sai thu thập chiến thuyền,

1676. Cử Trần Nhật Duật toàn quyền phản công.

Duật dàn trận bến sông Hàm-Tử,  
Lại chia quân án ngữ ngoài khơi,  
Quốc Toản, Nguyễn Khoái đồng thời

1680. Chặn vùng Tây-Kết là nơi giang đầu.

Chờ quân giặc vào sâu trận tuyến,  
Thủy quân ta toàn diện tấn công.  
Quân reo rền trận trống đồng,

1684. Ngàn lau bạt vía, núi sông giật mình.

Quân Toa-Đô hải trình mỏi mệt,  
Gặp quân Trần liều chết phản công;  
Tòng chinh thêm tướng Triệu Trung (190)

1688. Vốn người nước Tống theo cùng đánh Nguyên.

Giặc hoảng hốt lui thuyền tháo chạy,  
Kéo binh thua lau sậy nấu nường,  
Đóng quân ở bãi Thiên-Trường,

1692. Trong ngoài nay đã tuyệt đường giao liên.

Trần Nhật Duật báo tin thắng trận,  
Hưng-Đạo Vương quyết đánh Thăng-Long.  
Xây vừa nhẹ gánh xứ trong,

1696. Thượng tướng Quang-Khải lập công xin về.

Lúc ấy đã yên bề Hoan, Ái,  
Trường-Yên vua vừa lại thắng to,  
Quân Nam được lệnh cuốn cờ,

1700. Âm thầm thắng nẻo kinh đô bôn trình.

\* Trần Chương-Dương:

Trần Quang-Khải khôi phục Thăng-Long.

Trần Quang-Khải hội binh các lộ,  
Chia hai đường thủy bộ tiến lên,  
Trần Thông, Khả Lập, Nguyễn Truyền

1704. Cùng Phạm Ngũ-Lão chiến thuyền vượt khơi.

Chủ lực giặc giữ nơi hiểm yếu,  
Quân Thoát Hoan đóng nẻo Thăng-Long,  
Chương-Dương thủy cứ lập xong

1708. Lầy lừng chế ngự toàn vùng Trung Châu.

Thuyền ta vượt thủy lưu duyên hải,  
Nhập cửa ngòi sông Cái mù sương,  
Tiến vào đến tận Chương-Dương

1712. Bất thần thủy trại đối phương đánh tràn.

Thủy lực giặc kinh hoàng tan vỡ,  
Thủy quân ta đổ bộ đuổi theo,  
Thăng-Long tràn tới chiến hào,

1716. Quân reo, trống thét, lửa gào hờn oan.

Quân bộ chiến Thoát Hoan xung trận,  
Viện quân ta các trấn bổ vây,  
Bốn bề trống thúc chiêng lay,

1720. Càng cao tổn thất càng dày giáo gươm.

Hoan rút chạy theo đường Kinh-Bắc,  
Quang-Khải ban lệnh nhập Thăng-Long.  
Quân dân siết nổi tử mừng,

1724. Chiến bào tạm trút rượu hồng thường thơ (191).

\* Trận Tây-Kết :

Giết Toa-Đô, bắt 5 vạn quân Nguyên.

Tin thắng trận đến bờ Thanh, Nghệ  
Vua tướng Trần vui vẻ hàn huyên,  
Mang quân về đóng Trường-Yên

1728. Phòng khi tiếp ứng khắp miền Trung Châu.

Lại kể truyện trận đầu tan vỡ,  
Toa-Đô lui đóng ở Thiên-Trường,  
Sửa thuyền, chuẩn bị binh lương,

1732. Đánh lên Thiên-Mạc tìm đường hội quân.

Giặc chưa biết Thoát Hoan chủ lực  
Đã lui về Kinh-Bắc nấu nương.  
Đánh không vào được Chương-Dương

1736. Đô về Tây-Kết tính đường thoát thân.

Trần Hưng Đạo chia quân vây trại,  
Hai tướng quân Duật, Khải chỉ huy,  
Chiến trường lòng lộng trùng vi,

1740. Chim kia khó thoát dễ gì trạch lươn.

Gươm dè sóng chỉ đường Tây-Kết,  
Hưng-Đạo Vương lẫm liệt uy nghi,  
Hô quân xung trận nhất tề,

1744. Dưới thuyền, trên bộ, hai bề giáp công.

Đô khiếp vía băng đồng trốn chạy,  
Bỗng gặp đâu một dãy núi cao;  
Còn chưa biết địa phương nào

1748. Quân mai phục đã ào ào tên bay.

Bọc da ngựa thương thay danh tướng !  
Phơi chiến hào vất vường bại quân !



Toa-Đô đầu đã lìa thân (192),  
1752. Lưu Khuê, Ô Mã nhanh chân chạy dài.

Tàn quân giặc bôn lai Thanh-Hoá,  
Hai vua theo khắp ngả truy lùng,  
Mã-Nhi đến bước đường cùng,  
1756. Đành nương thuyền nhỏ mà dung thân hèn ! (193)

Năm vạn mạng bon chen sĩ tốt,  
Mẻ lưới đầy hao hụt cũng đang.  
Hung tin đến bến Đại-Mang  
1760. Tổng Quản Trương-Hiến ra hàng tướng ta.

\* Trần Vạn-Kiếp :  
Đánh tan chủ lực giặc, kết thúc chiến trường.

Tin bại trận bay qua Kinh-Bắc  
Khiến Thoát Hoan thất sắc kinh hoàng,  
Vừa lui quân tới Bắc-Giang  
1764. Truy binh nào đã rợn ràng sau lưng.

Quân thám mã hãi hùng cấp báo  
Rõ tướng kỳ "Hưng-Đạo Đại-Vương";  
Thoát-Hoan thôi đã cuống cuồng,  
1768. Chạy ra Vạn-Kiếp tìm đường cao bay...

Nguyên, Vương đã bố bày chu đáo  
Truyền đạo quân Ngũ-Lão kéo đi,  
Lại sai hai tướng Nghiễn, Uy (194)  
1772. Điểm quân ba vạn tiến về Quảng-Yên.

Sai chẹn lối quân Nguyên rút chạy,  
Mai phục trong các bãi sậy lau,  
Lại truyền các lộ trước sau  
1776. Đón tàn quân giặc, chặn cầu, ngăn sông.

Quân Hoan cố băng đồng xuống biển,  
Bị phục quân loạn tiến thảm thương,  
Nửa phần phơi xác chiến trường,  
1780. Hậu quân tháo chạy ngược đường Tư-Minh.

Liều thân can truy binh tràn tới,

Tướng Lý Hằng hậu đội trúng tên.

Sa cơ chết tại trận tiền,

1784. Bên ta thiệt mất tướng quân Trần Thiều.

Hàng ngũ giặc tiêu điều tán loạn,

Lý Quán gom năm vạn tàn binh;

A, Phàn hai tướng liều mình

1788. Đưa Hoan về ngả Tư-Minh đất nhà.

Lại gặp phải binh ta Uy, Nghiễn

Lý Quán trong loạn tiến mạng vong.

Thoát Hoan chui trốn ống đồng,

1792. Tàn binh liều chết đột xông về Tàu.

\* Cuộc tấn công lần thứ ba của quân Mông Cổ (1287-1288)

Tin chiến bại ngang đầu sét đánh

Khiến Nguyên vương nổi trận lôi đình,

Truyền đem bọn tướng Nam chinh

1796. Lôi ra chém chằng vị tình thân sơ.

Triều thần những phân bua tha thiết

Mới chuyển lòng, tội chết tạm dung

Hầu cho chuộc tội lập công

1800. Bao nhiêu bại tướng tạm mong sống còn.

Lúc ấy bởi bõn chồn phục hận,

Nguyên chủ ngưng việc đánh Phù-Tang;

Truyền cho ba tỉnh : Hoài Giang,

1804. Giang Tây, Hồ Quảng sẵn sàng động binh (195).

Truyền thủy lục tận tình thao luyện,

Định sang đông tử chiến phục thù,

Lại truyền các tỉnh biên khu

1808. Khâm, Liêm chuẩn bị trùng tu mở đàng.

Tin chiến sự bay sang phòng tuyến,

Lại một phen rung chuyển Thăng-Long;

Dẫu cho dạ sắt gan đồng

1812. Hai vua không khỏi động lòng lo âu.

Bèn thỉnh Quốc-Tuấn vào vấn kế;

**Vương tâu trình sự thể trước sau:**

**Giặc dù quyết trả thù sâu**

**1816. Cái gương Toa, Lý dễ nào đã quên.**

**Nay quân ta kinh rèn chinh chiến,**

**Lại toàn dân nguy biến rõ thông,**

**Ngoài trong, trên dưới một lòng,**

**1820. Giặc kia mạnh mấy phá không khó gì.**

**Bèn ban lệnh truyền đi khắp nước**

**Quân dân theo chiến lược sẵn sàng,**

**Chiến thuyền, võ khí, quân trang**

**1824. Rèn binh nung chí quật cường kháng Nguyên.**

**Xuân Đinh-Hợi (dl.1287) từ miền Hồ-Bắc**

**Thoát-Hoan đưa Ích-Tắc hồi hương,**

**Phong làm Đại-Việt Quốc-Vương,**

**1828. Quân ba mươi vạn lên đường tòng chinh.**

**Ngoài hàng ngũ hùng binh Mông-Cổ,**

**Còn Hán binh Bắc thổ lược thao,**

**Vân-Nam binh, mới tuyển vào,**

**1832. Lê binh, thủy trận khác nào kinh nghê.**

**Hàng dũng tướng thêm bề uy mãnh**

**Ái-Lỗ làm Hành-tĩnh Hữu thừa,**

**Bình-chương Lỗ-Xích (196) nào vừa,**

**1836. Bằng Phi (197), Trương Ngọc, ... có thua oai hùm.**

**Quân Thoát Hoan Liêm, Khâm tiến phát,**

**Đến Tư-Minh đã sát biên thủy,**

**Tiên phong Trương Ngọc, Lưu Khuê**

**1840. Binh hùng hai vạn, thuyền bè năm trăm.**

**Hai vạn quân sơn thâm, lộ dịch**

**Theo Bằng-Phi, Lỗ-Xích kéo đi;**

**Hải thuyền: Phàn Tiếp, Mã-Nhi,**

**1844. Tướng Trương Văn Hồ lo bề vận lương.**

**Mặt Vân-Nam do đường thủy lộ**

**Quân Hữu thừa Ái-Lỗ tiến sang**

**Vào sâu đến Đại Tam Giang (198)**

**1848. Mới dừng quân giữa chiến tràng giao phong.**

Phía Nam quân bố phòng phân tán,  
Tuyển Lạng-Sơn ba vạn tinh binh,  
Tướng quân Duật, Khoái xuất chinh,  
1852. Lập đồn chặn ngõ Tư-Minh đón thù.

Trần Quốc-Toản trấn khu Thanh, Nghệ,  
Cùng Phụ-Trần (199) bảo vệ tuyến Nam.  
Các miền thủy khẩu, duyên giang  
1856. Đều chia quân đóng sẵn sàng giao tranh.

Hưng-Đạo Vương đóng thành Vạn-Kiếp  
Tiện điều quân ứng tiếp mọi nơi.  
Vừa khi tin trận cấp thời  
1860. Quân ta chạm địch bên ngoài Vạn-Ninh (200).

Tướng Trần Đa thua binh thất thế,  
Ô Mã-Nhi vượt bể tiến nhanh,  
Lương thuyền chậm chạp hải hành  
1864. Trương Văn Hồ phải án binh giữa dòng.

Bộ binh giặc tấn công tỉnh Lạng,  
Trịnh Bằng-Phi đánh xuống Lộc-Châu;  
Đại quân Hoan vượt tuyến đầu,  
1868. Tràn qua Khả-Lợi vào sâu chiến trường.

Thấy thế giặc bốn phương vây bủa,  
Hưng-Đạo về giữ cửa Đại-Thân,  
Dựa vào Vạn-Kiếp dàn quân,  
1872. Thoát Hoan tràn tới đích thân công thành.

Liên Phả-Lại, Chí-Linh hỗn loạn,  
Quân Bằng-Phi hai vạn tràn vào;  
Mã-Nhi thời ngả Lục-Đầu (201)  
1876. Cùng A-Bát-Xích vào sâu sông Hồng.

Quân Phàn-Tiếp tấn công tỉnh Bắc,  
Ta chống không nổi giặc phải lui.  
Bắc-Đông mặt trận vỡ rời,  
1880. Đồng bằng sông Nhị nay nơi chiến trường.

Lại nói bọn gian vương Ích-Tắc  
Theo gót thù lưu lạc Tư-Minh;

**Gian thần Lê Tắc thân chinh**

**1884. Dẫn Hầu Sư-Đạt mang binh kéo về.**

**Chúng vượt nẻo sơn khê biên ải,  
Phá Nội-Bàng tiến tới Bằng giang;  
Năm ngàn binh mã tràn sang,**

**1888. Ta dàn cung thủ chặn ngang thủy đầu.**

**Làn tên độc đạn mau tựa bắc,  
Ngọn lửa thù vây chặt đường nôm;  
Giao tranh cho đến nửa đêm**

**1892. Giặc thua, Sư-Đạt trúng tên lìa đời.**

**Bọn Lê Tắc sáu mươi người ngựa  
Chạy thâu đêm xấp ngựa đảo diên.  
Mờ sương tới ải Châu-Chiên**

**1896. Mới hay về đến đất Nguyên sống còn.**

**Dời ải Bắc Lạng-sơn chốn cũ,  
Trở về miền châu thổ sông Hồng;  
... Tiến vào sông Cái mệnh mông**

**1900. Quân A-Bát-Xích tấn công bến Hàm.**

**Hàm-Tử mất mặt Nam trống trải,  
Phòng tuyến Đông triệt thoái còn chằng!  
Quân Hoan tràn ngập đồng bằng,**

**1904. Trùng trùng vây hãm thành Thăng bốn bề.**

**Hai tướng giặc Mã-Nhi, Bát -Xích  
Hội chiến thuyền tấn kích Thăng-Long.  
Quân ta đón giặc giao phong,**

**1908. Hai vua tạm lánh vào vùng Hà-Nam.**

**Giặc Ô-Mã như sam bám chặt,  
Quyết cùng đường đuổi bắt vua ta.  
Ngự thuyền rong ruổi đã xa,**

**1912. Mã-Nhi nổi giận quật nhà Chiêu-Lăng (202).**

**\* Quân Trần phản công.**

**Xuân Mậu-Tí (dl.1288) muộן màng khói Tết,  
Hoan rút về Vạn-Kiếp dưỡng quân.**

Giặc lui ta lại tiến dần,  
1916. Việt quân lại đánh, vua Trần lại ra.

Cửa Đại-Bàng binh ta thắng lớn,  
Thu chiến thuyền vây khổn quân Nguyên,  
Trời chiều rực ánh thiên nhiên,  
1920. Mây pha sắc máu, nước nghiêng dáng buồm.

\* Trần Vân-Đồn:  
Trần Khánh Dư phá lương giặc.

Giặc càng đánh binh lương càng cạn,  
Nuôi sao ba mươi vạn miệng công;  
Cướp dân thì cũng như không,  
1924. Vườn hoang, nhà vắng, ruộng đồng xác xơ.

Thuyền Trương Hồ càng chờ càng bật,  
Bụng ba quân càng thắt càng đau;  
Xông pha khói sóng bạc đầu,  
1928. Mã-Nhi đành vượt biển sâu đi tìm.

Trần Khánh-Dư hay tin ghênh cảm,  
Ô Mã Nhi phá trận vượt qua;  
Vân-Đồn giặc đã đi xa,  
1932. Thượng-hoàng triệu Khánh-Dư về Thăng-Long.

Dư xin nán lập công chuộc tội,  
Tính lương thuyền tất phải đến sau;  
Quả nhiên vài bữa không lâu  
1936. Mã-Nhi quay mở đường vào cửa sông.

Dư để giặc ung dung vượt sóng,  
Lặng lẽ chia quân đóng Lục đầu;  
Thuyền lương chậm chạp tới sau  
1940. Tiến vào cửa Lục, chìm sâu lửa hồng !

Trương Văn Hồ Quảng-đông thoát chạy,  
Trần Khánh Dư thu lấy binh lương,  
Mang tin thắng trận lên đường;  
1944. Vua truyền xá tội tuyên dương công đầu.

Cùng Hưng-Đạo mưu sâu định kế  
Thượng hoàng cho lệnh thả tù binh;

Quân Hoan tin dữ cả kinh,  
1948. Trận công lương ấy tan thành tặc tâm.

\* Trần Bạch-Đằng:  
Hưng-Đạo đánh tan thủy lực giặc.

Tình hình giặc đã lâm ngõ bí  
Ngày thiếu ăn đêm nghỉ không an,  
Kéo nhau cướp bóc xóm làng,  
1952. Còn đâu hồn vía mà bàn quân mưu.

Tổng-quản nọ đặt điều tạm rút,  
Thủy tướng kia bàn đốt chiến thuyền,  
Om xòm tả hữu can khuyển,  
1956. Càng nghe thối lại càng thêm rối mù.

Thoát Hoan mới truyền cho tướng sĩ  
Tập trung quân chuẩn bị chiến hồi;  
Ô, Phàn theo ngã biển khơi,  
1960. Đại quân vượt bộ mà rời nước Nam.

Trần Hưng-Đạo biết tâm ý giặc  
Bèn điều quân chặn khắp lối về,  
Bộ thì tận nẻo sơn khê,  
1964. Thủy thì cửa biển bốn bề lưới giương.

Lại theo kế Ngô Vương thưở trước,  
Đóng cọc ngầm dưới nước Đàng giang;  
Thủy triều đợi nước mệnh mang  
1968. Ta đem thuyền nhẹ đánh sang thượng nguồn.

Khi triều xuống nước tuôn vội vã  
Ta lui thuyền tất tả về xuôi,  
Dự cho thuyền giặc tới nơi  
1972. Mới quay thuyền lại chết thối đánh tràn...

Vương theo kế mật bàn Nguyễn Khoái,  
Lại chia quân chặn ải Nội-Bàng,  
Rời cùng chỉ xuống Hoá-giang  
1976. Thề không tan giặc không màng về sông!

Dòng Đàng-giang mệnh mông bát ngát,

Chiến thuyền Nguyên san sát theo nhau;  
Vừa vào Chúc-Động bến sâu,  
1980. Quân ta vượt sóng bạc đầu tấn công.

Lưu Khuê cạy quân đông thế mạnh,  
Tung thuyền ra vây đánh quân Trần;  
Tàn đêm lửa khói tan dần,  
1984. Thuyền ta bỏ chạy mười phần còn ba.

Quân Mã-Nhi tiến ra vừa lúc,  
Nguyễn Khoái tung toàn lực tấn công;  
Thủy triều lồng lộng dòng sông,  
1988. Quân Trần quấy sóng giữa vùng lửa thiêu.

Chiến thuyền ta rút theo con nước,  
Ô Mã-Nhi toàn lực theo ngay;  
Năm xưa cũng ở chốn này  
1992. Vạn quân Nam-Hán phơi thây còn thuyền!

Quân Nguyễn Khoái quay thuyền tử chiến  
Hưng-Đạo Vương tiếp viện tăng cường,  
Hai vua vừa tới tiền phương,  
1996. Ngũ-doanh-quân nhập chiến trường bố vây.

Quân tướng giặc hồn bay phách lạc,  
Chiến thuyền Nguyên lui nát tơi bời,  
Chật dòng thây đổ máu rơi,  
2000. Thiên thu sóng vẫn ngậm lời thương tâm!

Ta thu được bốn trăm thuyền giặc,  
Quân Đỗ Hành đuổi bắt tướng Nguyên  
Mã-Nhi, Phàn Tiếp lại thêm  
2004. Tích Lệ, Cơ Ngọc dâng lên Thượng hoàng.

\* Truy kích Thoát Hoan:

Nay lại kể cánh quân đường bộ,  
Nghe thủy quân đã vỡ tan tàn,  
Thoát Hoan mặt xám mày xanh,  
2008. Truyền quân nhổ trại khẩn hành tháo lui.

Chẳng mấy bữa đến nơi biên ải,  
Vượt Nội-Bàng là tới Nữ-Nhi;



**Bồng dêu đá chạy cát phi**

**2012. Đại binh Ngũ-Lão đã thì bổ vây.**

Thấy chủ soái hồn bay phách tán,  
Tướng giặc là Trương Quán liễu thân  
Dẫn binh bản bộ ba ngàn,

**2016. Bỏ thân giải cứu Thoát Hoan vượt trùng.**

Thảm thay đã thế cùng lực kiệt,  
Từ Nội-Bàng tới miệt Bằng-giang  
Đường đèo trăm dặm quan san

**2020. Quân Trần như kiến chắn ngang lối về.**

Ngựa truy kích nghe bề đồn dập,  
Ải Nữ-Nhi, Khưu-Cấp còn xa;  
Rừng chiều nắng quái, mây pha

**2024. lưng đèo, còn biết đâu là cố hương !**

A-Bát-Xích mở đường huyết lộ,  
Trương Ngọc mang bản bộ đột xung;  
Thương thay cũng bậc anh hùng,

**2028. Mũi tên nào biết phân cùng lác lau!**

Đường dịch lộ xác cao từng đống;  
Hoan tắt vùng sơn động trốn đi,  
Tùy tùng còn Trịnh Bằng-Phi

**2032. Được người châu mục dẫn về Tư-Minh.**

Áo Lỗ-Xích một mình một ngựa  
Nhặt nhạnh thêm mấy đứa tàn binh,  
Cũng về tới được Yên-Kinh,

**2036. Thảm thay giấc mộng viễn chinh kiêu hùng!**

**\* Cuộc giải hoà với Nguyên triều.**

Non nước Việt lại bừng xuân mới,  
Khắp nơi nơi vui hội thái hoà,  
Mục đồng nổi khúc âu ca,

**2040. Ruộng xanh nắng nhuộm một và cánh chim.**

Nhìn sông núi càng thêm chan chứa,  
Xếp chiến bào nhớ thửa chuân chuyên,  
"Nhọc nhằn thạch mã hai phen,

**2044. Ngàn năm non nước vững yên âu vàng" (203).**

Giặc Nguyên đã kinh hoàng vỡ mật,  
Song hận kia vị tất đã quên,  
Ta dù chinh chiến từng phen,

**2048. Nỗi dân giặc già triền miên ích gì.**

Cuộc hoà hoãn thôi thì liệu thế,  
Triều đình ta lấy lễ đãi thù,  
Cử quan là Đỗ Thiên-Thu

**2052. Mang đồ phương vật cống như thuở nào.**

Kịp lúc ấy Nguyên trào cũng nản,  
Việc binh đao ngao ngán đẩy đưa,  
Cắm gan dù cái nhục thua

**2056. Cũng đành nuốt hận mà mua cuộc hoà.**

Song vị lễ quốc gia vương thế  
Đòi Nhân Tông giữ lệ sang châu,  
Phái Trương Lập-Đạo đại triều

**2060. Sang ta bàn định buộc điều ước trên.**

Biện cử tang vua liền phúc đáp  
Sai quan là Đại-Pháp đi thay (204)  
Năm sau biện lễ vật đầy

**2064. Tử-Kỳ vâng mệnh vua nay sang châu ! (205)**

Nguyên nổi giận câu lưu sứ giả,  
Truyền tạm giam nơi ngả Giang-Lăng,  
Lại truyền chuẩn bị binh lương,

**2068. Cử Lưu Quốc-Kiệt lên đường viễn chinh.**

Bãi Trường-Sa hội binh Nam Bắc;  
Bọn tứ thầy Ích-Tắc theo sau  
Lòng đang khắp khởi bổng đầu

**2072. Hốt Tất-Liệt đã vội châu Diêm-Vương.**

Nguyên Thánh Tông ngại vàng kế nghiệp,  
Truyền khắp nơi bãi việc binh đao;  
Bắc Nam nối cuộc bang giao,

**2076. Sứ ta cũng được hồi trào bình yên.**

Năm Kỷ-Sửu (dl.1289) vua truyền ân xá,

Nguyễn Thịnh thân trao trả tù binh,  
Tích, Cơ... đưa tận biên đình,  
2080. Phàn-Tiếp trả gói phù sinh tro tàn. (206)

Ô Mã-Nhi bởi dân ta thán,  
Lại chuốc thù gây oán đã sâu  
Nên thuyền ra biển chưa lâu  
2084. Sóng yên gió lặng bỗng đâu mà chìm! (207)

Đất bằng lẽ nào im sóng gió,  
Triều đình Nguyên phần nộ hỏi tra;  
Trần triều ngự bút đưa qua  
2088. Gió kia mới lặng, sóng đà tạm yên.

Lại xét cuộc kháng Nguyên gian khổ,  
Người công nhiều kẻ lữ tội mang;  
Thượng hoàng đốt tráp biểu hàng (208)  
2092. Mới bình công tội hai đàng phân minh.

Từ đấy mối đao binh mới dứt,  
Thượng hoàng về ẩn dật an cư;  
Hạ tàn vui giấc thiên thu  
2096. Bên người áo vải, bên hồ tịnh tâm.

Trần Anh Tông (1293-1314)  
\*Thời thịnh trị.

Ngày xuân nhớ Võ-Lâm chùa cũ,  
Nhân Tông thăm Yên-Tử núi xưa;  
Vui hội chuông sớm mỡ trưa  
2100. Xe loan đổi cỗ đại thừa độ duyên (209).

Vua truyền Thái-tử Thuyên nối nghiệp,  
Về Thiên-Trường trông việc quốc gia.  
Anh Tông hiếu hạnh, khoan hoà  
2104. Tuy bề phóng túng, hào hoa khác người.

Một hôm trót vui chơi quá chén,  
Thượng hoàng về ngự đến triều đường;  
Kịp khi tỉnh giấc quỳnh tương  
2108. Bá quan về hội Thiên-Trường đã lâu.

Vua cả sợ vó câu vội vã,

Ngoài hoàng cung gặp gã tú tài,  
Nhìn ra cũng khách vắng lai

2112. Họ Đoàn, chữ gọi Nhữ-Hải quen tên.

Vua nắm áo kéo lên rong ruổi,  
Mượn viết bài tạ tội biểu văn;  
Ngày đêm nào dám dừng chân

2116. Thiên-Trường kịp hội quần thần may ra.

Nghề nghiên bút tài hoa kẻ sĩ,  
Thượng hoàng toan nghiêm trị Anh Tông,  
Biểu văn xem lại khoan hồng,

2120. Vua thôi, từ đấy sạch không rượu chè (210).

Việc quốc trị, gia tề cũng giỏi,  
Phép nước nghiêm khắp cõi bình yên,  
Đống lương nhiều bậc tôi hiền

2124. Đĩnh-Chi, Trung-Ngạn ... danh truyền sử xanh (211).

Lại kể những tinh anh thuở trước,  
Nay mái đầu đã bạc gió sương,  
Trước là danh tướng Chương-Dương (212),

2128. Sau là Hưng-Đạo Đại-Vương lánh trần (213).

Đất nước phải mấy lần giặc giã,  
Quân Lào sang quấy phá Nghệ, Thanh  
Vua từng mấy trận thân chinh

2132. Sau Phạm Ngũ Lão xuất binh tiêu trừ.

\* Mối duyên Chiêm-Việt:  
Việc gả Huyền-Trân công chúa.

Năm Tân-Sửu (dl.1301) vân du Chiêm quốc,  
Vua Nhân Tông dạo bước Đờ-Bàn,  
Gặp người quân trưởng Chế Mân,

2136. Thượng hoàng hứa gả Huyền-Trân cho chàng.

Mây ngàn dặm thêu trang tình sử,  
Khói biên thủy dệt chữ thủy chung,  
Thuyền quyên sánh khách anh hùng

2140. Ngàn năm cây quế giữa rừng còn reo! (214)

Sứ Chiêm đến Trần triều nạp lễ,

Lại dâng thêm Ô, Lý hai châu.

Bể bàng thay cuộc nông sâu,

2144. Kẻ trông ngàn dặm, người đau tấc lòng. (215)

Năm Bính Ngọ (dl.1306) Thăng-Long cử sứ

Đưa Huyền-Trân công chúa lên đường;

Hai châu Ô, Lý biên cương

2148. Đối thành Thuận, Hoá rộng phương nam thùy.

Đoàn Nhữ Hải vừa khi trấn nhậm,

Việc trị bình còn lắm đa đoan,

Bỗng thì tin dữ bay sang

2152. Người kia mà khách đông sàng (216) còn đâu.

Tục hoả táng thay câu hương lửa,

Các hậu, phi, ngự nữ đốt theo;

Thương thay một đoá thuy kiều

2156. Chưa say chén ngọc đã thiêu gan vàng!

Vua Anh Tông bàng hoàng thương sót

Sai Khắc-Chung lập chước tháo thân;

Ngựa hồng vượt lối Hải-Vân

2160. Viếng tang mà đón Huyền-Trân trở về.

Duyên kia đã lỗi bề tơ tóc,

Đất nọ thì ngang dọc còn đâu;

Dân Hời ngơ ngẩn nhìn nhau,

2164. Quân Chiêm tức giận hai châu tràn vào.

Binh Đại-Việt gươm đao tiến xuống,

Anh Tông cùng chư tướng điều quân,

Trần Khánh-Dư với Quốc-Chân

2168. Vượt châu Ô, Lý đã gần Chiêm kinh.

Bắt Chế Chí, an bình Chiêm quốc

Cử A-Bà trị nước thay anh;

Hùm kia thất thế cũng đành

2172. Nam sơn gọi lại, Bắc thành lưu vong! (217)

Trần Minh Tông (1314 - 1329)

\*Nhà Trần suy thoái, ngừng tiến hoá, hại trung thần.

Năm Mậu-Thân (DL.1308) Nhân Tông viên tịch,  
Yên-Tử sơn tịch mịch bóng dương;  
Sáu năm nước thịnh dân cường

2176. Anh Tông về phủ Thiên Trường nghỉ ngơi.

Thái tử Mạnh lên ngôi nối nghiệp  
Mười lăm năm lo việc quốc gia,  
Dân còn yên cuộc thái hoà,

2180. Tiếc thay hùng khí Đông-A nào còn.

Cuộc phát triển cạn nguồn tiến hoá  
Tuy triều đình dòng dã canh tân,  
Nếp nhà bỏ tục văn thân,

2184. Sửa sang luật lệ, giản phần kiện thưa.

Riêng Chiêm quốc vẫn chưa nguôi hận,  
Lại tràn sang xâm lấn biên thuỳ;  
Việt quân theo ngọn tướng kỳ

2188. Quốc-Chân, Ngũ-Lão trùng vi đánh vào.

Vua Chiêm bại, bôn lưu trốn chạy,  
Chờ thời cơ lại dấy đao binh.  
Quốc-Chân rong ruổi về kinh,

2192. Nào ngờ họa đã bên mình đâu xa.

Nguyên lão tướng, sinh ra hoàng hậu,  
Vốn hai triều phen dậu quốc gia;  
Thói đời ghét buộc, ưa tha,

2196. Càng cao danh vọng, càng già tị ganh.

Bởi hoàng hậu chậm sanh nam tử  
Phe Khắc-Chung tiến cử hoàng nhi  
Vốn là con của thứ phi (218)

2200. Lên ngôi thái-tử nối bề hậu lai.

Chờ hoàng hậu hoài thai, viện lễ,  
Phe Quốc-Chân xin để ít lâu.  
Khắc-Chung đã rắp mưu sâu,

2204. Trăm vàng mua chuộc kẻ hầu cáo gian.

Trần Nhạc tố chủ nhân phản nghịch  
Âm mưu đưa thân thích vào cung;  
Minh Tông lòng những hải hùng

**2208. Ngắm câu thả hổ về rừng mà ghê!**

Chùa Tư-Phúc bốn bề kiên cố,  
Cửa từ bi lấp ngõ thân riêng,  
Chập chờn khói ám hương nghiêng,

**2212. Mổ chuông rộn tiếng xích xiềng lạnh khua!**

Đau đớn cảnh cha từ oan khuất,  
Hoàng hậu thăm ngục thất cửa Không,  
Áo bào giấu vạt nước trong,

**2216. Thảm thay lão tướng uống xong lia đời!**

Quốc Chân đã ngậm cười chín tuổi,  
Mãi về sau chuyện mới vỡ ra,  
Ghen tuông cả lẽ chẳng qua

**2220. Vợ chồng Trần Nhạc mới là tố nhau.**

Trần Hiến Tông ( 1329 -1341)

\*Ngưu-Hống nổi loạn, giặc Lào quấy nhiễu.

Thời gian tựa vó câu qua cửa,  
Mười lăm mùa sen rổ thu sang,  
Minh Tông về phủ Thượng-hoàng,

**2224. Thái-tử Vượng nối ngai vàng Thăng-Long.**

Hiến Tông tuổi hầy còn niên thiếu,  
Việc chính triều lo liệu vua cha.  
Mấy năm loạn lạc nước nhà,

**2228. Vừa yên giặc Hống lại qua giặc Lào.**

Ngưu-Hống dựa núi cao bản Thượng,  
Trại Chiêm-Chiêu đánh xuống sông Đà.  
Thượng-hoàng thân dẫn quân ra,

**2232. Dâng thư, Ngưu cử người qua trá hàng.**

Quân Thanh-hoá tiến sang vùng địch,  
Lọt vào vòng phục kích hại to.  
Đại quân từ nẻo kinh đô

**2236. Đưa lên đánh mạn sông Đà mới yên.**

Giặc tuy yên, lâm tuyền còn giữ,  
Trại Trịnh-Kỳ lúc thủ khi công.

**Đến năm Đinh Sửu (dl.1337) Hiếu Vương (219)**

**2240. Chém người Tù trưởng Bắc phương mới bình.**

**Khi Ngưu-Hống khởi binh mạn Bắc  
Quân Lào thường nổi giặc phía Tây,  
Mịt mù Thanh, Nghệ khói bay,**

**2244. Minh Tông tuyển tướng chọn ngày xuất chinh.**

**Nguyễn Trung-Ngạn đồn binh Thanh-Hoá,  
Lo vận lương, phong toả địa hình;  
Thượng-hoàng thống lĩnh đại binh,**

**2248. Kiềm-Châu (220) quân giặc tan tành tháo lui.**

**Bia đầu núi khắc lời oanh liệt (221),  
Đá lưng đèo nhật nguyệt khoe cao!  
Vua đi thì giặc lại vào,**

**2252. Họa kia biết tới ngày nào mới tan.**

**Đoàn Nhữ Hải, Nghệ-An Kinh-lược  
Được cử làm Đô-đốc Chư-quân.  
Vốn dòng kinh sử xuất thân,**

**2256. Dọc ngang rõ mặt, xa gần mến danh.**

**Đoàn xuất quân Nghệ Thanh ôn tập,  
Vào Tiết-La thuộc ấp Nam-Nhung (222).  
Thương thay vận khứ anh hùng,**

**2260. Cũng vì khinh địch đường cùng nào hay!**

**Dòng Tiết-La phủ dày sương khói,  
Quân Thăng-Long ngựa mồi gối mòn,  
Ngập ngừng một giải con con,**

**2264. Bất thần giặc đã ùn ùn bổ vây.**

**Đoàn Nhữ-Hải trở tay không kịp,  
Dòng Tiết-La quân Việt chôn thân.  
Giặc Lào quen thói xưa nay**

**2268. Tràn lên cướp phá mới quay trở về.**

**Mây vạn dặm lê thê đỉnh núi,  
Nước muôn trùng khe suối trong veo,  
Hoang tàn vượn hú chim kêu,**

**2272. Trăm năm bia nhật đá xiêu còn gì!**



**Trần Dụ Tông (1341 - 1369)**

**\*Nhà Trần suy tàn; thua Chiêm, rối loạn cung đình.**

Vừa mấy độ thu đi đông lại,  
Đã xuân tàn héo dải nắng hanh,  
Hiển Tông từ kiếp phù sinh (223),

**2276. Dụ Tông - Trần Hạo thay anh trị vì.**

Phường mũ áo thôi thì gặp lúc,  
Kẻ hạ lưu có phúc cũng nên;  
Triều đình bày cuộc đảo điên,

**2280. Vua tôi hoan lạc bon chen một tuồng,**

Trên xã tắc còn không chẳng thiết,  
Dưới dân lành rên xiết nào hay,  
Cuộc cờ, canh bạc mê say,

**2284. Triều cung hoang loạn thế này thì thôi!**

Nghề hát bội tới thời thịnh đạt  
Tử tôn nhà Nguyên-Cát vẻ vang (224);  
Nhà giàu, chiếu bạc chung sàng,

**2288. Công danh, hai trật trăm thăng đua tài! (225)**

Bọn hầu cận ra oai chiếm đất,  
Kẻ quan trên mới cật bon chen;  
Dân cùng uất ức nổi lên,

**2292. Kìa như Ngô-Bệ ở miền Hải-dương.**

Năm Đại-Trị (dl.1358) thượng-hoàng khuất núi,  
Các lương thần tiếp nối ra đi;  
Trong triều ngoài cõi suy vi,

**2296. Quan thì một nước, lại thì sâu dân.**

Riêng có bậc chính nhân triều trước,  
Vốn toan vì vận nước trừ gian,  
Họ Chu, tên gọi Văn An,

**2300. Sớ dâng xin chém bảy quan đại thần (226).**

Lời chính khí bàn quân vô đạo  
Khéo nghịch duyên đàn đạo tai trâu!

**Non xanh hẹn với bạc đầu**

**2304. Cúc tùng, phong nguyệt vui câu thanh bần (227).**

**\* Việc bang giao với phương Bắc:**

**Nay lại nói phương lân Bắc thổ,  
Lúc Trần tàn, Nguyên đã phai hương;  
Có người tên gọi Nguyên-Chương**

**2308. Từ-Châu khởi nghĩa, Kim-Lăng tiến vào.**

**Mười lăm năm gian lao phục quốc  
Chu Nguyên-Chương giành được sơn hà,  
Lập nhà Minh ở Trung-Hoa,**

**2312. Bắc triều niên lịch chép là Mậu-Thân (dl.1368).**

**Minh Thái Tổ xuất thân chinh chiến,  
Tuy nhiên còn lo chuyện tề gia,  
Cho nên vó ngựa Trường-Sa**

**2316. Chứa xâm phạm tới cõi bờ Thăng-Long.**

**Sứ phương Bắc ruổi rong xuống dụ,  
Quan triều Nam áo mũ lên mừng;  
Gọi là cống vật minh trưng,**

**2320. Tránh loài lang sói vấy vùng một khi.**

**\* Việc động binh với Chiêm Thành.**

**Dời cõi Bắc quay về Chiêm Quốc;  
Chế A-Nam bạc phước lia trần,  
Con trai, con rể tranh phần,**

**2324. Triều cung hỗn loạn, quần thần láo lơ!**

**Chế Mộ qua kinh đô Đại-Việt  
Xin giúp quân tiêu diệt Bồ-Đề;  
Quan quân gươm giáo sáng lòe,**

**2328. Lệnh vua, đưa họ Chế về Chiêm kinh.**

**Binh Đại-Việt vào ranh Cổ-Lũy (228)  
Gặp Bồ-Đề bộ, kỵ tràn ra;  
Than ôi! hùng khí Đông-A**

**2332. Đành chôn dưới ngọn tháp ngà không tên.**

Chế Mộ nuốt ưu phiền mà chết,  
Giải biên thù Chiêm-Việt khói bay;  
Đồ-Bàn sóng dậy từ đây

2336. Mười ba năm lẻ mấy ngày bình yên (229).

Chiếu Thăng-Long lệnh truyền chinh phạt  
Cõi Nam thuỳ gió cát tuôn mây;  
Tử-Bình men rặng núi Tây,

2340. Thế-Hưng thẳng lối chim bay tiến vào.

Miền Chiêm-Động (230) gió gào lửa hận  
Quân Đồ-Bàn say trận tràn lên,  
Bãi hoang, đồi núi, lâm tuyền,

2344. Rợn nghe tiếng hú oan khiên vọng về.

Quân Chiêm-Thành bốn bề vây chặt,  
Trần Thế-Hưng vỡ mặt sa cơ;  
Hậu quân trở giáo cuốn cờ,

2348. Đỗ Tử-Bình kéo quân thua chạy về.

\* Việc Dương Nhật-Lễ lên nối ngôi (1369 -1370)

Quân thế đã muôn bề bạc nhược,  
Dân tình càng sa sút héo hon,  
Vua thì mãi giấc Vu-Sơn

2352. Hại thay thác xuống không con nối dòng.

Cung Định Vương cũng trong huynh đệ (231)  
Được triều đình cử thế Dụ Tông;  
Huệ-Tử Thái-hậu bất đồng

2356. Lập Dương Nhật-Lễ khác dòng lên ngôi.

Nhật-Lễ vốn con người kếp hát  
Tên Dương-Khương lưu lạc kinh kỳ;  
Vợ thời cũng kẻ ca nhi,

2360. Mặt hoa da phấn, dung nghi diễm kiều.

Cung Túc Vương mến yêu nhan sắc  
Đem về cung hoan lạc vui vầy;  
Ông kia trước đã đậu đài (232)

2364. Kết nành Nhật-Lễ xinh trai, tốt lời.

Dụ Tông mất, không người thừa kế

Di chiếu cho Nhật-Lễ nối ngôi;  
Huệ-Từ cũng khéo nức cười,  
2368. Bỏ dòng tôn thất lập người tha phương!

Cuộc hi hữu hí trường chưa hết,  
Nhật-Lễ lên Đại-Việt Quốc-vương  
Bèn toan đổi lại họ Dương,  
2372. Giết ngay Thái-hậu, Tĩnh-Vương họ Trần.

Các Cung Vương xa gần tạm lánh  
Đem quân về vây đánh hoàng cung,  
Diệt xong được đưa gian hùng,  
2376. Mẹ thời lẩn trốn sang vùng Chiêm kinh.

Chiêm vương rõ tình hình Đại-Việt  
Bèn quyết sang tiêu diệt Thăng-Long!  
Bấy giờ triều đã định xong  
2380. Cung Định Vương, Phủ, nối dòng lên ngôi.

Trần Nghệ Tông (1370 -1372)

\* Giặc Chiêm-Thành: Chế Bồng Nga đốt phá Thăng-Long.

Nghệ Tông vốn tính người nhu nhược  
Việc tề gia, trị quốc chẳng nên;  
Triều đình chưa hết rối ren,  
2384. Cối trong giặc đã kéo lên biên thù.

Lúc ấy người trị vì Chiêm quốc,  
Chế Bồng-Nga, dũng lược kiêm toàn;  
Vấn dài một mảnh giang san,  
2388. Thót voi chưa thỏa dọc ngang vẫy vùng.

Nuôi chí lớn kiếm cung dựng nghiệp,  
Gan anh hùng sống chết coi khinh;  
Rèn quân đợi lúc chiến chinh,  
2392. Luyện voi dàn trận tượng binh lạ thường (233).

Chế Bồng-Nga tỏ tường tình thế,  
Bèn đem quân qua bể Đại-An (234);  
Chiến thuyền vượt giải Hoàng-giang  
2396. Vào Thăng-Long tựa đất hoang không người.

Quân Đại-Việt rụng rời tháo chạy,  
Giặc Chiêm-Thành đốt cháy kinh đô,  
Phá cung vét sạch báu kho,

2400. Bắt người, cướp của đem về Chiêm kinh.

Vua Nghệ Tông bỏ thành lánh nạn,  
Chạy về làng Đông-Ngạn (235) nương thân!  
Trách gì bạc bẽo là dân,

2404. Bỏ dân ngôi báu nhà Trần lung lay.

Chuyện thời thế xưa nay vẫn thế,  
Cuộc cờ tàn tốt thí sang sông,  
Ngựa què, pháo liệt, xe cùng,

2408. Cao cờ ai biết anh hùng là ai.

Bởi ngôi báu đến ngày đổi chủ  
Khiến xui nên nước nhỏ khinh khi;  
Bấy giờ triều chính suy vi,

2412. Nhân tài riêng có Quý-Ly (236) lấy lừng.

Trần Duệ Tông (1372-1377)  
Đánh Chiêm-Thành tử trận.

Năm Nhâm-Tí (dl.1372) Nghệ Tông từ chính,  
Truyền em là Trần Kính lên thay.  
Bệ rồng gươm đã trao tay,

2416. Lệnh vua ban xuống chờ ngày xuất binh.

Chiêm quen thói lấn ranh quấy nhiễu,  
Nghe Duệ Tông hạ chiếu Nam chinh,  
Chế Bồng Nga cũng thất kinh

2420. Tức thời huy động dân binh đắp thành.

Lệnh vua ta từ Thanh đến Nghệ  
Dân đắp đường, quân vệ biên cương,  
Khắp nơi chuẩn bị chiến trường,

2424. Tả vào năm vạn thạch lương dự phòng.

Điều tướng sĩ, Duệ Tông sắc cử  
Lê Quý-Ly Quân-sự Tham-mưu,  
Tiền quân Đỗ-Lễ cầm đầu,

2428. Tử-Bình Trấn-thủ Hoá-Châu, hậu cần.

Chiêm nghe tiếng Việt quân lừng lẫy  
Sai sứ đem mười mấy mâm vàng,  
Đến dinh Trấn-thủ đưa sang,

2432. Nhờ lời chuyển lễ phiên bang cống triều.

Đỗ Tử-Bình của nhiều tối mắt,  
Dâng sớ về thêm thất nguồn cơn,  
Đổ dầu chữa lửa, ra ơn,

2436. Gian thần định cuộc vong tồn từ đây.

Quân Đại Việt đêm ngày hăm hở,  
Tải binh lương qua cửa Di-Luân (237);  
Hơn mười hai vạn tinh quân

2440. Tiến vào Nhật-Lệ (238) dừng chân tập thuyền.

Xuân Đinh-Tý (dl.1377) lệnh truyền tiến phát,  
Đại quân sang chinh phạt Chiêm triều,  
Qua Thị-Nại (239), phá Thạch-Kiều (240),

2444. Vượt Kỳ-Mang động hoá thiêu lũy đồn.

Đại quân trước Đồ-Bàn dàn trận,  
Chế Bồng Nga biết phận xin hàng;  
Mặc lời Đỗ-Lễ khuyên can,

2448. Duệ Tông quyết ngự ngai vàng Chiêm Vương.

Vua ta cậy binh cường thế mạnh,  
Tiến quân vào chiếm lãnh Chiêm kinh,  
Than ôi trúng kế không thành

2452. Đại quân phút đã tan tành ra tro!

Đỗ Tử-Bình cuốn cờ bỏ chạy,  
Lê Quý-Ly túng phải rút theo;  
Thương thay mấy vạn binh triều

2456. Vua tôi gục giữa lửa thiêu chập chùng.

Trần Phế Đế (1377-1388)

Duệ Tông mất triều cung tùy tiện  
Lập con là Đế Hiển lên ngôi (241);  
Nổi nhà việc nước bời bời,

2460. Triều đình nhớn nhác đứng ngồi không yên.

Dân tình đã triền miên thống khổ,

Sĩ khí càng lấp ló thảm thê,  
Vua quan khi tỉnh lúc mê,  
2464. Chôn vàng giấu xuống Kiện-Khê, Nam Hà.

Việc bờ cõi binh gia chiến trận  
Mượn đám tăng Đại-Nạn Thiên-sư;  
Thóc kho cạn đã mấy mùa,  
2468. Ba quan tiền thuế tận thu đầu người (242).

Lớp sĩ tử chưa thôi mài miết  
Đua đòi theo cử nghiệp từ chương,  
Vinh thân ôm cái mộng thường,  
2472. Mắt ngơ nào thấy quê hương chết mòn.

Trên triều Bắc ngó dòm gậy chuyện,  
Hết đòi lương cấp viện Vân-Nam,  
Lại đòi đưa đến Kim-Lăng  
2476. Mấy mươi học sĩ nhân tăng nước nhà.

Dưới Chiêm quốc lẩn qua sinh sự;  
Được tin ta án ngữ Đại-An,  
Thần -phù (243) quân giặc tràn sang,  
2480. Vào Thăng-Long tựa thác ngàn cuốn phẳng.

Năm Mậu-Ngọ (dl.1378) thành Thăng lại vỡ,  
Quân Chiêm theo đường bộ Nghệ-An,  
Chiến thuyền ngược Đại Hoàng giang,  
2484. Tiến lên đốt phá tan hoang kinh thành.

Năm Canh-Thân (dl.1380) Nghệ, Thanh cấp báo,  
Lê Quý-Ly thủy đạo chuyển binh,  
Hợp quân cùng Đỗ Tử-Bình  
2488. Đánh tan giặc ở Ngu-giang (244) sông nhà.

Năm Nhâm-Tuất giặc ra Thanh-Hóa,  
Đại quân ta chặn ngả Thần-Đầu (245),  
Tấn công các mặt trước sau,  
2492. Quân Chiêm bại trận kéo nhau rút về.

Trông quân thế có bề đã mạnh,  
Quý-Ly bèn tiến đánh phương Nam,  
Chiến thuyền đến cửa Nương-Loan (246)  
2496. Hại thay gặp bão đắm tan cũng nhiều.

Ra quân đã lắm điều trặc trở,  
Giữ nước càng gian khổ đắng cay;  
Giặc Chiêm lại vượt Nam nhai,

2500. Theo đường núi đến Quốc-Oai đóng đồn.

Trấn thủ ta Mật-Ôn bị bắt,  
Đoạt Tam-Kỳ quân giặc vây kinh;  
Vua tôi lên Bắc lánh mình,

2504. Giao Đa-Phương trấn giữ thành Thăng-Long!

\* Việc thanh trừng trong cung cấm.

Ngoài chưa yên giặc trong dã dấy,  
Trò biển dâu siết mấy cho vừa;  
Đồn rằng năm ấy sao tua,

2508. Mậu-Thìn (dl.1388) ấy hạn thí vua hại thần.

Bởi vận số nhà Trần đã kiệt,  
Khiến xui điều oan nghiệt tai ương;  
Người khôn phò kẻ trí thường,

2512. Kinh nghệ khép phận trách lờn dễ gì.

Đế-Hiển thấy cơ nguy cảnh giác,  
Mưu cùng Trần Thúc-Ngạc biểu huynh (247),  
Dăm mươi văn võ triều đình,

2516. Mật bàn tính chuyện kết minh thanh trừng.

Vương Nhữ-Mai ngoài cung tiết lộ,  
Lê Quý-Ly kinh sợ tính đường;  
Tướng quân là Nguyễn Đa Phương

2520. Khuyên Ly tạm lánh vào vùng Đại-Lai (248).

Phạm Cự Luận ghé tai bàn kế,  
Ly cả mừng gọn ghẽ tư trang,  
Vào cung mật tấu thượng-hoàng

2524. Phế vua lập Chiêu-Định Ngang nối dòng (249).

Nghệ Tông vốn cạn lòng nhẹ dạ,  
Chưa phân suy thật giả, gian trung,  
Triệu ngay Đế-Hiển vào cung,

2528. Truyền giam ở chốn lao lung Phật đường (250).



Bọn Nguyễn Khoái, Lưu Thường, Lê Lạc...

Đuổi quân theo cướp đoạt tù xa,  
Hầm hầm vó ngựa xông ra,

2532. Kiếm thì ngoài vỏ, cung đà sẵn giương.

Đau sót cảnh máu xương tranh chấp,  
Phế Đế truyền giải giáp lui binh;  
Đem thân vào chốn tử sinh

2536. Ôi thôi vua cũng giáo hình khác chi! (251)

Đế-Hiến bị Quý-Ly sát hại,  
Bọn công thần biên ải đầy đi,  
Đồng mưu tông thất thân chi

2540. Sang cường Chiêm mượn quân uy nước ngoài.

Dòng Hoàng thủy chia hai chiến tuyến,  
Hai quân Trần đối diện giao binh  
Máu đào đục sóng thủy tinh

2544. Bờ hoang lộng tiếng oan linh hét gào.

Trần Khát-Chân binh trào thẳng thế,  
Trần Thiểm-Bình (252) tủng kế cao bay;  
Hoàng-giang một giải vơi đầy,

2548. Năm mờ vô định chôn thây cũng nhiều!

Riêng còn có đương triều Thái-úy,  
Trang-Định Vương, xử lý khó thay;  
Quý-Ly quý kế sẵn bày

2552. Đưa lời thương nghị định ngày nối ngôi.

Trần Thúc-Ngạc kiếm lời thoái thác,  
Lại lánh mình ra hạt Vạn-Ninh;  
Quý-Ly giữa chốn triều đình

2556. Tàu xin triệu Ngạc về kinh xum vầy.

Lại sai tướng ra tay cường khấu,  
Giết người rồi man tấu về kinh.  
Tội oan chống mạng triều đình,

2560. Thương thay Trang-Định giáng thành Man-Vương!

Trần Thuận Tông (1388-1398)

\* Việc đánh dẹp nội loạn.

\* Chế Bồng Nga tử trận.

Phế Đế mất, đồng lương sa sút,  
Nghệ Tông cho con út lên ngôi;  
Thuận Tông đã mất lòng người,

2564. Anh hùng hào kiệt khắp nơi tung hoành.

Vùng Thanh-Hoá Nguyễn-Thành ngang dọc,  
Tiếm xưng là Linh-Đức Đại-Vương;  
Nguyễn-Ky, Nông-Cống quật cường,

2568. Lâu dài tính việc tích lương xây đồn.

Lại thêm Phạm Sư-Ôn lừng lẫy  
Phủ Quốc-Oai khởi dấy phong ba,  
Chiến bào thay áo cà-sa,

2572. Hiểm nguy chiến trận vào ra coi thường.

Năm Kỷ-Tị (dl.1389) tiếm xưng Hoàng-đế,  
Sư chia quân ba Vệ vây kinh ;  
Nguyễn Mại cùng Nguyễn Khả Hành (253) ,

2576. Hồ binh hai vạn nhập thành Thăng-Long.

Sư-Ôn chiếm hoàng cung ba bữa  
Lại lui về chiếm giữ Nộn-Châu (254);  
Bấy giờ hai mặt đương đầu,

2580. Hoàng-giang Chiêm sắp tiến vào kinh đô.

...Nhắc lại lúc Chiêm vô Thanh-Hóa,  
Quân Quý-Ly thiết toả ngăn sông.  
Giặc Chiêm trá bại tẩu vong,

2584. Quân triều đuổi đánh lọt vòng phục binh.

Thủy đội ta tan tành triệt thoái,  
Ly thoát thân, bỏ lại chiến tràng;  
Giả dàn trận bến Ngu-giang,

2588. Nguyễn Đa-Phương cũng vội vàng tháo lui.

Qua tháng một tiết trời lạnh giá,  
Chế Bồng-Nga đánh phá Hoàng-giang.  
Thuận Tông tiến tướng lên đàng

2592. Vua tôi giữa chốn giáo tràng rừng rưng!

Trần Khát-Chân vào vùng lửa khói  
Tìm không ra địa lợi đóng quân,

Hải-Triều (255) mới tạm dừng chân,  
2596. Cồn hoang dựng trại liều thân cản thù.

Dòng Hoàng thủy mịt mù khói toả,  
Ngọn triều dâng sóng cả mênh mông;  
Đang cùng La-Khải giao phong,  
2600. Tướng Hoàng Phụng-Thế khơi sông kéo về (256).

Qua Miệt-giang men đê sông Hát,  
Ngược thủy lưu tới hạt Quốc-Oai,  
Quan quân bắt chợt bao vây  
2604. Bắt Sư-Ôn xử chém ngay trận tiền.

...Hoàng-giang, trở lại miền sóng gió,  
Đại quân Trần cố thủ liều thân.  
Trùng trùng thuyền chiến Chiêm quân,  
2608. Chế Bồng-Nga đã đích thân tiến vào.

Phòng tuyến Việt xô xao rúng động,  
Chiến thuyền Chiêm chém sóng xông lên,  
Ầm ầm trống thét đạn xuyên,  
2612. Khói tuôn đầy đặc một miền duyên giang.

Tướng sĩ ta hoang mang bất nhất  
Bỗng hàng binh tin mật dâng lên;  
Thì ra tội phạm có tên  
2616. Trốn từ tuyến giặc sang bên trại Trần.

Trần Khát Chân truyền quân lập tức  
Tập trung toàn hoả lực tấn công,  
Nhắm vào soái hạm giữa sông;  
2620. Vỡ thuyền soái, họ Chế Bồng tan thân.

Quân tràn tới cắt ngay thủ cấp,  
Chiến thuyền Chiêm thu xác tháo lui;  
Việt quân thừa thắng chưa thôi;  
2624. Tướng Chiêm La-Khải vượt khơi chạy về (257).

\* Cuộc đảo chánh của Hồ Quý-Ly.

Trái cung khuyết mấy kỳ còn mất,  
Thượng-hoàng năm Giáp-Tuất (dl.1394) lìa đời,

Trước khi nhắm mắt sai người

2628. Vẽ tranh Tứ Phụ thác lời trời trần (258).

Cuộc thế sự xoay vần cũng khéo,

Ván cờ tàn tướng chiếu, sĩ lên.

Ai ngờ tốt đã rình bên,

2632. Ngựa xe cũng vứt, tốt biên ích gì.

Năm Đinh-Sửu (dl.1397) Quý-Ly khởi mống,

Xây Tây-Đô ở động Yên-Tôn,

Mở mang miếu xã, phố phường,

2636. Đắp thành chuẩn bị chiến trường một khi.

Lại mượn kẻ vô vi đạo hạnh

Khuyên Thuận Tông xa lánh mùi trần,

Ngọc-Thanh-Quan tạm dung thân,

2640. Tu hành nên bậc chân nhân xuất phàm.

Thuận Tông vốn đã nhàm thế sự,

Ban chiếu truyền thái tử nối ngôi.

Ấu hoàng mới độ thôi nô (259),

2644. Quyền thần nhiếp chính ai ngoài Thái-sư.

Ngày khuyết nhật, tháng Tư, Kỷ-Mão (dl.1399)

Ly sai phường ửng chào giết vua (260);

Nguyên quân biết phận sống thừa

2648. Uống xong độc dược vẫn chưa lìa trần.

Viên Xạ-ky Tướng quân Khả-Vĩnh

Dâng lụa đào thừa lệnh Quý-Ly,

Bấy giờ vua mới ra đi,

2652. Ngai vàng ấu đế thôi thì cũng xong (261).

Mây trắng phủ Thăng-Long thành cũ,

Vàng ác tà lấp ló non tây,

Trăm năm nát với cỏ cây,

2656. Ngàn trầm đường có hương bay ít nhiều.

#### Chú thích:

(1) Họ Khúc: ông Khúc Thừa Dụ quê ở Hồng-châu (thuộc địa hạt Ninh-giang, tỉnh Hải-dương). Nhân cơ hội nhà Đường bên Tàu suy sụp ông nổi lên chiếm lại Giao-châu (dl.906). Đường dùng chính sách mềm

dẻo, cử ông làm Tiết Độ Sứ thay Tăng Cổn đã chạy trốn về Tàu, sau gia phong Đồng-bình chương sự. Nhà Đường mất ngôi năm 907, kế tiếp là đời Ngũ-Quý (Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu) kéo dài hơn nửa thế kỷ. Ông Khúc Thừa Dụ ở địa vị chưa được một năm thì qua đời, Khúc Hạo lên thay cha, là nhà chính trị có tài. Ông Khúc Hạo mất, con là Khúc Thừa Mỹ kế nghiệp. Năm 923, Nam Hán đem quân sang đánh, Khúc Thừa Mỹ thua, Giao Châu lại bị xâm chiếm.

(2) Họ Dương: ông Dương Diên Nghệ, người quận Cửu-chân, là tướng trấn thủ Ái-châu về thời họ Khúc. Năm 931 ông khởi binh đánh quân Nam Hán. Sau khi đuổi được bọn Lý Khắc Chính và Lý Tiến về Tàu, ông tự đứng lên làm Tiết Độ Sứ, nối tiếp sự nghiệp dựng nền độc lập.

(3) Nam Hán: Lưu Cung, thay thế anh là Lưu Ẩn (Lưu An) làm Tiết Độ Sứ ở Quảng Châu thuộc nhà Hậu Lương bên Tàu, vì bất mãn với triều Hậu Lương nên tuyên bố độc lập. Họ Lưu xưng đế, lấy quốc hiệu là Đại Việt, sau lại đổi là Nam Hán (dl.947).

(4) Bạch Đằng Giang: con sông có sóng bạc đầu; bắt nguồn từ sông Gia, chảy từ khu vực Phả Lại, thuộc tỉnh Hải Dương ra cửa biển Nam Triệu (xem thêm chú thích 156, Quyển 1). Sông Bạch Đằng là con sông đã ghi nhiều chiến tích lừng lẫy trong chiến sử của dân tộc Việt Nam.

(5) Bậc danh tướng: ông Ngô Quyền, người làng Đường-Lâm, tỉnh Sơn-Tây (cùng quê với ông Phùng Hưng, tức Bồ-Cái Đại-Vương thời trước). Ông là tướng và cũng là con rể của Dương Diên Nghệ. Vốn là bậc trí dũng kiêm toàn, ông được cử ra trấn thủ đất Ái-châu, là vùng hiểm yếu. Khi Dương Diên Nghệ bị kẻ nha tướng là Kiều Công Tiện mưu giết để cướp quyền, ông mang quân về đánh. Kiều Công Tiện thua chạy, sai người sang Tàu cầu cứu nhà Nam Hán, do đó mới gây nên cái cớ cho Nam Hán mang đại binh sang xâm lăng nước ta. Nhưng trước khi quân Nam Hán vào đến địa phận nước nhà thì Ngô Quyền đã thanh toán xong Kiều Công Tiện. Ông thống lãnh binh thuyền, dùng mưu lược đánh tan quân Nam Hán ở cửa sông Bạch Đằng. Đây là trận thủy chiến oanh liệt đầu tiên của dân tộc Việt Nam.

(6) Lập quốc hiến chương: bản hiến chương lập quốc của nước ta, được viết vắn vẹn bằng hai chữ "văn hiến".

Tuy đây chỉ là cách diễn đạt của người đời sau để nói về ý chí tự chủ và ý niệm văn hoá chính trị của người xưa, vì thật ra không có bản văn nào gọi là bản Hiến chương được để lại từ thời lập quốc, cũng như có lẽ chưa có chữ "văn hiến" từ đời Hồng Bàng; nhưng trong bài Bình Ngô Đại Cáo, một trong những bản thiên cổ hùng văn của nước nhà do đức Nguyễn Trãi đời Hậu Lê viết, đã có lời xác minh:

Như ngã Đại Việt chi quốc

Thực thi văn hiến chi bang...

Cụ Bùi Kỳ dịch là:

Như nước Việt ta từ trước

Vốn xưng văn hiến đã lâu...

Nếu theo đúng ý nghĩa ấy thì nước Việt ta nên được gọi là nước Việt-Nam Văn-Hiến mới thể hiện được cái ý hướng cao cả của người xưa, và cũng vạch được con đường sinh tồn vừa nhân bản, vừa tiến bộ cho muôn đời sau. Người đời sau thường dùng chữ "Tinh thần văn hiến" để chỉ, một cách mơ hồ, ý thức văn hoá chính trị có kỷ cương và có hàm chứa đạo làm người. Cụ thể hơn, văn học và lịch sử nước ta lại thường nhắc nhở tới "nền văn hiến", ở đấy những ý niệm về nguồn gốc trong truyền thuyết, những triết lý và tư tưởng nguyên thủy về cuộc sinh tồn trong văn hoá dân gian, đã được hoà trộn với tinh hoa của các nền văn hoá ngoại lai luân lưu qua các thời đại, để kết lại cùng với những thành tích dựng nước và giữ nước, thành một nền tảng vững chắc làm căn bản phát triển dân sinh tốt đẹp cho dân tộc. Có thể nói "văn hiến" là một ý niệm sinh động về văn minh nhân bản của chung loài người, nhưng "nền văn hiến" là

một ý niệm đặc thù, thể hiện ý chí sinh tồn có ý thức và cũng thể hiện nền văn minh nhân bản đã được bồi đắp từ lâu đời của dân tộc Việt ta.

(7) Đức Ngô Quyền, sử gọi là Tiền Ngô Vương, đóng đô ở Cổ-Loa là kinh đô cũ xây từ đời vua Thục An-Dương-Vương. Thành Cổ-Loa xưa hình xoáy tròn ốc, hiện nay còn di tích ở huyện Đông-Anh, tỉnh Phúc-Yên. Người Đường gọi là thành Côn-Luân.

(8) Dương Tam Kha là con Dương Diên Nghệ và cũng là em vợ Ngô Quyền. Ông tự lên ngôi xưng hiệu là Bình-Vương, làm vua được 5 năm (945-950).

(9) Ngô Xương Ngập bỏ trốn sang Nam-Sách (Hải Dương), bị Dương Tam Kha sai người đuổi bắt để trừ hậu hoạn, may được Phạm Lệnh Công giúp đỡ giấu trong vùng núi.

(10) Ngô Xương Văn là em Xương Ngập, lúc nhỏ được Dương Tam Kha nuôi làm con nuôi.

(11) Ngô Xương Văn cùng các tướng Dương Cát Lợi và Đỗ Cảnh Thạc, nhân lúc cầm quân dẹp giặc ở Sơn-Tây, kéo về kinh làm cuộc đảo chánh. Họ Ngô bắt được Dương Tam Kha không nỡ trị tội, chỉ giáng xuống làm Trương-Dương Công, lại cấp cho thái ấp để hưởng lộc. Ngô Xương Văn sai người đi đón anh về cùng chia ngôi vị, sử gọi là Hậu Ngô Vương.

(12) Chu-Thái cầm đầu hai thôn Thái-Bình thuộc Sơn-Tây nổi loạn. Nam Tấn Vương mang quân đi đánh dẹp, vì khinh địch bị trúng tên mà chết. Triều Hậu Ngô Vương kéo dài được 15 năm (950-965).

(13) Sứ quân Ngô Xương Xí đóng tại làng Bình-Kiều (phủ Khoái-Châu, tỉnh Hưng-Yên).

(14) Sứ quân Đỗ Cảnh Thạc đóng tại Đỗ-Động-Giang (huyện Thanh-Oai, tỉnh Hà-Đông).

(15) Sứ quân Trần Lãm, xưng là Trần Minh Công, đóng tại Bồ-Hải-Khẩu (tỉnh Thái-Bình). Sau này Đinh Bộ Lĩnh nương nhờ thế lực của Sứ quân Trần Lãm để lập thành quân lực Hoa-Lư.

(16) Sứ quân Kiều Công Hãn, xưng Kiều Tam Chế, đóng ở Phong-Châu (huyện Bạch-Hạc, tỉnh Vĩnh-Yên).

(17) Sứ quân Nguyễn Khoan, đóng tại Tam-Đái (phủ Vĩnh-Tường, tỉnh Vĩnh-Yên).

(18) Sứ quân Ngô Nhật Khánh, xưng Ngô Lãm Công, đóng tại Đường-Lâm (huyện Phúc-Tho, tỉnh Sơn-Tây). Sau Ngô Nhật Khánh bị bại dưới cờ Hoa-Lư, chạy sang Chiêm-Thành xui vua Chiêm đánh vào đất Việt. Năm Kỷ-Mão (dl.979), cũng là năm Đinh Tiên Hoàng mất, hơn 1000 chiến thuyền Chiêm tiến đến cửa Đại-An (cửa sông Đáy, thuộc hải phận Ninh Bình - Nam Định) thì bị bão đánh chìm. Ngô Nhật Khánh cùng một số quân Chiêm chết thảm.

(19) Sứ quân Lý Khuê, xưng Lý Lãng Công, đóng tại Siêu-Loại (phủ Thuận-Thành, tỉnh Bắc-Ninh).

(20) Sứ quân Nguyễn Thủ Tiệp, xưng Nguyễn Lịnh Công, đóng tại Tiên-Du (tỉnh Bắc-Ninh).

(21) Sứ quân Lữ Dương, xưng Lữ Tá Công, đóng tại Tế-Giang (Vân-Giang, tỉnh Bắc-Ninh).

(22) Sứ quân Nguyễn Siêu, xưng Nguyễn Hữu Công, đóng tại Tây Phù-Liệt (huyện Thanh-Trì, tỉnh Hà-Đông).

(23) Sứ quân Kiều Thuận, xưng Kiều Lịnh Công, đóng tại Hồ-Hồi (huyện Cẩm-Kê, tỉnh Phú-Thọ).

(24) Sứ quân Phạm Bạch Hổ, xưng Phạm Phòng Át, đóng tại Đằng-Châu (tỉnh Hưng-Yên).

(25) Loạn Thập Nhị Sứ Quân kéo dài 22 năm (945-967), kể từ khi Dương Tam Kha tiếm vị đến khi các Sứ quân bị Đinh Bộ Lĩnh dẹp tan.

(26) Động Hoa-Lư thuộc tỉnh Ninh-Bình, xưa thuộc Bộ Giao-Chỉ.

(27) Đinh Bộ Lĩnh là con ông Đinh Công Trứ làm chức Thứ-sử Hoan-Châu dưới thời Dương Diên Nghệ và Ngô Vương Quyền.

(28) Sứ quân Trần Lãm, tức Trần Minh Công, giữ Bồ Hải Khẩu (tỉnh Thái-Bình).

(29) Giao-Châu thất hùng, bảy nhân vật có bản lãnh anh hùng của Giao-Châu thời đó là: 1.Đinh Bộ Lĩnh, 2.Đinh Liễn (con trưởng của Đinh Bộ Lĩnh), 3.Lê Hoàn, 4.Đinh Điền, 5.Nguyễn Bặc, 6.Phạm Hạp, 7.Phạm Cự Lượng.

(30) Thiên Sách Vương và Nam Tấn Vương (Hậu Ngô Vương) đã có lần mang binh đánh vào Hoa-Lư. Vì thế lực còn chưa vững mạnh, Đinh Bộ Lĩnh cho con cả là Đinh Liễn sang làm con tin để xin hoãn binh. Hai vua Ngô biết kế ấy, bèn bắt giam Đinh Liễn rồi ra lệnh tấn công. Giao tranh hơn một tháng trời không phân thắng bại, hai vua Ngô bèn sai trói Đinh Liễn trên cầu rồi ra lệnh cho Đinh Bộ Lĩnh đầu hàng, nếu không sẽ giết Liễn. Lĩnh cả giận nói: "Đại trượng phu cốt ở công danh sự nghiệp chứ đâu bắt chước thói đàn bà con trẻ!". Nói rồi sai mười người cầm cung nỏ toan bắn vào Liễn. Hai vua Ngô thất kinh than: "Ta sợ dĩ treo con hắn là để buộc hắn phải theo. Nếu hắn đã tàn nhẫn như thế thì có giết Liễn cũng vô ích mà thôi!", bèn cho thả Đinh Liễn và rút quân về.

(31) Đinh Bộ Lĩnh được ba quân suy tôn làm Vạn Thắng Vương do những chiến công lừng lẫy trăm trận trăm thắng.

(32) Sứ quân Phạm Bạch Hổ, tức Phạm Phòng Át, đóng ở Đằng-châu.

(33) Sứ quân Đỗ Cảnh Thạc, đóng ở Đỗ-Động-Giang.

(34) Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng-đế năm Mậu-Thìn (dl.968), xưng là Đinh Tiên Hoàng, đổi tên nước là Đại-Cồ-Việt, đóng đô ở Hoa-Lư.

(35) Khi Đinh Tiên Hoàng vừa khởi đế nghiệp ở nước Nam thì Triệu Khuông Dã cũng vừa lập nhà Tống ở phương Bắc. Ngay sau đó Khuông Dã sai đại tướng là Phan Mỹ sang đánh Lưu Thành (nhà Nam Hán) vì họ Lưu không chịu thần phục Tống triều.

(36) Dưới thời nhà Đinh, quân đội được chia làm 5 cấp: Đạo, Quân, Lữ, Tốt, Ngũ. Đạo có 10 quân, quân có 10 lữ, lữ có 10 tốt, tốt có 10 ngũ, ngũ có 10 người. Nước ta dưới thời nhà Đinh có được Thập đạo, tức 100 vạn hay 1 triệu quân hay không? Thời chống Nguyên, Trần Hưng Đạo cũng chỉ có được 20 vạn quân. Sử nói trăm vạn quân có lẽ cũng chỉ là con số tượng trưng, có thể ước lượng quân số lúc ấy vào khoảng 10 vạn quân thì hợp lẽ hơn.

(37) Đinh Tiên Hoàng xét thực lực chưa đủ mạnh, quốc gia mới thành hình, nếu bị Tống xâm lấn tất bất lợi nên sai sứ sang thông hiếu. Lấn thứ nhất vào năm 970, lần thứ hai vào năm 972; sứ bộ đều do Nam-Việt-Vương Đinh Liễn là con trưởng của Tiên Hoàng cầm đầu. Tống sắc phong Tiên Hoàng làm Giao-Chi Quận Vương, Đinh Liễn làm Kiểm-hiệu Thái-sư Tĩnh-hải quận Tiết-độ-sứ An-nam Đô hộ.

(38) Đinh Tiên Hoàng để ban hành nhiều luật lệ khắt khe, đặt vạc dầu trước điện, nuôi hổ báo trong vườn, dựng cột đồng nung đỏ,... để răn đe trừng trị những kẻ gian ác, phản bội. Nước ta thời ấy vừa qua cơn loạn lạc, không nhờ có hình luật nghiêm khắc thì khó vẫn hồi được trật tự an ninh.

(39) Tiên Hoàng rất trọng dụng các thiền sư vì họ có học lực uyên bác. Sư Khuông-Việt được phong làm Quốc-sư vào thời ấy. Đạo Phật từ 7 thế kỷ trước đã có mặt ở nước ta.

(40) Đinh Tiên Hoàng không chọn Đinh Liễn là con trưởng đã có công theo cha đánh dẹp từ thuở hàn vi và đã hai lần cầm đầu sứ bộ ngoại giao, mà lại phong cho thiếu tử Hạng-Lang làm Thái tử, có thể vì bà Hoàng hậu (trong 5 ngôi Hoàng hậu do nhà Đinh lập ra) sinh ra Hạng-Lang là người được sủng ái nhất. Việc này đã khiến Đinh Liễn nổi giận sai người giết Hạng-Lang (dl.979).

(41) Theo dã sử, Đỗ Thích một hôm nằm mơ thấy một vì sao sa vào miệng, cho là điềm báo trước hồng vận, nên mới nảy ra cuồng vọng giết vua Tiên Hoàng và con trưởng của ngài là Nam-Việt Vương Đinh Liễn để tiến ngôi. Người sau cho rằng đây chỉ là một luận cứ mơ hồ để che dấu những âm mưu đen tối trong hậu trường chính trị thời nhà Đinh. Vua Đinh Tiên Hoàng mất năm 979, thọ 56 tuổi.

(42) Đỗ Thích bị bắt và bị làm tội. Bản án giết vua chấm dứt. Đinh Tuệ là con bà Dương Thái-hậu, lúc ấy mới có 6 tuổi, được đưa lên ngôi tức là Đinh Thiếu Đế.

(43) Thập Đạo Tướng Quân Lê Hoàn, một trong thất hùng của nhà Đinh, là người cầm đầu quân lực nắm vận mệnh Giao-châu lúc đó.

(44) Cuộc khởi binh đánh Lê Hoàn ở Ái-châu của ba vị trung thần nhà Đinh thất bại. Nguyễn Bặc tử trận, Đinh Điền và Phạm Hạp bị bắt đem về xử tử ở kinh đô Hoa-Lư. Sự nghiệp Đinh triều đến đây coi như đã sụp đổ.

(45) Quân Tống xâm nhập Giao-châu do hai đường: bộ tiến xuống Lạng-sơn, thủy vào cửa sông Bạch-Đằng. Tháng 3 năm Tân-Tị (dl.981), Hầu Nhân Bảo và Tôn Toàn Hưng dẫn lục quân, Lưu Trừng chỉ huy thủy quân, do hai đường thủy bộ nối trên tiến vào nước ta.

(46) Phạm Cự Lượng, cũng là một trong thất hùng Giao-châu, được Lê Hoàn cử làm đại tướng. Phạm họp các tướng sĩ, bàn nên tôn Lê Hoàn lên ngôi vị Chúa tể Giao-châu. Trước tình hình nghiêm trọng, các tướng sĩ đồng thanh hưởng ứng. Bà Dương Thái-hậu bèn đem áo hoàng bào trong cung tự tay khoác cho Lê Hoàn. Đinh Tuệ bị giáng xuống làm Vệ Vương, sử gọi là Phế Đế. Đời sau cho đây là một cuộc đảo chánh do các nhân vật chính trị thời ấy là Dương Hậu, Lê Hoàn và Phạm Cự Lượng dàn cảnh.

(47) Lê Hoàn lên ngôi năm 980, xưng là Đại-Hành Hoàng-đế. Ngài sinh ở xã An-Thái, quận Thanh-Liêm, tỉnh Hà-Nam; mất năm 1005, làm vua được 24 năm, gây dựng được quân lực hùng mạnh cho Giao-châu lúc đó và xây dựng nền móng tự chủ vững vàng cho đất nước.

(48) Khi Lê Hoàn vừa lên ngôi ngài sai sứ mang thư sang Tống, nói dối là của Đinh Tuệ xin cầu phong. Tống triều không nghe, trách Lê Hoàn dám tiếm xưng đế hiệu, lại phong cho Đinh Tuệ làm Thống soái, Lê Hoàn làm Phó soái; ra lệnh nếu họ Đinh còn nhỏ không làm nổi chức vụ thì Lê Hoàn phải đưa mẹ con Đinh Tuệ sang châu Bắc triều rồi sẽ được phong quan tước. Mục đích của Tống là giữ dòng chính thống làm con tin để nắm chính nghĩa diệt Lê Hoàn, chiếm lại đất Giao-châu đổi làm quận huyện của Trung Quốc như trước.

(49) Lê Hoàn là người giỏi dụng binh. Ngài lập kế cho viên bộ tướng trá hàng để dụ quân Tống tiến sâu vào hiểm địa. Quả nhiên Hầu Nhân Bảo khinh địch ngang nhiên mang quân tiến vào Ôn-Khâu, liền bị đại quân ta bao vây. Hầu Nhân Bảo sa cơ bị bắt đem chém, hai viên bộ tướng họ Quách, Triệu bị bắt làm tù binh, đại quân Tống bị chết quá nửa, còn bao nhiêu tan vỡ hết. Lưu Trừng giữ thủy quân nghe tin mất vía, bèn tức tốc rút lui.

(50) Đại-Hành Hoàng-đế lấy niên hiệu là Thiên-Phúc (dl.980-988), Hưng-Thống (dl.989-993) và ng-Thiên (dl.994-1005).

(51) Năm 981, vua Lê Đại Hành sai Từ Mục và Ngô Tử Cảnh sang sứ Chiêm Thành, Chiêm cự tuyệt, lại bắt giam sứ giả Giao-châu.

(52) Năm 982, vua Lê Đại Hành thân cử đại binh mở đường đánh xuống Chiêm Thành. Quân Chiêm đại bại, tướng Chiêm là Tỳ My Thuế bị chém tại trận. Đại-Hành tiến quân vào kinh thành Phật-Thệ, bắt rất nhiều tù binh cùng với 100 cung nữ Chiêm và một vị sư Tây Trúc, ngoài ra còn thu vét vàng bạc châu báu mang về nước. Xét ra việc đánh Chiêm Thành của vua Lê Đại Hành chỉ cốt để dẫn mặt khiến cho người Chiêm không dám xâm phạm bờ cõi chứ chưa nhằm ý đồ mở rộng lãnh thổ về phương Nam.

(53) Quách Quân Biện và Triệu Phụng Huấn là hai viên bộ tướng của Hầu Nhân Bảo bị bắt làm tù binh ở mặt trận Chi-Lăng năm trước (dl.981).

(54) Bấy giờ Tống triều đang bận tâm về việc quân Khiết-Đan (Hung-Nô) khuấy phá ở biên thùy miền Bắc nên hoàn cảnh trở nên rất thuận lợi cho Giao-châu.

(55) Tống phong cho vua Lê Đại Hành chức Tiết-độ-sứ (dl.992), sau lại gia phong Tĩnh-Hải quận Tiết-độ-sứ Giao-Chỉ Quận-Vương (dl.993). Bấy giờ vua Lê Đại Hành mới sai sứ sang cống và gửi biểu của Đinh Tuệ nhường ngôi. Sau vua Chân-Tông nhà Tống lại phong Lê Đại Hành làm Nam-Bình-Vương (dl.997).

(56) Năm 995, vua Lê Đại Hành sai sứ sang Tàu cống đồ phương vật, nhưng đồng thời cũng ngầm tung quân sang khuấy nhiễu biên cương để dò xét thực lực nước Tống. Chuyển-vận-sứ Quảng-Tây và Bình-mã



giáp-ấp ở trấn Như-Hồng thuộc Khâm-Châu là Vệ Chiêu Mỹ dâng sớ về Tống triều báo cáo Giao-Chỉ mang hơn 100 chiến thuyền vào cướp phá trấn Như-Hồng. Triều đình nhà Tống cũng làm ngơ.

(57) Lý Nhược Chuyết đại diện Tống triều mang chiếu thư và đai ngọc sang phong chức tước cho Lê Đại Hành. Vua Đại-Hành nói với Nhược Chuyết: "Ngày trước đánh Như-Hồng chỉ là đám giặc biển ngoài cõi, chẳng hay Hoàng-đế đã biết ấy không phải là quân Giao-châu chưa? Giả sử ấy là quân Giao-châu thì trước đánh Phiên-Ngung, sau chiếm Mân-Việt, há chỉ uy hiếp một trấn nhỏ bé như Như-Hồng mà thôi?"... đại để ấy là cái khẩu khí của kẻ mạnh hay kẻ yếu thắng.

(58) Điện Bách-Bảo Thiên-Tuế xây năm 984, ở núi Đại-Văn, nay là núi Trường-Yên, trong thành Hoa-Lư.

(59) Vua Lê Đại Hành cho đúc tiền Thiên-Phúc mở mang kinh tế, tăng cường quân sự, định lại luật pháp, mở mang nông nghiệp; lại sai Ngô Tử Yên đem 3 vạn quân mở đường từ cửa bể Nam-Giới đến châu Đại-Lý.

(60) Vua Lê Đại Hành mất năm 1005. Đáng tiếc sau khi ngài qua đời mọi việc mở mang đều bị ngưng lại.

(61) Như nguyên nhân của phần lớn các vụ xáo trộn trong cung cấm thời xưa, vì vua Lê Đại Hành bỏ trường lập thứ cho nên các hoàng tử đã kéo bè kết đảng, tranh nhau ngai vàng. Cuộc rối loạn trong cung kéo dài hơn 8 tháng trời. Cho đến tháng 10 năm ấy (1005) thái tử Long-Việt mới chính thức lên ngôi. Anh là Ngân-Tích bỏ trốn, bị người ở Thạch-Hà giết. Long-Việt lên ngôi mới có 3 ngày thì bị em là Long-Đĩnh sai người trèo tường vào cung hạ sát để cướp ngôi. Lê Long-Đĩnh xưng là "Khai-Thiên ng-Vận, Thánh-Văn Thần-Vũ, Tắc-Thiên Sùng-Đạo, Đại-Thắng Minh-Quang Hiếu Hoàng-Đế". Long-Việt sau được truy đặt tên hiệu là Trung Tông Hoàng-Đế.

(62) Trước cảnh huynh đệ tương tàn trong cung cấm, các quan sợ vạ lây nên bỏ chạy hết, duy có Điện-Tiền Chi-Huy-Sứ Lý Công Uẩn ở lại ôm thây ông vua xấu số. Vua Trung Tông mất lúc mới có 23 tuổi.

(63) Lê Long-Đĩnh là ông vua bạo ngược, nổi tiếng hiếu sát trong lịch sử nước ta, thường lấy việc hành hạ giết chóc tội nhân làm vui; có lần róc míra trên đầu nhà sư, giả phạm dao cho máu chảy, lấy làm thích chí. Ông lại hoang dâm quá độ đến nỗi phải nằm mà coi triều, nên sử gọi là vua Ngọa Triều... Tuy nhiên người đời sau cũng đặt nghi vấn về một ông vua có óc canh tân, bị ép giữa hai thế lực: thành phần thủ cựu và thế lực phò họ Lý. Dưới thời Long Đĩnh cũng có công đánh dẹp giặc Cử-Long và làm được một số việc canh tân cải cách.

(64) Trong lúc Long-Ngân và Long-Kính chiếm cứ trại Phù-Lan (huyện Đường-Hào, tỉnh Hải-Dương) chống lại triều đình, bên ngoài lại có giặc Cử-Long vào cướp phá ở Ái-Châu (Thanh-Hoá), Long Đĩnh phải đem quân đi đánh dẹp. Rợ Cử-Long bị đánh tan, nhưng mãi đến đời Lý Thái Tổ mới dẹp yên hẳn được.

(65) Long-Đĩnh sai em là Long-Xưởng đem bạch tê sang cống nhà Tống và xin thỉnh 9 kinh của Trung Hoa cùng Phật kinh Đại Tạng. Vua Tống ưng thuận. Long-Đĩnh lại xin được dùng áo giáp và mũ trụ có dát vàng và xin cho dân chúng được thông thương buôn bán với Ung-Châu.

(66) Năm Đinh-Ngọ (1006), Tống Chân Đế sai bọn Triệu Việp sang kinh lý Giao-Châu. Bọn này trở về tâu rằng các con Nam-Bình-Vương Lê Hoàn chia bè kết đảng, lập thành trại sách, mỗi người chiếm cứ một nơi chống đánh lẫn nhau, xin đem quân sang đánh. Vua Tống không thuận nói: "Họ Lê không bỏ lòng trung thuận, nay Nam-Bình-Vương mới mất, chưa có lễ điếu, lại đánh người trong khi có tang, đáng vương giả không nên làm việc như thế...". Bọn Triệu Việp lại dâng bản đồ thủy lục từ Ung-Châu tới Giao-Châu, nằng nặc xin xuất quân Nam chinh. Tống đế vẫn không nghe. Đây là một trường hợp hiếm có trong lịch sử.

(67) Lê Long-Đĩnh làm vua được 4 năm, mất năm 24 tuổi (1009). Khi Long Đĩnh nằm xuống, con còn thơ, triều đình nhà Lê lập tức sinh biến.

68) Làng Cổ-Pháp thuộc huyện Đông-Ngạn, phủ Từ-Sơn, tỉnh Bắc-Ninh.

(69) Khi còn nhỏ, mẹ ông đem cho nhà sư Lý Khánh Vân trụ trì chùa làng Cổ-Pháp làm con nuôi.

(70) Ông Lý Công Uẩn có một tiểu sử khá ly kỳ. Tục truyền rằng bà mẹ là Phạm Thị một hôm đi chơi chùa Tiêu-Sơn (thuộc phủ Từ-Sơn), nằm mộng gặp gỡ thần nhân, mới thụ thai sinh ra ông. Đây hẳn là cách người xưa huyền thoại hóa câu chuyện để tránh việc dài dòng chú giải. Về sau ông làm con nuôi sư Lý Khánh Vân mới lấy theo họ Lý.

(71) Lý Công Uẩn giữ chức Tả Thân-Vệ Điện-Tiền Chỉ-Huy-Sứ, là chức vị cao nhất trong triều đình thời bấy giờ. Ông là người đức độ, lại nắm trọn binh quyền trong tay nên thanh thế rất lừng lẫy.

(72) Đào Cam Mộc là người đóng vai quan trọng trong việc vận động thuyết phục quần thần để đưa Lý Công Uẩn lên ngôi. Họ Đào về sau trở thành Phò-mã.

(73) Sư Vạn-Hạnh là thầy học của Lý Công Uẩn lúc nhỏ. Ông giữ địa vị Quốc-sư nhưng ông chính là một nhà chính trị phi thường. Ở địa vị Quốc-sư, ông là người chủ trương cuộc đảo chính không đổ máu để đưa Lý Công Uẩn lên ngôi thay thế cho nhà Tiền Lê đã suy tàn. Trong sứ mạng chính trị, ông là một kế hoạch gia đại tài đã đưa đất nước vào một giai đoạn toàn thịnh kéo dài ít nhất hai thế kỷ.

(74) "Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh" (Coi dân là quý trọng, kế đến đất nước, còn địa vị quân trưởng nên coi nhẹ); Nho học (Mạnh-Tử) từ thời xưa đã khởi xướng một quan niệm dân chủ rất tiến bộ.

(75) Nhà Lý nổi ngôi trị nước được 215 năm, là một triều đại toàn thịnh của nước nhà, các việc văn trị, võ công đều hiển hách.

(76) Hoa sen được coi là dấu ấn của nhà Phật. Bông sen trắng nở ra tám cánh, tượng trưng cho Bát chánh đạo và cũng hàm ý nghĩa tám đời vua nhà Lý. Lý Công Uẩn xuất thân từ cửa Phật. Cửa Phật cũng là nơi trở về của Lý Huệ Tông, ông vua thứ tám và cũng kể như đời vua cuối cùng của họ Lý. Lý Chiêu Hoàng tuy có lên ngôi nhưng chỉ là một cô gái ngây thơ được đặt vào vai trò chuyển tiếp để giúp cho cuộc đảo chánh của nhà Trần được thực hiện một cách êm thấm.

(77) Năm Thuận-Thiên (niên hiệu của vua Lý Thái Tổ) thứ nhất, vua ban chiếu dời đô ra Thăng-Long theo kế hoạch của Quốc sư Vạn-Hạnh, xét vì đất Hoa-Lư tuy được vẻ sơn thanh thủy tú nhưng quá chật hẹp, chưa đủ để phát triển một vương quốc và một triều đại cường thịnh.

(78) Tục truyền rằng nhân khi xa giá gần đến La-Thành có rồng vàng hiện trên trời nên vua Thái-Tổ mới đổi là thành Thăng-Long.

(79) Vì nhà vua xuất thân từ cửa Phật nên Phật giáo dưới thời nhà Lý rất được coi trọng. Vua sai sứ sang Tống thỉnh kinh Tam-Tạng. Tăng thống là Phi-Trí sang Quảng-Tây đón kinh để tại nhà Đại-Hưng là nơi chứa kinh. Vua lại xuất 2 vạn quan tiền để dựng 8 ngôi chùa ở trong phủ Thiên-Đức (Cổ-Pháp). Tại Thăng-Long thì lập chùa Thiên-Ngự, chùa Vạn-Tuế. Ở ngoài thành Thăng-Long thì xây các chùa Thắng-Nghiêm, Thiên-Vương, Cẩm-Y, Long-Hưng, Thánh-Thổ, Thiên-Quang, Thiên-Đức. Các chùa chiền đồ nát ở các nơi khác đều được tu bổ.

(80) Không những đạo Phật được trọng đãi, mà cả Tam giáo (Nho, Thích, Lão) đều được trọng vọng, khuyến khích như nhau, không có sự kỳ thị hay thiên vị. Các vị ra làm quan đều phải sát hạch qua kỳ thi Tam-giáo. Ấy là đặc điểm của văn học nước ta dưới thời Lý-Trần.

(81) Năm 1010, vua Lý Thái Tổ lên ngôi, ban chiếu đại xá và 3 lần miễn thuế cho nông dân trong nhiều năm. Người dân trước đây vì thiếu thuế phải lẩn trốn xiêu lạc, nay đều được trở về quê quán làm ăn.

(82) Tống triều có ý không tán thành việc Lý lên thay Lê, nhưng có lẽ vì thế lực nước ta dưới thời nhà Lý đã bắt đầu vững vàng, nên nhà Tống chẳng những không có phản ứng gì mà lại còn phong ngay chức Giao-Chỉ Quận-Vương cho vua Lý. Kể từ đời nhà Đinh và nhà Tiền Lê, Tống chỉ phong cho các vua ta bắt đầu từ chức Kiểm-Hiệu Thái-Úy, qua chức Tiết-Độ, Đô-Hộ rồi mới đến Quận-Vương.

(83) Năm Thuận-Thiên thứ 5 (1014), Man tướng ở Hạc-Thác (Nam-Chiếu) là Dương Trường Huệ và Đoàn Kính đem 20 vạn quân vào cướp nước ta ở miền thượng du, lập thành trại Ngũ-Hoa. Hoàng-tử là Dực

Thánh Vương được cử đi chinh phạt. Dực-Thánh thắng trận, giết hàng vạn quân giặc và bắt rất nhiều người ngựa, vua sai đem 100 con ngựa bắt được của quân Man sang biếu nhà Tống.

(84) Năm 1013, viên châu mục là Hà Trác-Tuấn thông đồng cùng quân Man nổi loạn ở Diễn-Châu. Vua Thái-Tổ tự làm tướng thân đi đánh dẹp. Sau họ Hà lại nổi lên chiếm nhiều châu miền thượng du (tỉnh Tuyên-Quang). Dực Thánh Vương và Vũ Đức Vương đem quân đi đánh, bắt được Hà Trác Tuấn đem về kinh trị tội.

(85) Rợ Cử-Long, ở vùng biên giới miền Thanh Nghệ, cậy có địa thế hiểm trở, đã từng dấy động dưới thời vua Lê Đại Hành và Lê Long Đĩnh, nay lại nổi lên cướp phá (1011). Vua Lý Thái-Tổ thân đi đánh dẹp, bắt được bọn thủ lãnh. Từ đấy giặc Cử-Long mới yên hẳn.

(86) Năm 1020, Lý Thái Tổ sai Khai Thiên Vương ( tức thái tử Phật-Mã) và tướng Đào Thác Phụ vào đánh Chiêm-Thành ở trại Bồ-Chính, chém được tướng Chiêm là Bồ-Linh. Năm 1022, Mán Đại-Nguyên-Lịch (ở khoảng giữa trại Như-Hồng và trấn Trào-Dương) nổi lên quấy nhiễu. Dực Thánh Vương đem quân đi đánh dẹp, lại vượt qua đất Tống đốt hết kho tàng lương thực rồi mới về. Dưới triều vua Lý Thái Tổ các vị hoàng tử đều có nhiều công trận.

(87) Vua Lý Thái Tổ mất năm Thiên-Thành 1028, thọ 55 tuổi, làm vua được 19 năm. Ngài là một vị vua thương dân

(88) Khai Thiên Vương, tức Thái tử Lý Phật-Mã, lên ngôi năm 1028, tức là vua Lý Thái Tông. Ngài lấy niên hiệu là Minh-Đạo.

(89) Đông Chinh Vương và Dực Thánh Vương xin về chịu tội đều được tha và cho phục chức cũ. Để điều ngự tâm thuật của những kẻ chung quanh, vua Thái Tông đặt lệ hàng năm hành lễ tuyên thệ, gọi là Hội thề, tại đền Đồng-Cổ (ở xã Yên-Thái giáp Hồ Tây, Hà-Nội ngày nay). Các quan đều phải lập lời thề: "Làm con phải hiếu, làm tôi phải trung; ai bất hiếu bất trung xin quỷ thần làm tội". Các quan ai không tới tuyên thệ bị phạt 50 trượng. Nhà Trần sau cũng duy trì tục lệ này. Hàng năm cứ đến ngày mồng 4 tháng Tư âm lịch, dân chúng rủ nhau đi xem Hội thề ở đền Đồng-Cổ đông như nước chảy.

(90) Châu Quảng-Nguyên (gồm các vùng thuộc các tỉnh Cao-Bằng, Lạng-Sơn và Thái-Nguyên bây giờ) do các châu mục người Nùng cai trị. Một trong các người thủ lãnh của họ là Nùng Tồn-Phúc cát cứ tại châu Đàng-Ro, bành trướng thế lực, giết em là Nùng Tồn-Lộc (thủ lãnh châu Văn-Nhai) và em vợ là Dương-Đạo (châu Vũ-Hạc) để chiếm lãnh cả vùng châu Quảng-Nguyên lập thành nước Trường-Sinh, một quốc gia Nùng trong lòng Việt tộc.

(91) Năm Mậu-Dần (1038), niên hiệu Minh-Đạo, Nùng Tồn-Phúc xưng nghĩa độc lập, xưng là Chiêu-Thánh Hoàng-Đế, phong cho vợ làm Minh-Đức Hoàng-Hậu, con là Nùng Trí-Thông làm Nam-Nha Đại-Vương. Đây là thời kỳ oanh liệt nhất của người Nùng.

(92) Măm Kỷ-Mão (1039) vua Lý Thái Tông ngự giá thân chinh, bắt được Nùng Tồn-Phúc và con là Nùng Trí-Thông đem về kinh trị tội. Vợ và người con khác là Nùng Trí-Cao chạy thoát được.

(93) Nùng Trí Cao chiếm cứ châu Đàng-Ro, gồm đất Cao-Bằng và Lạng-Sơn bây giờ, lập thành nước Đại-Lịch.

(94) Nùng Trí-Cao bị bắt. Vua Thái Tông nghĩ đã giết cha và anh Trí-Cao rồi nên không nỡ hại, lại cho về làm Quảng-Châu Mục, sau gia phong chức Thái-Bảo. Trí-Cao lại làm phản, xưng đế, chống lại triều đình Thăng-Long. Thời ấy có câu ca dao: "Mở mang, mang chạy lên rừng; Ta hay mang chạy ta đừng mở mang" (mang cũng là tên con vật thuộc loài hươu).

(95) Nùng Trí-Cao lại lập nước Đại-Nam, xưng là Nhân-Huệ Hoàng-Đế.

(96) Năm 1052, quân Nùng tấn công Ung-Châu và Tân-Châu của nhà Tống, chiếm được 8 châu (Hoành, Quý, Cung, Tầm, Đẳng, Ngô, Khang, Đoan) thuộc Quảng-Đông và Quảng-Tây.

(97) Trí-Cao chạy trốn sang nước Đại-Lý (tỉnh Vân-Nam). Sau bị người nước Đại-Lý bắt được, chém đầu đem nộp cho nhà Tống.

(98) Đây là việc năm Canh-Thân (1020), Chiêm Thành quấy nhiễu; vua Lý Thái Tổ sai Khai Thiên Vương (Phật-Mã) vào đánh dẹp, giết được tướng Chiêm là Bồ-Linh, quân Chiêm thua lớn.

(99) Năm Giáp-Thân (24 năm sau, 1044) vua Thái-Tông (Phật-Mã) lại mang binh thuyền đi đánh Chiêm-Thành vì lẽ vua Chiêm bỏ lệ tiến cống và người Chiêm thường hay quấy nhiễu các vùng duyên hải.

(100) Tướng Chiêm là Quách Gia Dĩ hạ sát Quốc vương Xạ-Đầu rồi xin hàng. Thắng trận quân ta giết dân Chiêm rất nhiều, vua Thái Tông phải thiết quân luật mới chấm dứt được cuộc tàn sát này.

(101) Đây là lần thứ hai quân ta tiến vào kinh thành Phật-Thệ của Chiêm quốc. Lần thứ nhất xảy ra vào năm 982, vua Lê Đại Hành cũng đã từng mang quân Nam chinh, tiến vào kinh đô nước Chiêm.

(102) Vua Lý Thái Tông tiến vào kinh đô Phật-Thệ, bắt được Vương phi là My-Ê đem cùng với một số cung nữ Chăm đem về nước. Lại bắt theo 5 ngàn tù binh Chiêm và 30 con voi trận. Số 5 ngàn người bị bắt sau được triều đình cấp cho ruộng đất để lập ấp sinh nhai. Cung nữ Chiêm là các nhạc nữ chuyên ca điệu Tây-Thiên khúc. Các cung nhân Việt sau cũng được học lời ca và điệu múa của nhạc khúc này. Về sau vua Lý Thánh Tông cho truyền bá khúc nhạc và điệu múa theo nhịp trống Chiêm-Thành. Vua Lý Cao Tông lại sai nhạc công chế soạn nhạc khúc gọi là Chiêm-Thành Âm đầy ai oán náo nùng khiến người nghe phải ngậm ngùi sa lệ. Người ta cho rằng có lẽ điệu Nam-bình, Nam-ai của Huế đã thoát thai từ đó.

(103) Khi thuyền ngự về đến hạt Hà-Nam, vua cho đòi Vương phi My-Ê sang chầu, nhưng nàng đã quần tẩm chắn chiên lặn xuống sông tự trầm. Nay bên bờ sông Châu-Giang cạnh tỉnh lỵ vẫn còn ngôi đền mà dân chúng địa phương đã dựng lên để thờ người tiết phụ đó.

(104) Thái tử Nhật-Tông lên ngôi năm 1054, tức là vua Lý Thánh Tông, lấy niên hiệu lần đầu là Long-Thụy Thái-Bình (1054-1058). Ngài nổi tiếng là một vị anh quân tài năng đức độ, có lòng thương dân.

(105) Kể từ vua Lý Thánh Tông, nước ta mới có quốc hiệu là Đại-Việt, còn ngót một trăm năm trở về trước vẫn xưng là Đại-Cồ-Việt.

(106) Binh chế thời nhà Lý rất nổi tiếng khiến nhà Tống bên Tàu phải học hỏi bắt chước. Sử chép quan Tri châu Thái Diên Khánh ở Hoạc Châu, thuộc nhà Tống, có dâng lên vua Tống Thần Tông cuốn "An-Nam Hành Quân Pháp" bắt được của nhà Lý. Đặc điểm về chiến thuật dưới đời nhà Lý là việc xử dụng kỵ binh trong các đội ngũ chính binh và quân thác chiến.

(107) Triều đại của vua Lý Thánh Tông được coi là triều đại văn vật nhất. Tinh thần Tam Giáo về đời nhà Lý cũng đã mở đường cho những thành tựu vẻ vang về đời nhà Trần sau này. Để cổ súy Nho giáo, mỗi năm hai lần vào dịp xuân thu, triều đình cho cúng tế rất long trọng miếu thờ Khổng-Tử và chư hiền, tức là 72 người học trò giỏi của đức Khổng. Nhà vua lấy ngày Thượng-đình tế ở Văn-miếu. Các quan theo ngày Trung-đình tế ở Văn-chỉ hàng tỉnh. Dân gian vào ngày Hạ-đình tế ở Văn-chỉ hàng xã. Văn-miếu còn là nơi học tập của các hoàng tử. Ở giai đoạn lịch sử này Khổng giáo bắt đầu đi sâu vào nếp sống dân gian. Nền văn hoá nguyên thủy của Việt tộc ta là một nền văn hoá có tính dung nạp thái dụng. Từ thời Bắc thuộc cho đến thời tự chủ, dân tộc Việt đã khéo mang những tinh hoa của Nho-Thích-Lão vào nếp sống Việt, tạo thành một nét văn hoá đặc thù, bàng bạc một nền "đạo sống". Nói về ảnh hưởng của Tam giáo trong nếp sống văn hóa chính trị ở nước ta, người đời sau nhận xét rằng: Chỉ khi nào Phật giáo nhẹ thấm vào lòng người như sương như mưa thì mới làm lợi lớn cho dân cho nước; và chỉ khi nào tinh thần Khổng giáo được chan hoà cùng với những tinh hoa của Phật và Lão thì sự thành tựu của Khổng mới vẹn toàn... Trái lại, bất cứ những giá trị văn hóa nào, dù là cao quý, khi đã trở thành độc tôn, đã tuôn tràn mạnh mẽ như thác lũ khiến phải ngăn chướng bằng đê bằng đập, thì đều có thể trở thành tai họa. Cái khôn khéo của

người xưa là biết khai dụng tinh thần "Tam giáo đồng hành" để áp dụng vào việc an dân trị nước, bồi đắp thêm cho nền văn hiến Việt.

(108) Năm 1060, Lang-châu mục (thuộc Lạng-Sơn) là Thân Thiệu-Thái đui theo bắt những quân trốn tránh sang đất Tống, đã bắt được chức Chi-Huy-Sứ của Tống là Dương Bảo-Tài. Quan Lại Bộ Thị-lang nhà Tống đến Ung-châu hội nghị với nhà Lý xin trả lại vị tướng ấy. Vua ta không chịu. Việc ấy tỏ rõ thái độ ngoại giao cứng cỏi đối với nhà Tống, khiến triều đình nhà Tống phải suy đi nghĩ lại trong ý đồ xâm lăng.

(109) Năm 1068, vua Thánh Tông cho chuẩn bị thêm chiến thuyền để ngự giá Nam chinh. Lực lượng viễn chinh của nhà Lý gồm có 200 chiến thuyền, mỗi chiếc chở 200 quân lính cùng quân trang lương thực. Tính ra như vậy có khoảng 5 vạn quân tham chiến trong đoàn quân viễn chinh. Lý Thường Kiệt làm Đại tướng tiên phong, em là Lý Thường Hiến giữ chức Tán-ky Vũ-úy. Ở lại triều lúc bấy giờ có Ý-Lan Phu nhân và Thái-sư Lý Đạo-Thành trông coi việc nước.

(110) Từ cửa Nam-giới phía nam núi Hồng-Lĩnh (Hà-Tĩnh), binh thuyền tới cửa biển Nhật-Lệ, nơi tập trung thủy quân Chiêm, mất 5 ngày; nhưng từ Thăng-Long tới cửa Nam-giới quân triều đã đi mất 10 ngày.

(111) Tướng Chiêm là Bố-Bì Đà-La dàn trận trên bờ sông Tu-Mao để chặn đánh quân Lý. Quân nhà Lý tràn lên giết được tướng Chiêm cùng rất nhiều binh sĩ. Trận này sử gọi là trận Tu-Mao. Thắng trận Tu-Mao, quân Đại-Việt còn phải vượt qua 2 con sông nữa mới tới kinh thành Phật-Thệ.

(112) Lý Thường-Kiệt mang quân truy nã vua Chiêm Chế Củ mất ròng rã một tháng trời. Quân ta tiến tới biên giới Chân-Lạp, qua các vùng Phan-Rang, Phan-Thiết ngày nay. Vua Chiêm vốn có cựa thù với Chân-Lạp nên hết đường chạy phải ra hàng. Trước đó dân thành Phật-Thệ đã mở cửa thành xin đầu hàng vua Lý.

(113) Vua Chiêm là Chế Củ xin dâng 3 châu Địa-Lý, Ma-Linh và Bố-Chính để chuộc tội, được tha cho về.

(114) Đây là lần đầu tiên ta lấy đất của Chiêm-Thành. Có lẽ vì nhận thấy vùng châu thổ sông Hồng đã trở nên chật hẹp trước sức bành trướng của dân tộc, nên triều đình vua Lý Thánh Tông bắt đầu có chính sách đế-quốc ở Nam thù. Trước đây ta đã hai lần đánh Chiêm-Thành và vào kinh đô Phật-Thệ, dưới thời các vua Lê Đại Hành và Lý Thái Tông, nhưng chỉ bắt người lấy của, với mục đích là dần mặt để ngăn ngừa sự gây hấn của nước Chiêm chứ chưa có chính sách chiếm đất.

(115) Ý-Lan có nghĩa là người con gái dựa bụi lan. Ý-Lan hay Yến-Nương là tên gọi bà Nguyên-phi sinh ra Thái-tử Càn-Đức.

(116) Lý Thường-Kiệt là một vị danh tướng bậc nhất của nước ta, ngài làm tướng dưới 3 triều vua: Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông và Lý Nhân Tông. Ngài từng đánh Tống, bình Chiêm, giữ yên bờ cõi, làm rạng rỡ trang chiến sử nước nhà.

(117) Làng Thổ-Lội thuộc tỉnh Bắc-Ninh, sau đổi tên là làng Siêu-Loại, rồi lại đổi là làng Thuận-Thành.

(118) Theo sử liệu, năm 1068 vua Lý Thánh Tông ngự giá Nam chinh. Ở lại triều có Ý-Lan Phu nhân và Thái-sư Lý Đạo-Thành coi việc nước. Về việc này, có sách cho là chỉ có bà Dương hậu, có sách lại nói cả hai bà Dương hậu và Nguyên phi cùng buông rèm coi việc triều chính.

(119) Trong giai đoạn lịch sử này, ngoài việc bất đồng chánh kiến giữa Lý Đạo-Thành và Lý Thường-Kiệt về việc đánh Tống, còn có sự tranh chấp quyền hành giữa hai bà Dương Thái-hậu và Ý-Lan Thái-phi. Sách Việt Sử Toàn Thư của Phạm Văn Sơn có dẫn sự tích xuất xứ từ làng Siêu-Loại, nói là khi vua Lý Thánh Tông đi đánh Chiêm-Thành, ở nhà bà Dương Hậu biết Ý-Lan Phu nhân đang mang thai, sợ sau này mất địa vị nên nên hư truyền rằng mình cũng có nghén. Khi bà Ý-Lan sinh được con trai, tức là thái tử Càn-Đức, thì bà Dương Hậu lập kế chiếm lấy người con sơ sinh ấy, lại bắt giam Ý-Lan Phu nhân vào lãnh cung, nói là vì bà Ý-Lan sanh quái thai... Khi vua Lý Thánh Tông băng hà, Thái tử Càn-Đức lên nối ngôi, việc này mới vỡ lẽ ra. Nguyên-phi lúc bấy giờ được tôn làm Hoàng Thái-phi, liền báo thù xưa, giết Dương Thái-hậu và chôn sống 72 người cung nữ ở tòng trong vụ hãm hại Nguyên phi ngày trước. Chuyện này xét ra có vài điều

không chính xác, vì năm 1068 vua Thánh Tông đi đánh Chiêm-Thành; 4 năm sau ngài mất, lúc ấy Thái-tử Càn-Đức đã 7 tuổi. Như thế khi vua đi đánh Chiêm thì Thái-tử Càn-Đức đã ra đời được 3 năm rồi. Có lẽ trong dân gian có thói quen ưa nói những chuyện "Ác giả ác báo", nên đã thêm bớt sự kiện để đặt thành giai thoại chăng?

(120) Trước khi vua Lý Nhân Tông lên cầm quyền, Ý-Lan Thái-phi là người trực tiếp tham gia quốc sự. Bà có công dạy dỗ thiếu vương để sau này ngài trở thành một vị anh quân. Người ta cho rằng việc mở mang văn học, việc đánh Tống bình Chiêm và những việc trọng đại khác đều có sự thẩm xét và quyết định của bà bên cạnh thiếu quân, nhất là những năm đầu sau khi Thái tử Càn-Đức lên nối ngôi. Lúc ấy Thái-sư Lý Đạo-Thành đã đi trấn thủ Nghệ-An vì bất đồng chính kiến với Lý Thường-Kiệt trong việc đánh Tống.

(121) Kỳ thi Tam trường đầu tiên ở nước ta vào năm 1075 chọn được 10 người. Ông Lê Văn Thịnh đỗ đầu được cử vào dạy vua học. Ông làm quan đến chức Thái-sư, về sau bị đày lên Thao-Giang (Phú-Thọ) vì bị nghi ngờ có ý phản nghịch. Mười một năm sau (1086) có Mạc Hiến Tích người Hải-Dương đỗ đầu, được bổ Hàn-Lâm-Viện học sĩ.

(122) Vương An Thạch là một đại chính trị gia triều Tống, vốn có ý mở rộng đế quốc Trung Hoa. Về chính trị, họ Vương đặt ra phép thanh miêu (thu mua lúa lúc còn xanh), phép miễn dịch (cho nhà giàu được thuê người khác làm sưu dịch thay cho mình), phép bảo giáp (10 nhà hợp thành một Bảo, 500 nhà hợp thành một Đô, dạy dân luyện tập quân sự), phép bảo mã (giao ngựa trận cho các Bảo nuôi). Vương An Thạch muốn lập biên công, mới tâu với vua nhà Tống rằng: "Giao-Chỉ vừa đánh Chiêm-Thành bị bại, quân không còn nổi một vạn, có thể dùng quân Ung-Châu sang đánh lấy". Tri châu Tiêu-Chú ở Ung-Châu đã có lần dâng sớ xin đánh Đại-Việt, tuy nhiên thái độ ngoại giao cứng rắn của nhà Lý làm cho Tống triều sinh nghi. Tiêu Ch� sau dò biết được tình hình Lý triều lúc này rất thịnh đạt, đánh thắng Chiêm-Thành mở rộng bờ cõi về phương Nam, họ Tiêu có ý trừ trừ. Nhưng đến năm Lý Thánh Tông qua đời, vua Nhân Tông còn nhỏ tuổi, Dương Thái-hậu và Ý-Lan Thái-phi tranh nhau quyền vị; trong triều thì hai đại thần văn võ là Lý Đạo-Thành và Lý Thường-Kiệt chính kiến bất đồng, triều đình nhà Tống tưởng cơ hội đã đến. Nhưng Tiêu Ch� có tính cẩn thận nên vẫn ngần ngại. Trái lại Binh-bộ Thị-lang là Thẩm-Khởi lại sốt sắng việc đánh Đại-Việt. Vua Tống bèn phái Thẩm-Khởi thay Tiêu-Chú lo việc xuất quân.

(123) Thẩm-Khởi dụ dỗ mua chuộc các tù-trưởng miền thượng du đang lệ thuộc nhà Lý, được Lưu Kỳ ở Quảng-Nguyên, Nùng Thiện-Mỹ ở châu Ân-Tĩnh (Bắc-Kạn), sau lại chiêu dụ được cả Nùng Trí-Hội là con Nùng Trí-Cao ở châu Quy-Hóa. Khởi lại ra lệnh cho Ty Kinh-lược tỉnh Quảng-Tây mộ dân đình các khe động làm thanh viện cho Trí-Hội.

(124) Tô-Giàm là tướng giữ thành Ung-Châu, tài giỏi cả về quân sự lẫn chính trị. Khi thành bị quân nhà Lý bao vây, ông đem công nhu ra phân phát hết để khích lệ tinh thần quân dân, tính chỉ trong vòng nửa tháng là viện quân sẽ tới nơi. Ông lại ra nghiêm lệnh kẻ nào trốn chạy sẽ bị trị tội. Quân tiếp viện từ Quế-Châu do Vương Thủ Tiết chỉ huy không dám tiến thẳng đến Ung thành, đi vòng theo đường Quý-Châu, tới Tân-Châu rồi dừng lại nghe ngóng. Thành Ung-Châu ngày thêm nguy ngập, Vương Thủ Tiết bắt buộc phải tiến quân. Đoàn quân này tới huyện Tuyên-Hóa còn cách Ung-Châu 40 cây số thì bị quân nhà Lý chặn đánh. Quân Tống đại bại, Vương Thủ Tiết chết tại trận. Thành Ung-Châu chiến đấu đến sức cùng lực kiệt. Phút cuối cùng Tô-Giàm cho 36 thân nhân tự sát rồi cũng tự thiêu mà chết. Dân trong thành không chịu hàng, bị quân nhà Lý giết hết. Trong cuộc chinh phạt của Lý Thường-Kiệt, quân dân Trung Quốc bị hại vào khoảng 7 vạn người, hơn 200 người bị bắt đem về Đại-Việt cùng nhiều của cải. Ba châu Ung, Khâm, Liêm bị đốt phá tan tành.

(125) *"Nam quốc sơn hà Nam đế cư,  
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư,*

*Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm*

*Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư".*

Trước sức tấn công dữ dội của quân định, Lý Thường-Kiệt phải lập kế để phần khích tinh thần quân sĩ. Ông mật sai người đang đêm lên vào đền Trương Hát ở bên sông, giả làm thần nhân đọc lớn ra bốn câu thơ ấy. Người đời sau cho rằng đây chính là bản Tuyên ngôn Tự chủ đầu tiên của nước ta.

(126) Các châu bị tạm chiếm là Quảng-Nguyên, Tư-Lang, Tô-Mậu và huyện Quảng-Lang.

(127) Năm Mậu-Ngọ (dl.1078), hai năm sau chiến cuộc, sứ thần ta là Đào Nguyên Tôn đưa 5 con voi đã thuần sang cống vua Tống và đòi lại châu Quảng-Nguyên. Tống ưng thuận với điều kiện Lý triều phải trả lại 221 người ở các châu Khâm, Ung, Liêm đã bị bắt đem đi năm Ất-Mão. Người Tống tiếc vì châu Quảng-Nguyên có mỏ vàng mới đặt hai câu: "Nhân tham Giao-Chỉ tượng, Khước thất Quảng-Nguyên kim". Các châu huyện khác, sau do phái bộ của Binh bộ Thị-lang Lê Văn Thịnh đòi về năm 1084.

(128) Lý Thường-Kiệt là một danh tướng của nước ta, đến tuổi già ngài vẫn còn cầm quân đánh giặc. Ngài mất vào năm Long-Phù thứ 5 (dl.1105). Vua Lý Nhân Tông ban chiếu truy tặng chức Nhập-nội Đô-tri Kiểm-hiệu Thái-úy Bình-chương Quân-quốc Trọng-sự, Việt Quốc Công. Ngài trước sau thờ ba đời vua đều được trọng dụng, kính mến. Sau khi ngài mất, dân bản phường (phường Thái-Hòa, huyện Thọ-Xương) thờ làm thần, được các triều về sau này phong tặng.

(129) Sau khi những người chống Đỗ Anh Vũ đã bị giết hại, triều đình vẫn còn những trọng thần trung dũng như Tô Hiến Thành, Hoàng Nghĩa Hiền, Đỗ Trung Tín... nên Đỗ Anh Vũ không dám đi xa hơn nữa trong âm mưu tiếm quyền. Tô Hiến Thành là bậc đại thần của nhà Lý, làm quan đến chức Thái-úy, coi cả việc văn lẫn việc võ, sau được gia phong Thái-phó Bình-chương Quân-quốc Trọng-sự và thêm Vương tước. Ông có tài chính trị giỏi điều khiển việc quân sự, tự chọn người làm tướng, luyện tập quân đội, nên giặc dã các nơi đều dẹp yên. Ông cũng chăm lo việc khai hóa dân trí, mở khoa thi vào năm Ất-Dậu (dl.1165).

(130) Thân-Hợi xưng là con riêng của vua Lý Nhân Tông, có phen đã xuất gia, sau tụ tập đồ đảng ở Thái-Nguyên, tự xưng vương và phong chức tước. Năm Tân-Dậu, Đỗ Anh Vũ cầm quân đuổi được Thân-Hợi ở phủ Phú-Lương khi Thân-Hối đang điều quân vây hãm phủ lý. Thân-Hợi chạy lên Lạng-Sơn bị quân của Tô Hiến Thành đuổi theo bắt được đem về kinh trị tội.

(131) Trong hai năm Tân-Mão và Nhâm-Thìn (1171-1172) vua Anh-Tông vi hành khắp nơi trong nước để xem xét dân tình và địa thế sông núi. Ngài cho họa cuốn Nam Bắc Phiên Giới Địa Đồ. Việc trị dân cũng được canh cải.

(132) Năm 1164, nhà Tống đổi Giao- Chi Quận làm An-Nam Quốc, phong vua Lý Anh Tông làm An-Nam Quốc-vương. Các triều vua trước của ta chỉ được Hoàng-đế nhà Tống phong là Giao-Chi Quận-Vương hay Nam-Bình-Vương. Có lẽ các triều trước không đòi cải chính cũng chỉ vì cốt đạt các mục tiêu ngoại giao, không muốn gây những mâu thuẫn vô ích với Tống triều.

(133) Long-Xưởng đáng lẽ được nối ngôi vua vì đã được phong làm Thái tử, nhưng trước đây vì phạm tội nên đã bị truất.

(134) Ông Tô Hiến Thành mất năm Kỷ-Hợi (dl.1179). Lúc còn sinh thời đã có sự bất đồng với Thái-hậu về ý đồ phế lập. Sau khi ông mất triều đình đã làm trái ý ông, cử Đỗ Yên Di làm Phụ-chánh và Lý Kinh-Tu làm Đế-sư.

(135) Nhà Trần Lý có ba người con: ông Trần Thừa là con cả (sinh ra Trần Cảnh), kế là Trần Tự Khánh, bà Trần thị (Trần Thị Dung) là con gái út.

(136) Trần Lý lúc ấy đã bị giặc cướp giết nhưng con là Trần Tự-Khánh vẫn giữ được binh quyền.

(137) Lý Huệ Tông phong Trần Tự-Khánh làm Trung Tín Hầu, người cậu là Tô Trung-Tử được phong làm Thái-úy Thuận Lưu Bá, Trần Thừa được phong làm Nội-Thị Phán Thủ.

(138) Thái-hậu cùng vua Lý Huệ Tông bỏ lên Lạng-sơn để phòng sự bất trắc. Bà lại ép vua bỏ Trần thị. Vua Huệ Tông không nghe, Thái-hậu định bỏ thuốc độc, Huệ Tông phải san xẻ bữa cơm của mình cho Trần thị. Sau bị bức bách quá Huệ Tông cùng Trần thị lén bỏ trốn về kinh đô. Từ đấy thế lực họ Trần càng mạnh hơn trước.

(139) Trần Liễu là con trưởng của Trần Thừa, anh em cô cậu với công chúa Thuận-Thiên. Ông là thân sinh của Hưng-Đạo Đại-Vương Trần Quốc-Tuấn.

(140) Trần Cảnh, em Trần Liễu, là con thứ của Trần Thừa và cháu ruột Trần Thủ Độ, mới có 8 tuổi được đưa vào cung làm quan Chính-thủ hầu cận nữ hoàng. Đây là vị quan nhỏ tuổi nhất. Một hôm Trần Cảnh bưng thau nước hầu nữ hoàng, bị Chiêu-Thánh cười đùa tạt nước vào mặt. Hôm khác Cảnh dâng khăn cũng bị nữ hoàng đùa ném khăn vào mặt. Trần Cảnh lặng thinh về kể lại với chú. Trần Thủ-Độ ngăn người ngấm ngấm: "Không biết ấy là diêm được cho "nước" hay là diêm chết cả họ!". Họ Trần bèn nảy ra kế mượn giai thoại "Tạt nước chọn chồng" để thực hiện cuộc đảo chánh không đổ máu trong hoàng cung.

(141) Việc nhà Trần nghiễm nhiên lên ngôi sau cuộc đảo chính thầm lặng đã gây sự công phẫn khắp triều thần văn võ. Tuy nhiên vì thế lực họ Trần lúc ấy quá mạnh nên họ đành phải thúc thủ. Đối với dân chúng thì nhà Lý vẫn là tiêu biểu cho quốc gia, tiêu biểu của cái chung đã được sự công nhận của toàn dân, cho nên trong dân gian mới có câu truyền khẩu châm biếm như thế.

(142) Trần Cảnh tức là vua Trần Thái Tông lên ngôi lúc mới có 8 tuổi, quyền hành nằm trọn trong tay chú là Trần Thủ Độ. Với chức vụ Thái-sư Thống-quốc Hành-quân Chinh-tháo-sứ, Trần Thủ Độ lúc ấy có địa vị giống như một vị Thái Thượng-hoàng trong các triều vua nhà Trần sau này.

(143) Thủ-Độ một hôm đến chùa Chân-Giáo thấy vua Lý Huệ Tông đang nhỏ cỏ, liền nói rằng: "Nhỏ cỏ phải nhổ cả rễ cái của nó đi!". Vua hiểu ý. Mấy ngày sau Thủ-Độ cho người đến mời. Huệ Tông biết ý bèn vào nhà trong tự thất cổ chết. Việc chôn sống tông thất nhà Lý xảy ra năm 1232, nhân lễ tế tiên-hậu nhà Lý tại thôn Thái-Đường (làng Hòa-Lâm, huyện Đông-Ngàn, tỉnh Bắc-Ninh). Những hành động tàn nhẫn của Trần Thủ Độ với mục đích củng cố địa vị cho một giòng họ chắc hẳn đã gây sự kinh hoàng khủng khiếp đến mọi tầng lớp dân gian lúc ấy, mặc dầu nhà Trần là một triều đại rất thân dân và nêu cao tinh thần dân chủ.

(144) Thủ Độ bắt vua Thái- Tông phải bỏ Chiêu-Thánh Hoàng-hậu vì đã ăn ở 12 năm mà vẫn chưa có con nối dõi. Độ lại giáng Chiêu-Thánh xuống làm công-chúa rồi đem người chị của Chiêu-Thánh là bà Thuận-Thiên, vợ của Trần Liễu lúc ấy đã có thai 3 tháng, vào cung làm Hoàng-hậu. Lo xa hơn nữa, để tránh nạn thoán nghịch của ngoại thích, Thủ-Độ xướng thuyết trai gái họ Trần lấy lẫn nhau. Độ thực hành ý tưởng này bằng việc kết duyên với Thái hậu Trần thị Dung, vợ góa Lý Huệ Tông, và là chị họ của Thủ-Độ, khi ấy đã bị giáng xuống làm Thái-Cực công chúa.

(145) Vua Thái Tông đang đêm bỏ hoàng cung lên ở chùa Phù-Vân trên núi Yên-Tử (huyện Hưng-Yên, tỉnh Quảng-Yên) để tỏ thái độ chống đối tiêu cực trước hành vi áp chế của ông chú. Thủ Độ đem các quan đi đón về triều. Thái Tông không chịu, nói mình còn ít tuổi không kham nổi việc lớn, yêu cầu triều đình cử người xứng đáng thay ngài. Thủ-Độ bảo các quan: Hoàng thượng ở đâu thì triều đình ở đấy. Rồi truyền các quan lo liệu việc xây dựng cung điện. Sự trụ trì phải vào kêu nài mãi Thái Tông mới chịu lên xa giá về kinh.

(146) Năm Đinh-Tý (dl.1257) quân Mông-Cổ trong khi đi đánh Tống đã từ Vân-Nam theo đường sông Thao tràn xuống nước ta. Giặc vào kinh thành Thăng-Long tàn sát không còn một người dân. Khi ấy chủ lực quân nhà Trần chống cự không nổi đã phải rút xuống Đông-Bộ-Đầu bên tả ngạn sông Hồng, nhiều cánh quân bị tan rã. Vua Thái-Tông đích thân dùng thuyền nhỏ đi tham khảo ý kiến các tướng lãnh. Tất cả đều



tỏ lộ sự tuyệt vọng. Đến lượt Thái-sư Trần Thủ-Độ; ông thản nhiên đáp: "Đầu tôi chưa rơi xuống đất thì xin bệ hạ đừng lo!". Câu nói lịch sử này đã quyết định tình hình chiến sự và định đoạt cả vận mệnh của dân tộc. Trần Thủ Độ là hạng người nào? Đời sau nhìn Trần Thủ Độ dưới nhiều nhãn quan khác nhau. Sử gia đời Hậu Lê, dưới lăng kính Nho-giáo, cho Thủ-Độ là kẻ bất nhân, loạn luân, tàn ác... có thể không sai, nhưng chưa hoàn toàn rõ nét. Phải công bằng mà nhìn nhận Trần Thủ-Độ là thể hiện của một nhân cách phi thường, chưa kể ông là người có công lớn đối với đất nước trong việc kháng Nguyên. Ông sinh năm Giáp-Dần (dl.1194), dưới đời vua Lý Cao Tông; mất năm 1268 đang lúc vua Trần Thánh Tông chuẩn bị cuộc kháng Nguyên lần thứ hai, thọ 74 tuổi. Ông chỉ xuất hiện trong lịch sử từ năm 1224 với chức Điện-tiền Chỉ-huy-sứ, cầm đầu Cẩm vệ quân vào lúc cuối triều nhà Lý. Trước đó ông chỉ là một bộ tướng vô danh trong quân đội của Trần Tự Khánh (Tự-Khánh mất năm 1223). Ông không phải là một tướng lãnh có thành tích chiến trận. Khi cầm Cẩm vệ binh giữ kinh thành ông chỉ làm một việc duy nhất là lật đổ ngai vàng nhà Lý bằng một cuộc đảo chánh không đổ máu. Nhưng trong chiến trận ông là một tham mưu giỏi, và ông chính là linh hồn của cuộc kháng Nguyên lần thứ nhất. Về bản chất, ông là một nhà chính trị đích thực, khác với Vạn-Hạnh Quốc-sư, hay Lý Đạo-Thành, Tô Hiến-Thành đời trước, vốn là những nhà chân tu hay nhà đạo đức làm việc chính trị. Và mặc dầu có những khuyết điểm nặng nề trong việc thanh toán tông thất nhà Lý bằng hạ sách, ông vẫn tượng trưng cho một ý chí phi thường trong việc giữ nước. Tóm lại Trần Thủ Độ là một nhà chính trị. Nhân cách của ông không được coi trọng như những danh nhân lịch sử của dân tộc, nhưng ông chính là người đã chuyển vận nước, đưa đất nước từ một triều đại đang tàn lụi sang một thời đại hùng cường mới, để vận dụng sức mạnh của dân tộc ngăn chống và đánh bại tất cả các cuộc xâm lăng khủng khiếp của đế quốc Mông Cổ thời bấy giờ.

(147) Mười hai lộ (tỉnh) của nước ta dưới đời nhà Trần là: Thiên-trường, Long-hưng, Quốc-oai, Bắc-giang, Hải-đông, Trường-yên, Kiến-xương, Hồng-châu, Khoái-châu, Thanh-hóa, Hoàng-giang và Diễn-châu.

(148) Câu tục ngữ này nói lên sự bất mãn hoặc chê trách của dân chúng về chế độ tập ấm và gia nô, gia đồng, mua bán nô lệ (đã bị bãi bỏ dưới triều vua Lý Thái Tông lúc trước). Lệ tập ấm kéo dài đến đời Trần Phế Đế mới hết.

(149) Khoa thi Tam-giáo được mở vào năm 1227 dưới đời Trần Thái Tông. Liên tiếp các triều vua sau việc khoa cử đều lấy tới Tam khôi: Trạng-nguyên, Thám-hoa, Bảng-nhân.

(150) Các thư biểu ngoại giao với Mông Cổ tuy lời lẽ nhũn nhặn nhưng lập trường thì rất đanh thép. Bài Hịch Tướng Sĩ của Trần Hưng Đạo cũng là một bản hùng văn của lịch sử.

(151) Thiết Mộc Chân sau xưng là Thành-Cát Tư-Hãn (Gengis Khan), đánh bại quân đội Thổ-Nhĩ-Kỳ ngang với đời vua Lý Cao Tông ở nước ta.

(152) Lúc này Trung Quốc chia làm 3 khu vực, thuộc quyền 3 vương triều: Khu vực Hoa-Bắc do người Kim dòng dõi Mãn-châu chiếm giữ, kinh đô là thành Bắc-Kinh. Hoa-Nam thuộc nhà Tống, kinh đô ở Hàng-châu. Miền Tây-Bắc thuộc nước Tây-Hạ.

(153) Trước sức tàn phá và bành trướng như bão táp của đế quốc Mông-Cổ, các quốc gia Tây-Âu ở trong tình trạng khủng khiếp, lo sợ giặc Mông sắp sửa tràn tới bất cứ lúc nào. Giáo-hoàng Innocent IV và vua Louis nước Pháp đã phải cử sứ giả sang Mông để cầu hòa. Lúc ấy vó ngựa Mông-Cổ đã đầy xéo tan nát khắp vùng Trung Á sang đến Đông-Âu. Sau khi đánh tan Đế quốc Hồi, tràn qua Afganistan (A-Phú-Hãn), Pakistan (Hồi quốc), Armenia... quân Mông-Cổ đã vượt núi Caucase tiến vào địa giới nước Nga. Năm 1223 Mông-Cổ tiêu diệt 8 vạn kỵ binh thiết giáp của Nga. Các công vương Nga bị bắt trời và bắc ván trên đầu để bọn tướng xâm lược uống rượu ăn mừng chiến thắng. Năm 1238 quân Mông vượt sông Volga chiếm kinh đô Mạc-Tư-Khoa và 14 thành thị lớn, 4 phần 5 lãnh thổ Nga bị xâm chiếm. Năm 1241 Mông đánh tan liên binh Ba Lan - Đức, chiếm Hung-Gia-Lợi, lên đến tận bờ biển Nam-Tư và thành Venise của Ý.

Một Đế-quốc Mông-Cổ rộng lớn chưa từng thấy đã được thành lập vào đầu thế kỷ 13, bao quát 2/3 thế giới, trải rộng từ Thái-Bình-Dương tới bờ Hắc-Hải.

(154) "Vó ngựa Mông-Cổ đi tới đâu thì nơi ấy một ngọn cỏ cũng không mọc lên được". Trong khi tất cả các quốc gia, các đế quốc lớn nhỏ, khi chạm với Mông-Cổ đều bị nghiền nát và cả thế giới lo lắng tuyệt vọng tưởng như đã tới ngày tận thế, thì 3 cuộc chiến thắng của Đại-Việt dưới đời nhà Trần hiển nhiên đã bẻ gãy mộng làm chủ toàn cầu của Đế-quốc Nguyên Mông. Vào đầu thế kỷ 13 Đại-Việt không những đã chặn đứng sức bành trướng của giặc Mông-Cổ, che chở cho các quốc gia trong vùng Đông Nam Á, mà còn đánh tan kế hoạch nô lệ hoá thế giới của Thành-Cát Tư-Hãn được tiếp tục thực hiện dưới các triều đại kế thừa. Ngoài niềm hãnh diện về hùng khí của dân tộc và về kỳ tài lãnh đạo chiến lược của Hưng-Đạo-Vương Trần Quốc Tuấn, ta còn niềm tự hào và tin tưởng ở tinh thần Diên-Hồng, tiêu biểu cho tinh thần dân chủ Nam phương. Tinh thần ấy đã góp phần quan trọng trong cuộc chiến thắng bạo lực Mông-Cổ của quân dân ta dưới thời nhà Trần.

(155) Mông-Kha (Mong-ké) tức là vua Nguyên Hiến-Tông. Sau khi ông mất, em là Hốt-Tất-Liệt lên ngôi Nguyên chủ, xưng là Nguyên Thế-Tổ (quốc hiệu đổi là Nguyên từ đấy).

(156) Ngột-Lương-Hợp-Thai (Wouleangotai) là một danh tướng của Mông-Cổ.

(157) Sông Thao cũng là một tên khác của sông Hồng-Hà, còn gọi là sông Cái. Ba dòng sông lớn (Tam đại giang) là sông Đà, sông Thao, sông Lô giao nhau ở Việt Trì. Các trận tấn công xâm lược của Đế quốc Trung-Hoa thời xưa vào đất Việt thường dùng đường bộ tiến vào Lạng-sơn hay qua Cao-Bằng; đường sông từ Vân Nam xâm nhập vào sông Thao; hoặc đường biển vào cửa Bạch Đằng.

(158) Trong các đạo quân xâm lược của đế quốc Mông-Cổ, ngoài đạo quân của Á-Châu là con trai viên danh tướng Ngột-Lương-Hợp-Thai, còn có quân đội của 50 Thân-vương Mông-Cổ. Khí thế giặc rất mạnh, tiến vào Thăng-Long như chỗ không người.

(159) Sông Đuống là một phụ lưu của sông Hồng-Hà chảy từ tây sang đông ra sông Bạch-Đằng.

(160) Sông Cầu còn có tên là sông Như-Nguyệt, chảy qua tỉnh Bắc-giang xuôi theo hướng nam đông-nam xuống sông Bạch-Đằng.

(161) Sông Cái tức sông Hồng-Hà.

(162) Đông-Bộ-Đầu là một địa danh chiến lược ở bên tả ngạn (phía đông) sông Hồng, khúc dưới thành Thăng-Long, thuộc địa hạt huyện Thượng-Phúc.

(163) Sông Thiên-Mạc là khúc sông Hồng ở dưới Đông-Bộ-Đầu, thuộc huyện Đông-Anh, tỉnh Hưng-yên.

(164) Thành Thăng-Long bỏ ngõ, quân giặc tiến vào tìm thấy 3 người sứ thần của họ bị giam trong ngục.

Khi cởi trói thì một người đã chết. Quân Nguyên tức giận tàn sát dân chúng trong thành già trẻ lớn bé không tha một mạng. Trong lúc rút chạy khỏi thành Thăng-Long, Thái-úy Trần Nhật-Hiệu, em ruột vua, là võ quan cao cấp nhất chỉ huy quân Cấm vệ, đã lạc mất cả cánh quân Thiên-cương của mình. Khi vua Thái Tông dùng thuyền đi tham khảo ý kiến các tướng lãnh thì Nhật-Hiệu còn đang run sợ, ông phải cầm sào vạch xuống nước sông hai chữ "Nhập Tống", ngụ ý xin cầu cứu nhà Tống. Nhưng lúc ấy thì vận mạng nhà Tống cũng đang như chỉ mảnh treo chuông trước sức tấn công của quân Mông Cổ.

(165) Khi vua hỏi ý kiến quan Thái-sư, Trần Thủ Độ thản nhiên nói: "Đầu tôi chưa rơi xuống đất thì xin bệ hạ đừng lo!". Câu nói lịch sử này đã quyết định trận đánh. Trong trận kháng Nguyên lần thứ nhất Trần Thủ Độ đã không xuất hiện như một dũng tướng, nhưng ông là linh hồn của cuộc kháng chiến. Các tướng lãnh được tung ra trận là những vị như Trần Quốc Tuấn, Trần Khánh Dư, Lê Tần,... và ngay cả vua Trần Thái Tông và Thái-tử Trần Khoán (Hoāng).

(166) Trận Đông-Bộ-Đầu diễn ra vào tháng chạp năm Đinh-Tỵ (ngày 29-1-1256), là trận đánh quyết định cuộc thắng bại. Trong trận này quân Trần đã dốc toàn lực quyết liệt phản công nên chỉ sau 9 ngày đại

quân Nguyên đã bị đánh bật khỏi các cứ điểm tạm chiếm. Trên đường rút lui ngược sông Hồng-Hà giặc còn bị dân quân các vùng sơn cước tự động chặn đánh khắp nơi hết sức điêu đứng. Đoàn quân bách chiến của tướng Ngột-Lương-Hợp-Thai đành phải tháo chạy về Côn-Minh. Đây là trận chiến bại đầu tiên của Mông-Cổ kể từ khi mang quân đi chinh phục toàn thế giới.

(167) Năm Mậu-Ngọ (dl.1258) Trần Thái Tông truyền ngôi cho thái tử Trần Khoán (Hoãng) để lên làm Thái-thượng-hoàng. Đây là chính sách truyền ngôi rất khôn ngoan của nhà Trần, nhằm ổn định chính trị, đề phòng những đột biến có thể xảy ra và tránh những sai lầm chính sách trong giai đoạn chuyển tiếp. Thái tử Khoán lên ngôi đổi niên hiệu là Thiệu-Long, tức vua Trần Thánh Tông. Ngài là một vị vua tài giỏi, khôn khéo cả về việc văn lẫn việc võ, lại hết lòng với dân với nước.

(168) Triều đình Nguyên đòi đặt chức quan Đạt-lỗ-hoa-xích (hay Đạt-lỗ-cát-tề) tức là quan Chương-ấn để ngấm ngấm giám trị các châu quận của nước ta trong khi họ chưa cướp được nước. Vì biết lực lượng chưa đủ mạnh để đương đầu với giặc nên vua Thánh Tông phải đành tạm nhận điều khoản này. Đến năm 1275 thì ngài từ chối thẳng. Trong bài biểu của vua gửi sang triều đình nhà Nguyên viết: *"...Vả lại Đạt-lỗ-cát-tề chỉ đáng thi hành với các nước xấu xa nhỏ mọn, nơi mọi rợ ở biên giới, lẽ nào tôi đã được liệt phong vào bậc Vương, đứng hàng phân dậu một phương mà lại lập Đạt-lỗ-cát-tề cai quản thì hà chẳng bị các nước chư hầu chê cười ư?"*... Vua Trần Thánh Tông lại xin đổi chức quan Đạt-lỗ-cát-tề làm chức Dẫn-tiến-sứ, tức là chức quan coi việc kiểm điểm đồ tiến cống, chẳng có quyền hành gì đối với nước ta; vua Nguyên không chịu. Triều đình nhà Nguyên biết rằng dụng kế để cướp nước không xong mới quay trở lại biện pháp võ lực.

## Vũ Thanh Thư

Kính mời đọc thêm những bài khác của tác giả tại:  
<http://www.vietnamvanhien.org/vuthanhthu.html>

[www.vietnamvanhien.net](http://www.vietnamvanhien.net)

